**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

**Hòa thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng**

**Năm 2014**

**MỤC LỤC**

**(Từ tập 66 đến tập 69)**

[**TẬP 66 2**](#_Toc491239966)

[**TẬP 67 25**](#_Toc491239967)

[**TẬP 68 49**](#_Toc491239968)

[**TẬP 69 75**](#_Toc491239969)

# **TẬP 66**

*Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.*

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại kinh Khoa chú**” trang 281, hàng đầu tiên “**Trí huệ đệ nhất Tôn giả Xá Lợi Phất**”. Chúng Thanh Văn được liệt kê trước đó là bậc Thượng thủ biểu pháp, người đầu tiên là Tôn giả Kiều Trần Như. Tôi đặc biệt muốn nhắc mọi người một chút, phải để ý đến ý nghĩa sâu xa trong sự biểu pháp của Tôn giả Kiều Trần Như. Dụng ý đó rất sâu, Ngài vì chúng ta biểu thị. Đồng học tu học pháp môn Tịnh tông, bất luận là tại gia hay xuất gia, đều là đệ tử bậc nhất của Như Lai.

Hôm qua, tôi có báo cáo với các vị: Trong nhà Phật không riêng gì Phật Thích Ca, mà cả hết thảy chư Phật Như Lai khắp mười phương ba đời, vô lượng pháp môn đều có Chánh pháp, Tượng pháp, Mạt pháp và Diệt pháp, đều có bốn giai đoạn này. Duy chỉ có Tịnh tông, từ đầu đến cuối đều là Chánh pháp. Điểm này chúng ta không thể không biết, vì sao? Trong kinh Đại thừa đã nêu cho chúng ta một tiêu chuẩn, Tịnh tông hoàn toàn tương ưng. Có giảng kinh, có nghe kinh, có tu hành, có chứng quả, đây gọi là Chánh pháp.

Hiện nay có rất nhiều người học Kinh giáo Tịnh tông, có người giảng kinh, có người nghe kinh, có người niệm Phật. Niệm Phật chính là tu hành, vãng sanh chính là chứng quả. Trước mắt đồng học niệm Phật, có năm nào không có người vãng sanh đâu? Có tháng nào không có người vãng sanh chứ? Rất nhiều người vãng sanh, thoại tướng vô cùng đẹp. Có một số biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh. Lúc nào cũng nghe thấy những chuyện đó, không hề giả. Đầy đủ bốn điều kiện này, đó chính là Chánh pháp. Cho nên, Tịnh tông là Chánh pháp, đúng như danh hợp với thực, là pháp thuần chánh. Nhưng pháp môn này, đích thực chư Phật Như Lai đều nói, không phải ai đó nói một cách tùy tiện. Trong tất cả pháp môn, pháp này được gọi là pháp khó tin, nhưng lại rất dễ tu thành. Tuy là nói dễ, nhưng tuyệt không phải dễ dàng đến mức đó. Mỗi một người khi nghe đến pháp môn này, nếu có thể tin không hoài nghi, có thể phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, thật chịu niệm Phật, Phật sẽ đến tiếp dẫn người đó. Xem ra cũng rất dễ dàng, bất luận người tại gia, xuất gia, tôi cũng đã thấy qua không ít.

Thuở tôi giảng kinh ở Mỹ, tại Maryland, tôi có gặp được tiên sinh Chu Quảng Đại. Ba ngày trước khi vãng sanh, ông mới gặp được Phật Pháp. Cả nhà ông, một đời chẳng có tín ngưỡng tôn giáo. Ông mắc phải căn bệnh rất nặng, bệnh viện từ chối điều trị. Người nhà đến khắp nơi tìm tôn giáo, cầu thần, muốn thử xem liệu có kỳ tích xuất hiện không! Họ tìm đến chúng tôi, chúng tôi bèn cử đi bốn đồng học qua đó thăm ông. Họ gọi điện về nói với tôi: “*Bệnh tình quả thật rất nặng, e rằng tình hình không cách gì khá lên được*”. Vì thế, mọi người liền khuyên ông niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Kể với ông về y chánh trang nghiêm của Thế Giới Cực Lạc, không ngờ ông vừa nghe liền tin ngay. Ông dặn người nhà: “*Đừng đi tìm bác sĩ, thuốc men cho ông nữa, không cần thiết đâu*”. Ông yêu cầu toàn bộ người nhà niệm Phật tiễn ông vãng sanh. Lúc đó, tổ chức của chúng tôi mới thành lập được một năm, Hội Phật giáo Hoa Phủ thành lập vào năm 1983. Còn Chu Quảng Đại thì vãng sanh vào năm 1984, Hội Phật giáo của chúng tôi thành lập được một năm. Chúng tôi cử đồng học thay nhau trợ niệm cho ông, ngày đêm không nghỉ. Cứ bốn người là một nhóm, tổng cộng ba nhóm. Mỗi nhóm trợ niệm tám tiếng, ngày đêm không gián đoạn. ba ngày sau ông vãng sanh, thật sự vãng sanh. Lúc hỏa thiêu còn có xá lợi, thật là hiếm có. Chuyện này là chính mắt chúng tôi chứng kiến.

Ba ngày, trong kinh A Di Đà có nói: “**Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày**”, thật tin mới được. Thật tin, thật nguyện chính là “Tâm Vô thượng Bồ đề”. Một lòng xưng niệm, không hề hoài nghi, không có âu lo, đây chính là “***Nhất hướng chuyên niệm***”. Có Tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm nhất định vãng sanh. Đây là nguyện thứ 18 của A Di Đà Phật, là một nguyện nằm trong 48 nguyện, thù thắng vô cùng, chúng tôi tận mắt chứng kiến.

Ngoài ra còn có một người vãng sanh nữa, là một bà cụ, tôi chưa nhìn thấy. Bạn bè của lão Thái Thái ở San Francisco, những bạn bè của cụ đều là người niệm Phật; lão Thái Thái này, quen với cụ đã được mấy mươi năm. Chồng của bà cụ qua đời rồi, mọi người đều từ Đài Loan sang Mỹ. Con trai đến Mỹ du học, sau khi tốt nghiệp thì làm việc tại Mỹ. Sau đó, kết hôn sinh con. Con trai bèn đón mẹ sang Mỹ để chăm lo các việc trong nhà. Người mẹ vẫn còn khỏe, mỗi ngày nấu cơm, giặt đồ cho các con, dọn dẹp nhà cửa với trông cháu. Sống ở Mỹ được khoảng 4-5 năm, cháu nội cũng vào nhà trẻ rồi. Con trai và con dâu đều đi làm, cả ngày bà ở nhà chỉ có một mình, nên dễ tu hành. Một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật, niệm được mấy năm. Sáng sớm mỗi ngày, bà đều thức dậy rất sớm, nấu bữa sáng. Con trai với con dâu ăn sáng xong thì đi làm, cháu thì gửi đến trường.

Hôm đó sáng sớm thức dậy, con trai và con dâu thấy, hôm nay bà cụ vẫn chưa dậy. Không có người nấu cơm sáng, nên cảm thấy kỳ lạ, đến phòng bà xem thử. Ở Mỹ, phòng của người già không có khóa. Mở ra nhìn thấy mẹ cậu mặc áo tràng ngồi trên giường, ngồi xếp bằng trên giường. Gọi bà, bà không trả lời. Nhìn kỹ lại thì thấy đã bà đi rồi, trước đó chẳng hề nói với người nhà. Bà biết trước ngày giờ, bà để lại di chúc, trong di chúc viết rất rõ. Hơn nữa, hiếu phục cho con trai, con dâu và cháu nội đều đã làm xong đâu vào đó. Từng phần một đều xếp ở đầu giường, bà sắp xếp hậu sự xong xuôi cả rồi. Chí ít ba tháng trước đó, bà đã biết bà sẽ vãng sanh vào ngày nào, bà mới có thời gian chuẩn bị. Bà cụ không hề báo cho bất kỳ bạn bè đồng tu nào: “*Lúc nào tôi vãng sanh, mấy người đến tiễn tôi vãng sanh nhé*”, không hề nói một tiếng, không làm phiền mọi người.

Sau khi vãng sanh, gia đình báo tin đi nên mọi người mới biết. Công phu chân thật, một chút cũng không giả. Âm thầm lặng lẽ, nói đi là đi, không có chút đau bệnh nào. Trước đó một ngày, buổi tối hôm đó mọi thứ đều bình thường. Buổi tối hôm đó, đến sáng sớm ngày thứ hai thì cụ đi rồi. Vãng sanh lúc nào cũng không biết, chỉ thấy cụ chuẩn bị hậu sự của mình đâu vào đó, dặn dò kỹ càng; chứng tỏ bà biết trước ngày giờ. Bởi vậy, pháp môn này chân thật là đệ tử bậc nhất của Như Lai, là người thường sao? Không phải.

Trong kinh Đại thừa có nói: “**Phàm là người niệm Phật vãng sanh, chẳng luận thời gian dài hay ngắn. Thật sự được A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, đều là trong vô lượng kiếp đời quá khứ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật**”. Nên đời này gặp được Tịnh tông, được oai thần chư Phật Như Lai gia trì. Bản thân thật sự “Tín, Nguyện, Trì danh, cầu sanh Tịnh độ”, nhờ đó mới có thể thành công. Nếu như không phải trong đời quá khứ đã trồng cái duyên sâu dày như vậy, thì chuyện đó không thể nào xảy ra được. Vì thế, giống như Chu Quảng Đại hay lão Thái Thái này vậy, đều không phải nhân vật đơn giản.

40 năm trước, chúng tôi sống tại khu vực Đài Loan, khu vực này cũng có một bà cụ, tên gì thì tôi quên mất rồi. Bà ở làng Tướng Quân, ngay sát Phật Quang Sơn - Phật Quang Sơn ở làng Đại Thụ. Làng Tướng Quân có một bà cụ niệm Phật được ba năm, đứng mà vãng sanh. Có một năm tôi ở Cao Hùng, hiệu trưởng của trường Đại học Trung Sơn có mời tôi đến bên đó diễn giảng một lần. Tôi đưa ra câu chuyện này, lúc đó trong số thính chúng, vẫn còn hai người nói với tôi. Họ bảo, đó là sự thật, họ là hàng xóm láng giềng của bà cụ đó, chính mắt nhìn thấy. Họ làm chứng cho tôi, đó đều là do trong vô lượng kiếp trước kia đã kết mối duyên sâu dày với Phật. Thế gian này không có chuyện gì là ngẫu nhiên cả.

Kinh A Di Đà nói rất hay: “**Không thể dùng một chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà sanh về được nước kia**”. Cho nên nhất định là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên. Cái này không thể không xem trọng, bạn đừng khinh xuất xem thường mà bỏ qua, đó là sai lầm. Bản thân chúng ta thử nghĩ xem, “Thiện căn, Phước đức, Nhân duyên” của chúng ta có đủ không? Bản thân mình có thể hiểu rõ. Thứ nhất là tín tâm, đó có phải là thật tin không? Bạn có hoài nghi không? 99% tin tưởng, vẫn còn một phần hoài nghi thì không thể bảo đảm, chuyện này không dễ.

Làm thế nào để kiến lập tín tâm? Một là do thiện căn trong đời quá khứ, một là gặp được ở đời hiện tại. Gặp được rồi thì thế nào? Họ hoan hỷ, không những tin sâu không nghi, mà còn hoan hỷ vô lượng đối với pháp môn này. Họ tôn trọng, thật làm, thật có cái tâm tình này. Có thể nói, người đó có thiện căn, có phước đức, còn phải biết báo ân Phật. Làm thế nào để báo ân Phật? Chính là ta niệm Phật vãng sanh, làm ra tấm gương cho mọi người xem, để mọi người sanh khởi lòng tin. Đây chính là báo ân Phật.

Hải Hiền lão Hòa thượng của chùa Lai Phật đã làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Người trẻ tuổi cũng nên phát nguyện báo ân Phật, phải truyền thừa pháp môn Tịnh tông này, phải để Tịnh tông phát dương quang đại. Tịnh tông chúng ta chỉ có một bộ kinh, một bộ luận, bộ luận này chính là bản Chú giải, tập chú của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Một bộ kinh là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Đây là Hải Hiền lão Hòa thượng tác chứng cho chúng ta, một câu Phật hiệu niệm đến cùng. Kinh luận mang lại lợi ích gì? Chính là giúp chúng ta phát khởi niềm tin, giúp chúng ta trong việc phát nguyện. Nếu chúng ta thật tin nguyện thiết, vậy thì kinh với luận có đọc hay không cũng không sao? Quan trọng nhất chính là một câu Phật hiệu. Kinh luận là nhằm giúp chúng ta nhận thức về Tây Phương Thế Giới Cực Lạc, cũng như hiểu biết về Thế Giới Ta Bà mà chúng ta đang sống hiện nay. Phải hiểu cho rõ hai thế giới này, bạn sẽ biết so sánh. Mai này bạn nên đi về đâu? Bạn sẽ chọn lựa con đường nào? Mục đích của kinh luận nằm ở chỗ này. Ta không có hoài nghi, ta hoàn toàn tin tưởng. Thế thì kinh luận đối với ta mà nói không còn quan trọng nữa, niệm Phật mới quan trọng. Nhưng niệm Phật, đây là pháp môn Đại thừa.

Kinh Hoa Nghiêm có nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, được thuyết bởi tất cả chư Phật Như Lai. Hay vô lượng pháp môn đều được xây dựng trên nền tảng của giới học, vì sao? Vì giới là gốc của Vô thượng Bồ đề. “*Nhân giới được định, nhân định khai huệ*”, đây là pháp môn chung, pháp môn Tịnh độ cũng không ngoại lệ. Bạn xem, Hải Hiền lão Hòa thượng cả đời nghiêm trì Giới luật, cái Ngài trì là giới gì? Học hội Tịnh tông của chúng ta, khi thành lập ở Mỹ vào thuở đầu tôi có viết một bài duyên khởi, có đề ra năm khóa mục dành cho hành môn, đó chính là Giới luật. Người tu Tịnh độ nhất định phải tuân giữ, phải thực hành, đây là dành cho người cầu vãng sanh như chúng ta.

Thứ nhất là “Tịnh nghiệp Tam phước”. Những năm qua tôi vẫn thường nói ba cái gốc của Nho-Thích-Đạo, ba cái gốc này phải trồng từ đâu? Phước đầu tiên trong “Tịnh nghiệp Tam phước”, phước đầu tiên có bốn câu: “***Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập thiện nghiệp***”, đây là bốn câu. Bốn câu này chính là ba cái gốc của Nho-Thích-Đạo. Chúng ta làm thế nào để thực tiễn hiếu thân tôn sư? Chính là áp dụng ngay nơi “Đệ tử quy”, phải thật làm. Từ tâm bất sát, thực tiễn nơi “Cảm ứng thiên”. Giáo dục nhân-quả, tu Thập thiện nghiệp, áp dụng ngay nơi “Thập thiện nghiệp đạo Kinh”. Đây là ba cái gốc của Nho-Thích-Đạo. Nếu như không có những cái này, học Phật sẽ rất khó thành tựu. Nhiêu đây vẫn chưa đủ, đây chỉ mới là nền tảng mà thôi. Giống như chúng ta xây nhà lầu vậy, đây là nền móng. Có thể làm được điều này, yêu cầu phải làm được. Thực tiễn “Đệ tử quy”, “Cảm ứng thiên”, với “Thập thiện nghiệp đạo” vào trong cuộc sống, vào trong công việc. Áp dụng vào xử việc, đối người, tiếp vật, các vị thử nhìn Hải Hiền lão Hòa thượng xem. Ngài làm được rồi! Ngài chưa hề học qua, nhưng Ngài thảy đều làm được.

Điều thứ hai trong “Tịnh nghiệp Tam phước”, Tịnh nghiệp Tam phước là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất, quyết định không thể đi ngược lại. Điều thứ hai này có ba câu: “***Thọ trì Tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi***”. Điều này được thiết lập trên nền tảng của phước thứ nhất. Không có phước thứ nhất sẽ không có phước thứ hai, đương nhiên càng không thể có phước thứ ba được.

Bạn xem “Thọ trì Tam quy”, hôm nay chúng ta mở quyển kinh ra, đầu tiên là đọc bài Tam quy. Tam quy là tổng cương lĩnh tu hành của chúng ta, chúng ta tu cái gì? Chính là tu Giác-Chánh-Tịnh, Giác-Chánh-Tịnh nằm ngay trên đề kinh của chúng ta, kinh Vô Lượng Thọ; thì một nửa phần sau của đề kinh nói về “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”. *Thanh tịnh* là giới, *Bình đẳng* là định, *Giác* là huệ. Giác chính là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, trên đề kinh chính là Tam quy. Quy y Phật, làm thế nào để quy y Pháp? Trong “Lục tổ Đàn kinh” nói rất hay, Lục tổ đại sư nói rất hay: “***Phật là người giác ngộ***”.

Giác mà không mê gọi là quy y Phật, chánh mà không tà gọi là quy y Pháp, tịnh mà không nhiễm gọi là quy y tăng. Chính là cái ý này! Chúng ta khởi tâm động niệm, lời nói việc làm phải nghĩ đến Giác-Chánh-Tịnh, mọi điều phải tương ứng với Giác-Chánh-Tịnh, đây mới thật sự gọi là “Quy y”. Trái ngược với Giác-Chánh-Tịnh gọi là mê tà nhiễm, đó là quy y với ba đường ác. Không phải quy y với Thích Ca Mâu Ni Phật, không phải quy y với Tây Phương A Di Đà Phật. Mấy cái này bạn phải nên biết.

Tôi ở Srylanka giảng kinh, bên đó là một quốc gia Tiểu thừa. Pháp sư yêu cầu tôi đem “Kệ khai kinh” đổi thành bài “Tam quy y”. Tôi thấy cũng tốt, lời kiến nghị này không tệ. Đem bài “Kệ khai kinh” đổi thành bài “Tam quy y” càng có ý nghĩa hơn, tôi đồng ý rồi! Không được quên đi Tam quy, thực tiễn Tam quy chính là Giới luật, Giới luật chính là Ngũ giới Thập thiện và Sa di Luật nghi. Chẳng luận là người tại gia hay xuất gia, người tu Tịnh độ buộc phải làm được những điều này.

Phước thứ ba là: “***Phát Bồ đề Tâm, thâm tín nhân-quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả***”. Đây là ba điều, 11 câu của Tịnh nghiệp Tam phước, nhất định phải làm được. Đi ngược với những điều này, đồng nghĩa bạn không phải học Phật, cái này quan trọng hơn bất cứ cái gì. Nếu như muốn phát tâm kế thừa Đạo Thống, mai này đi vào con đường hoằng pháp lợi sinh. Hoằng dương Phật Pháp thì giới rất quan trọng; không có giới, bạn chưa thọ giới, người ta sẽ không tin bạn. Định Hoằng pháp sư theo tôi đã mười mấy năm, lúc còn đi học ở Mỹ. Cậu ấy thường đến tìm tôi, sau khi tốt nghiệp thì giảng dạy ở Mỹ, trở thành giảng sư, đến phó giáo thọ, rồi lên đến chánh giáo thọ. Nhưng vẫn chưa nhậm chức chánh giáo thọ, thì cậu ấy đã theo tôi xuất gia học Phật rồi. Giảng kinh cũng rất khá, những năm qua rất chịu khó dụng công. Nhưng dẫu có giảng hay hơn nữa, người ta nói anh chưa học qua giới, người ta sẽ coi thường anh. Tôi bèn gửi thầy ấy qua bên Quả Thanh pháp sư, nói với thầy ấy rằng: “*Đây là điều mà Tổ Tổ tương truyền; người xuất gia phải có năm năm học giới, anh đến chỗ pháp sư Quả Thanh chăm chỉ học giới năm năm, năm năm sau hãy ra hoằng pháp lợi sanh, mọi người sẽ không bắt bẻ anh được*”.

Phật Pháp suy rồi, giới không còn; lễ nhạc không còn thì Nho liền suy; nhân-quả không có người tin tưởng, Đạo ắt không còn. Học Phật, thuở trước, trước khi học Phật phải học lễ cắm gốc nơi Nho gia, cắm gốc nơi Đạo. Sau đó mới có thể lên bậc thang của Phật, như thế mới có thể liên tiếp nâng cao. Nếu như không dùng Nho với Đạo, vậy thì buộc phải tu Tiểu thừa. Đầu tiên là học giới Tiểu thừa, sau mới học giới Đại thừa. Đại học Long Hỷ của Srylanka chính là đại học Phật giáo, tôi có đưa ra kiến nghị với họ. Phải có năm năm học giới, bất luận là tại gia hay xuất gia. Không có năm năm học giới, Phật giáo không thể hưng khởi nổi, nhất định phải đi con đường của lão Tổ tông, phải chú trọng Giới luật. “Đệ tử quy, Cảm ứng thiên với Thập Nghiệp Thiện”, không có cái nền tảng này, thế coi như chẳng có thứ gì.

Phật Pháp suy rồi, chúng ta mai này phát tâm chấn hưng Phật giáo, bắt đầu dạy từ đâu? Chính là từ ba cái gốc này mà làm. Viện luật học của Đại học Long Hỷ cũng không ngoại lệ, cũng bắt đầu từ ba cái gốc này mà làm. Đầy đủ ba cái gốc này rồi, giới của đại Tiểu thừa đều phải học. Như thế Phật giáo mới có thể hưng vượng trở lại, chúng ta mới chân thật là đệ tử bậc nhất của Như Lai. Cho nên, đối với Viện luật học, Giới luật cần thiết vô cùng, không phải tốt nghiệp từ Học viện Giới luật, thì không thể bước vào đại học Phật giáo. Đại học Phật giáo cũng phải thi, chính là thi Giới luật, đây là giáo trình chủ yếu của môn này.

Hôm nay có một đồng học, có để lại lời nhắn cho tôi. Họ nghe nói trong nước có một vị cư sĩ, tự xưng là người nghe lão pháp sư giảng kinh. Trong và ngoài nước, có rất nhiều người nghe tôi giảng kinh, đều nghe ở đài truyền hình vệ tinh hoặc nghe trên mạng; có rất nhiều thính chúng. Người này, họ giúp người khác trợ niệm. Đầu tiên họ dùng thời gian ba tiếng đồng hồ, chiêu gọi những quỷ thần có duyên với người chết. Cho triệu hồi quỷ thần lên, sau đó tiến hành trợ niệm. Người đó làm như thế đã được mấy năm rồi, nghe đâu còn cho xuất bản sách nữa. Đó không phải do tôi nói, tôi trước giờ chưa hề dạy mọi người làm như vậy, trợ niệm thì được phép. Nhưng đối với việc trợ niệm, làm như Ấn Quang lão pháp sư dạy chúng ta thì đó là chính xác. Chúng ta cứ y theo khai thị của Ấn Tổ, đừng dựa vào người khác, người khác chưa chắc đáng tin.

Như Hải Hiền lão Hòa thượng có dạy: “***Vãng sanh là việc của riêng mình, tự mình nhất định phải nắm chắc tự tại vãng sanh***”. Đây mới chắc ăn, trợ niệm không chắc ăn, không đáng tin. Cho nên, có người nói với Ngài, vì là chỗ bạn bè thân quen nên bảo: “*Khi nào sư vãng sanh, chúng con giúp sư trợ niệm*”. Ngài hoàn toàn cự tuyệt Ngài nói: “*Tôi không cần. Tôi vãng sanh, tôi có thể tự mình niệm Phật. Tôi không cần người khác trợ niệm, trợ niệm không chắc ăn*”. Câu nói này rất có ý nghĩa: Trợ niệm không chắc ăn, nhất định phải chính mình nắm chắc. Chúng ta phải học theo Hải Hiền lão Hòa thượng, phải thật sự nắm chắc trong tay. Nắm chắc phần vãng sanh có được từ đâu vậy? Nắm chắc hoàn toàn nhờ vào buông xả. Bạn buông xả triệt để đối với cái thế giới này, không để trong tâm bất kỳ chuyện gì, bạn liền có thể tự tại vãng sanh. Nếu như vẫn còn vướng bận, có một việc vẫn không thể buông bỏ, rất có khả năng chuyện đó sẽ lôi bạn trở về lại sáu nẻo luân hồi. Đời này của bạn đi không nổi rồi!

Cho nên, nhất định phải triệt để buông xả, đặc biệt là tình thân. “Tài, Sắc, Danh, Thực, Thất tình, Ngũ dục” phải buông sạch sẽ không sót thứ gì. Không thể có mảy may lưu luyến nào, trong tâm chỉ có mỗi A Di Đà Phật. Ngoại trừ A Di Đà Phật ra, không có tạp niệm, không có vọng tưởng. Người như vậy vãng sanh nhất định thành tựu, không có vấn đề gì. Người như vậy sanh trí huệ, không sanh phiền não, vì sao? Vì “*nhân giới được định, nhân định khai huệ*”. Trì giới được tâm thanh tịnh, tu định được tâm bình đẳng. Trí huệ khai mở rồi, “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”.

Hôm nay, đây là vị Tôn giả thứ hai, chúng ta rất quen thuộc đối với Ngài, chính là Tôn giả Xá Lợi Phất. Mời xem tập chú của Niệm lão: “**Tôn giả Xá Lợi Phất, chữ ‘xá lợi’ trong tiếng Phạn là chim Thu lộ, ‘phất’ trong tiếng Phạn là con**”. Cho nên, Xá Lợi Phất dùng Trung văn phiên dịch, chính là “Thu tử”. Cái này, bên dưới có giải thích: “**Tên Ngài đặt theo mẹ**”. Mẹ Ngài thân tướng đoan chánh, đôi mắt tựa như chim Thu lộ vậy, rất là sáng, đôi mắt rất đẹp. Cho nên, người khác gọi mẹ Ngài là Xá Lợi; phất là con, tức là con trai của phu nhân Xá Lợi. Chính là có ý như vậy, “***nên gọi là con của bà Thu Lộ***” cũng có thể dịch là “châu tử”. Điều này biểu thị đôi mắt của mẹ Ngài thanh tịnh như viên bảo châu vậy. Ngài cũng có thể được gọi là “thân tử”, thân tướng của mẹ Ngài rất đẹp, đoan chánh. Cho nên, tên gọi này là do từ mẹ Ngài mà ra.

“**Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất trong các Thanh Văn đệ tử Phật**”, bộ kinh này cũng muốn nói lên cái ý đó. Biểu pháp trong kinh, chúng ta khi mở một bộ kinh ra, xem thấy ý nghĩa biểu pháp. Đồng nghĩa nó cũng đại biểu cho bộ kinh, cho pháp môn đó. Bạn xem bộ kinh này, pháp môn này: Thứ nhất nói lên là đệ tử bậc nhất của Như Lai, thứ hai là trí huệ đệ nhất, thứ ba là thần thông đệ nhất. Những điều này đến biểu thị cho Bổn kinh, chúng ta nhất định phải biết. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này, sự đặc thù của bộ kinh này ở chỗ: “***Có rất nhiều thính chúng, gồm tất cả Đại thánh***”. Bạn xem có “**một vạn hai ngàn vị đại Tỳ kheo tụ hội**”, không phải thông thường chúng ta hay thấy là “**một ngàn hai trăm năm mươi người tụ hội**” sao? Đó là kinh điển thông thường, kinh này với kinh Pháp Hoa giống như nhau. Kinh Pháp Hoa nói: “**Một vạn hai ngàn người**”. Chúng Thanh Văn được đề cập trong Bổn kinh, cũng là “một vạn hai ngàn người”, không hề khác biệt so với kinh Pháp Hoa. Chứng tỏ kinh này là bộ kinh lớn, không phải kinh nhỏ, là bộ kinh lớn nhất trong số các bộ kinh lớn. Vì sao? Bởi vì nó có đệ tử bậc nhất. Hay nói cách khác, bộ kinh này vượt qua cả Pháp Hoa, hơn hẳn Hoa Nghiêm. Điều đó có thật không? Thật vậy, một chút cũng không giả. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa tuy rằng tốt nhưng nếu bạn không phải là bậc thượng thượng căn, bạn sẽ làm không được. Nhưng nếu chúng ta gặp được kinh này rồi, chân thật có “Thiện căn, Phước đức, Nhân duyên”, bạn ở ngay trong đời này có thể vãng sanh, bất thối thành Phật. Quả thật là đệ tử bậc nhất của Như Lai, không hề giả chút nào. Thần thông trí huệ của đệ tử Như Lai, làm gì có chuyện không thù thắng được, không đời nào có cái lý ấy.

Phần sau sẽ bàn tiếp đến “**Trí huệ của Xá Lợi Phất**”. Lúc Ngài còn ở trong thai, cũng tức là mẹ Ngài mang thai Ngài, bà đột nhiên có được khả năng biện tài vô ngại. Cậu của Ngài là Câu Hy La, cũng là người chứng đắc A La Hán. Ngay dưới hội của Phật Thích Ca, khả năng biện tài của ông Câu Hy La là số một. Ông là người biện tài đệ nhất trong chúng đệ tử Thanh Văn, “**tám tuổi là đã thăng tòa**” giảng kinh thuyết pháp, 16 nước lớn đều biết đến danh tiếng của ông. Hiện nay thường hay nói là “**Danh tiếng lẫy lừng**”, nổi tiếng thế giới. “**Trong vòng bảy ngày hiểu trọn Phật Pháp**”; do đó ông biện tài vô ngại, chị ông đương nhiên không tranh luận qua nổi ông. Nhưng khi chị ông mang thai, ông cùng với chị mình biện luận, thường thì bà lúc nào cũng thua. Cho nên, ông cảm thấy chị mình không thể có cái khả năng lớn như vậy. Mang thai đứa trẻ này, nhất định đó là một người có trí huệ tuyệt đỉnh, cho nên ông cậu phải nỗ lực. Vì nếu không nỗ lực, sau này cháu trai chào đời, cậu lại không bằng cháu thì chuyện này mất mặt biết mấy. Bạn xem, ông cậu đã nghĩ đến chuyện như vậy rồi.

Số tài liệu tham khảo được soạn thảo một cách tỉ mỉ này, là do các đồng học đã hạ một phen công phu, làm ra bộ sách này, gọi là “**Tịnh độ Đại kinh Khoa chú, tài liệu tham khảo**”. Những tư liệu tham khảo chi li đều có hết trong này, các vị có thể tự mình đi tìm xem. **“Kinh này nói đến pháp mà hết thảy thế gian khó tin được; chỉ có bậc đại trí mới có thể tin tưởng sâu xa chẳng nghi ngờ. Vì vậy, tên Ngài được kể ở đầu kinh ngay sau ngài Kiều Trần Như**”. Cho nên bạn thấy sự biểu pháp của mấy vị này, quá đỗi thù thắng. Chúng ta may mắn gặp được bộ kinh này, là “***một ngày hy hữu khó gặp trong vô lượng kiếp***”, lời này là do cư sĩ Bành Tế Thanh vào đời nhà Thanh nói ra. Bành cư sĩ là người thuộc vào triều đại vua Càn Long, là bậc Thông tông Thông giáo, Hiển Mật viên dung, là bậc đại Thiện tri thức trong Phật môn. Ông không có xuất gia, nhưng có sự đóng góp rất lớn đối với Phật giáo, ông chú giải cho kinh Vô Lượng Thọ. Cho nên, ông cũng được liệt vào hàng Thượng thủ trong nhà Phật. Điều đó chứng tỏ: Chân thật tin tưởng, thật sự không hoài nghi, người này là người có trí huệ đệ nhất.

Chúng ta xem tiếp một vị Tôn giả nữa: “**Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, thần thông đệ nhất**”. Chúng ta xem Chú giải của Niệm lão: “**Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, chính là ngài Ma Ha Mục Kiền Liên. Trong kinh A Di Đà, Ma Ha là tiếng Phạn, có nghĩa là lớn; Mục Kiền Liên là họ**”, dịch là: “***Tán Tụng hay Thái Thúc, hoặc là Lai Phục Căn***”, có mấy nghĩa như vậy. Dòng họ nhà này có rất nhiều người đi xuất gia “***nên trước tên của Tôn giả thêm vào chữ Đại, thành Đại Thái Thúc***” (tức Đại Mục Kiền Liên). Dùng cái này để phân biệt: “***Tên Ngài là Câu Luật Đà, cha tên Tướng Quốc***”. Ngài thuộc dòng dõi quý tộc xuất gia, cha Ngài là thừa tướng. “***Cầu con từ Thần cây Câu Luật Đà sanh được Ngài, nên đặt tên như thế***”, nên tên của Ngài là Câu Luật Đà, là do cha của Ngài đến Thần cây Câu Luật Đà để mà cầu con. Cuối cùng quả thật sanh được một người con trai, cho nên mới dùng tên của cái cây này mà đặt tên cho Ngài. Trong số đệ tử của đức Phật, Ngài có thần thông đệ nhất. Biểu pháp của Ngài là đại biểu cho thần thông “**Trí Độ Luận viết: Như Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất, Mục Kiền Liên thần túc đệ nhất; Xá Lợi Phất là đệ tử bên phải Phật; Mục Kiền Liên là đệ tử bên trái, Tôn giả thần thông rất rộng**”. Hai người đệ tử đứng bên phải và bên trái của Phật Thích Ca cũng là biểu pháp, biểu cái gì vậy? Đại biểu cho trí huệ đệ nhất và thần thông đệ nhất của Phật Thích Ca. Cho nên, khi tạc tượng của Thích Ca Mâu Ni Phật, có hai vị thị giả bên cạnh: Một là Xá Lợi Phất, một là Mục Kiền Liên; nó có ý nghĩa biểu pháp trong đó. Vì sao không tạc người khác? Ở trong Giáo hạ đều dùng các ngài để biểu pháp, cũng có nơi dùng ngài Ca Diếp với ngài A Nan; Ca Diếp với A Nan là biểu pháp cho giáo. Cho nên bức tượng này, bạn thấy hai bên của Thích Ca Mâu Ni Phật, là ngài Ca Diếp và A Nan, đây là biểu pháp cho Phật giáo. Ca Diếp tượng trưng cho Thiền tông, A Nan tượng trưng cho Giáo hạ. Thiền tông, Giáo hạ chính là do hai vị tổ này truyền lại.

Thủy tổ của Giáo hạ là ngài A Nan, thủy tổ của Tông môn là ngài Ca Diếp; thảy đều mang ý nghĩa biểu pháp, chúng ta nhất định phải biết. Dùng Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, chính là đại biểu cho trí huệ đệ nhất và thần thông đệ nhất của Phật Thích Ca. Đây là tượng trưng cho trí đức của Thích Ca Mâu Ni Phật. “Trí” do Xá Lợi Phất làm đại biểu, “Đức” do Mục Kiền Liên làm đại biểu. Đại trí đại đức, Tôn giả thần thông rất rộng “**chẳng hạn như: Đem toàn bộ người họ Thích trong một thành bay lên trời Phạm Thiên**”, cái này đều có điển tích đàng hoàng. “**Ngoại Đạo dời núi, Ngài chế ngự khiến núi chẳng lay động; hàng phục rồng độc,v.v...**”, đều có hết trong tài liệu tham khảo, chúng tôi không cần thiết nói ra làm gì.

Để tiết kiệm bớt thời gian, nói sơ lược qua một chút dòng họ Thích. Thì đó đều là nhân-quả báo ứng, tộc Thích Ca bị vua Lưu Ly tiêu diệt. Khi Phật còn tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không cách gì cứu được dòng họ của mình. Vì sao vậy? Vì đó là nhân-quả. Phật kể ra tiền nhân, hậu quả của sự việc này. Trong một kiếp lâu xa trước đó, tộc Thích Ca là một nhóm người đi đánh bắt cá, dựa vào đánh bắt cá để sinh sống. Vua Lưu Ly là một con cá trong cái ao đó, người của tộc Thích Ca đã bắt sạch hết cá trong cái ao đó. Cái đó gọi là “*tóm gọn một mẻ, không chừa lại con nào*”. Con cá ấy phát ra lời thề quyết phải báo thù cho bằng được. Sau này nếu nó được làm người, nó có khả năng nó sẽ báo mối thù này. Ai ngờ đời này gặp nhau rồi, vua Lưu Ly chính là con cá Đầu Đàn trong bầy cá đó. Giống như là lãnh đạo vậy, trong cái tộc đó, ông giống như một vị vua vậy. Còn tộc Thích Ca lúc đó là ngư phu, cũng coi như không tệ. Đời này vẫn còn được sanh vào cõi Người, oan gia trái chủ lại gặp nhau rồi.

Thế Tôn biết được chuyện này, bèn khuyên tộc Thích Ca đừng nên đối chọi lại. Vì sao? Vì quân địch quá mạnh, đối phó không lại. Đức Phật khuyên mọi người đi lánh nạn để bảo toàn mạng sống. Vì thế, tộc Thích Ca đã trốn sang dãy núi Hy Mã Lạp Sơn. Đến Tây Tạng, ở vùng đất phía sau Tây Tạng. Sau khi đến vùng Hậu Tạng, mới dừng chân sống ở đó, về sau không bao giờ quay trở về nữa. Chuyện này Chương Gia đại sư có kể với tôi, hậu duệ của tộc Thích Ca nằm ở Tây Tạng. Mục Kiền Liên có thần thông, Ngài muốn cứu lấy tộc Thích Ca, bèn dùng bát của mình. Hình như là đựng 500 người trong chiếc bát ấy đưa lên cõi Trời, vì muốn cứu lấy cái tộc này. Nhóm người này, dù chỉ là con số nhỏ thôi, vì những người đó đều thuộc Hoàng tộc.

Ngài nói với Thế Tôn, Ngài dùng thần thông cứu được 500 người, đức Phật bèn bảo Ngài: “***Ông đi coi lại xem***”. Ngài đến Cung Trời, nhìn thấy người ở trong bát, toàn bộ đều biến thành máu. Phật mới nói: “**Đó là định nghiệp, không cách gì cứu được**”. Đến thần lực của Phật cũng không cách gì cứu được, mà A La Hán có thần thông đệ nhất như Ngài cũng không thể cứu được họ. Họ vì chúng ta thị hiện rằng: “**Định nghiệp là không thể thay đổi**”. Đức Phật muốn nói với chúng ta một sự thật: “**Đừng nên kết oán thù với người khác**”. Kết oán với người ta, nếu như đối phương chân thật hận bạn thấu xương, dù họ có chết cũng không buông tha cho bạn. Vậy thì phiền phức lớn lắm, đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo không bao giờ ngừng dứt, đó thật gọi là “*khổ không nói nên lời*”.

Vua Lưu Ly tiêu diệt dòng họ Thích, cũng cho chúng ta một sự khải thị rất lớn. Chúng ta thật sự hiểu rõ ràng, tường tận rồi! Đời này không dám kết oán với mọi người nữa. “**Oan gia nên giải, không nên kết**”, nhất định phải biết điều đó. Người khác kết oán với ta, thật ra cũng không phải không có nguyên nhân của nó. Do đời trước đại khái ta đã đắc tội với họ, vậy thì đời này nhất định phải hóa giải. Họ hận ta, họ hủy báng ta, họ hãm hại ta, thậm chí giết chết ta, ta đều không hề oán hận. Không kết oán với họ, phải nên tha thứ cho họ, đừng so đo tính toán làm gì. Đời sau liền trở thành bạn bè tốt của nhau, sẽ không biến thành oan gia trái chủ đối nghịch nhau. Đây mới gọi là có trí huệ! Như vậy mới có thể chuyển được nghiệp báo. Nhỏ không “nhẫn”, ắt hư việc lớn. Người khác không tốt với bạn một chút, bạn lập tức cho họ biết tay, trả thù người ta; người ta bèn ghi hận trong lòng, thế thì chuyện này phiền phức. Người nuôi hận trong lòng, đời sau hơn một nửa đều đọa vào ba đường ác. Khi nghiệp nơi ác đạo tiêu rồi, họ lại được làm người, không định là vào lúc nào gặp được. Ở đường súc sanh mà gặp nhau thì đôi bên sẽ tàn sát lẫn nhau. Đến cõi Người lại gặp nhau nữa, thì mối hận đó càng chất chồng thêm. Những chuyện kiểu đó, chúng ta phải nghiền nghẫm cho rõ ràng, cho tường tận, thông suốt.

Hãy học theo Hải Hiền lão Hòa thượng, lão Hòa thượng thật sự làm được rồi: “**Bồ Tát ở tại nơi nào, đều khiến cho hết thảy chúng sanh, sanh tâm hoan hỷ**”. Cả đời lão Hòa thượng không có chuyện người này là người tốt, hay người kia là người ác, không có chuyện đó. Ngài đối với mọi người đều là bình đẳng, đối đãi. Không có bất kỳ người nào không hoan hỷ, không có người nào oán hận Ngài. Cả đời chưa từng oán giận qua người nào, về mặt này chúng ta phải học tập theo lão Hòa thượng. Có một câu chuyện nho nhỏ kể về việc này, đó là Ngài đến thăm ruộng ngô, vừa hay gặp phải một chàng thanh niên đang ăn trộm ngô của Ngài. Người này vừa nhìn thấy Ngài, tay chân lóng ngóng, sợ sệt. Lão Hòa thượng bèn nói với anh ta, an ủi cậu ấy: “*Đừng sợ, anh cứ việc bẻ, lựa trái nào to mà bẻ*”, thế là Ngài liền quay người bỏ đi. Quả thật, trong tâm Ngài không có người nào là người xấu, người người đều là người tốt, chuyện nào cũng là chuyện tốt. Lão Hòa thượng cả một đời trồng trọt, Ngài khai khẩn được 14 mảnh đất hoang, tổng cộng khoảng hơn 100 mẫu. Ngài trồng lương thực, trồng rau, trồng cây ăn trái. Thảy đều dùng để bố thí cho mọi người; Ngài không có mang đi bán lấy tiền, đều dùng để cứu tế người nghèo khổ. Cho nên, người khác đến trộm ngô của Ngài, Ngài hoàn toàn là bố thí: “*Anh muốn bao nhiêu cứ việc lấy bấy nhiêu*”.

Bố thí ân đức một cách hoan hỷ, không kết oán thù; chỗ nào cũng đều là suy nghĩ thay cho người khác, chứ không hề suy nghĩ cho mình. Ngài luôn khiến mọi người vui vẻ, bố thí niềm vui cho mọi người, bản thân mình cũng vui, pháp hỷ sung mãn. Tha thứ cho kẻ khác là tiêu nghiệp chướng của chính mình. Không chịu dễ dãi với người khác, sau này bản thân mình cũng sẽ gặp phải bất lợi. Chướng ngại người khác chính là chướng ngại mình, cái lý này không thể không biết!

Chúng ta trong đời này, gặp phải thiện duyên ít, nghịch duyên nhiều, làm sao để xử lý? Nhất định phải thường tự phản tỉnh. “**Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ**”, phải bình lặng mà quan sát. Vấn đề luôn nằm ở bản thân mình, không phải người khác có vấn đề, luôn là bản thân mình có sai sót, mới khiến người khác đố kỵ chướng ngại, hủy báng phá hoại. Nhất định phải biết người khác không có lỗi, lỗi luôn tại mình. Không những đối với những oan gia trái chủ, không có lòng oán hận. Hơn nữa còn phải sanh lòng cảm ơn họ, vì sao? Vì họ thành tựu cho Nhẫn nhục Ba la mật của chúng ta. Thành tựu cho cơ duyên giúp chúng ta nghiêm túc phản tỉnh sửa sai, để đạo nghiệp đức hạnh của chính chúng ta có thể nâng lên. Nếu bạn suy nghĩ từ phương diện này, không những họ không có hại với chúng ta mà còn có ích cho ta nữa, giống như “Nhẫn nhục Tiên nhân” vậy!

Câu chuyện về “Nhẫn nhục Tiên nhân”, thông thường đều là xem được từ kinh Kim Cang, Ngài bị Ca Lợi Vương cắt xẻ thân thể. Còn câu chuyện tỉ mỉ hơn thì nằm trong kinh Đại Niết Bàn, kinh Kim Cang chỉ dẫn dụng ra mà thôi. Nhưng chú giải của kinh Kim Cang lại giảng rất cặn kẽ, Nhẫn nhục Tiên nhân là ai? Chính là tiền kiếp của Thích Ca Mâu Ni Phật, vua Ca Lợi chính là Tôn giả Kiều Trần Như. Ca Lợi là tiếng Phạn, dịch ra ý nghĩa Trung Quốc là “Bạo”, cường bạo. Vua Ca Lợi dùng lời Trung Quốc chính là một bạo quân. Nhẫn nhục Tiên nhân gặp ông, câu chuyện này rất đáng để mọi người phản tỉnh, Ngài nhẫn nhục Ba la mật, Ca Lợi Vương nói ông có thể nhẫn, vậy để ta thử xem thế nào? Ông bèn dùng dao cứ từng đao từng đao cắt lên khắp người Ngài. Trung Quốc chúng ta thường hay nói là lăng trì xử tử, hình phạt này là tàn khốc nhất, xem anh còn nhẫn nổi không? Ngài vẫn nhẫn, lại cắt tiếp. Cứ thế mãi đến sau cùng, Ngài vẫn có thể nhẫn. Hơn nữa còn nói với vua Ca Lợi: “*Sau này, tôi thành Phật tôi sẽ độ ông trước tiên*”. Vua Ca Lợi là tâm sân hận. Xử tử một người tu hành như vậy, dùng thủ đoạn tàn độc như vậy, nhưng Nhẫn nhục Tiên nhân là người có lòng cảm ân. Vì sao? Vì ông ta thành toàn cho Nhẫn nhục Ba la mật của Ngài. Nhẫn nhục Ba la mật viên mãn rồi, viên mãn nên Ngài thành Phật rồi.

Ngàn vị Phật trong hiền kiếp, Thích Ca Mâu Ni Phật được xếp vị trí số năm, Di Lặc đứng thứ tư. Bởi do Nhẫn nhục Ba la mật của Ngài viên mãn, nên Phật Thích Ca được thành Phật sớm hơn; Bồ Tát Di Lặc lại xếp ra phía sau, đứng vị trí thứ năm. Nếu như Nhẫn nhục Tiên nhân có lòng oán hận, không những không thể thành Phật, có lòng oán hận đều sẽ đọa vào Địa ngục. Thế coi như Ngài từ địa vị của Phật rớt xuống Vô Gián địa ngục, cho nên phải có thể nhẫn. Ngài từ vị Phật đứng thứ năm được đổi lên trở thành vị Phật thứ tư, Bồ Tát Di Lặc bị đẩy ra sau.

Cho nên chúng ta phải thường suy ngẫm! Nhẫn nhục sẽ được phước báu lớn, nhẫn nhục có thể hóa giải tội nghiệp nặng nề nhất. Tội nghiệp nặng nhất là gì vậy? Chính là “Phá hòa hợp tăng” mà trong “Giới kinh” có nói với chúng ta. Trong Ngũ nghịch có “***giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp tăng***”. Đây là tội Ngũ nghịch, sẽ đọa vào địa ngục Vô Gián. Người nào có lòng oán hận cũng bị đọa vào ngục này.

Ngày nay, người phá hòa hợp tăng rất nhiều, rất phổ biến; mắt Phật nhìn thấy nên sanh lòng thương xót. Nếu như họ không hồi đầu sẽ không có ai có thể cứu được họ, nhất định phải tự mình quay đầu. Bản thân không chịu quay đầu, không chịu giác ngộ, nhất định là đọa vào đường ác. Chuyện này không thể không biết, chúng ta học Phật cầu vãng sanh không thể không nhẫn nhục. Nhẫn nhục thì tâm chúng ta mới có thể an, duyên của chúng ta mới có thể thù thắng, nghiệp mới có thể tiêu được. Không thể nhẫn nhục, ngày ngày đều tạo nghiệp, họ không thể tiêu nghiệp được. Đã vậy ác nghiệp còn ngày càng tăng thêm, làm sao mà gánh nổi chứ!

Học Phật nhưng là thật học Phật hay giả học Phật? Cái này mới là mấu chốt. Giả học Phật thì tiêu không nổi nghiệp chướng đâu, phải thật học Phật, thật học Phật! Hải Hiền lão Hòa thượng chính là tấm gương tốt nhất, tuyệt đối đừng cho rằng Ngài chỉ có một câu Phật hiệu, những thứ khác Ngài chẳng biết cái gì. Chúng ta học theo Ngài, có được tâm lượng của Ngài không? Có lão thật giống như Ngài không? Đối với người thì khiêm cung, đối với ai cũng đều cung kính. Trong cuộc sống, cả đời luôn sống thanh bần, lấy khổ làm thầy. Ngài bảo cái miếu nhỏ của Ngài, phải có thể trì giới, phải chịu được khổ mới có thể sống chung với Ngài được. Công việc mỗi ngày, từ sáng đến tối đều ở trong vườn. Đạo tràng của Ngài không có người cúng dường, cái miếu nhỏ dưới quê không người lui tới, không có hương hỏa.

Ngài cũng không làm Phật sự, cũng không tổ chức pháp hội. Vậy phải dựa vào cái gì để sinh sống? Dựa vào trồng trọt. Cái miếu nhỏ có được vài mẫu đất, ngôi chùa ấy nằm ở vùng hoang vu. Trên núi rất nhiều đất, lại vô chủ nên Ngài đi khai khẩn nó ra, gọi là khai hoang. Khai khẩn được hơn 100 mẫu, Ngài trồng lương thực, trồng rau, trồng cây ăn trái, thu hoạch rất tốt. Vì sao? Vì tâm Ngài tốt, Ngài trồng ra thứ gì nhất định là ngon hơn người khác. Thu hoạch ra Ngài dùng để làm gì? Ngài không phải bán lấy tiền, mà dùng để cứu tế người nghèo. Nơi nào có người không có cái ăn, Ngài liền tiếp tế cho người ta. Công việc này Ngài làm suốt 92 năm.

Thật làm, mỗi ngày đều làm hết sức hoan hỷ, vui vẻ. Những người tiếp nhận sự cúng dường của Ngài, trong bản báo cáo này nói với chúng ta, con số lên đến ngàn vạn người. Bạn liền biết, lão Hòa thượng thường thích bố thí. Người khác cúng dường Ngài tiền, Ngài đều dùng đi in kinh hoặc phóng sanh, hoặc dùng để giúp người khác xây dựng đạo tràng. Cả đời Ngài từng giúp xây dựng 11 ngôi đạo tràng, thật không dễ. Còn bản thân mình, ngoài mấy bộ quần áo ra thì chẳng có gì hết; quần áo đều bị rách, nên Ngài mặc toàn đồ vá. Cho nên Ngài nói: “*Cái miếu nhỏ này, ăn là ăn khổ, mặc là đồ vá*”.

Tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Ngoại trừ một câu Phật hiệu ra, trong tâm chẳng có gì hết. Nhìn thấy mọi người đều là người tốt, thấy mọi việc đều là việc tốt. Ngài không có phân biệt, không có chấp trước. Không những không phân biệt, chấp trước, tôi tin sau tuổi trung niên cũng tức là Ngài sau 40 tuổi, khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, có thể Ngài làm được đến “không khởi tâm, không động niệm”. Không khởi tâm, không động niệm chính là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Đây không phải điều mà một người bình thường có thể làm được. Ở vào cảnh giới này đồng nghĩa có viên mãn cả định lẫn giới, có viên mãn cả Đạo lẫn Giới. Đây đều là những chuyện chúng ta không thể không biết!

Những sự việc nói lên thần thông của Mục Kiền Liên, Niệm lão ngay chỗ này nói rất hay: “***Bay lên trời Phạm Thiên, ngoại đạo dời núi, Ngài chế ngự khiến núi chẳng lay động, hàng phục rồng độc,v.v... Những sự như vậy khó lòng thuật đủ***”. Quá nhiều rồi, những câu chuyện kể về thần thông của Ngài quá nhiều.

Chúng ta xem tiếp vị thứ tư “**Sơ tổ Tông môn: Tôn giả Ca Diếp**”. Mời xem Chú giải của Niệm lão: “**Tôn giả Ca Diếp, Ca Diếp là họ**”, đây được dịch theo âm tiếng Phạn; “**Tàu dịch là Quy**”. Người Ấn Độ đối với rùa cũng như người Trung Quốc vậy, đều xem nó như loài vật mang ý nghĩa cát tường, trường thọ. “**Quy hạc diên niên**” là vật cát tường, hoặc được dịch là “**Ẩm Quang**”, ý nói ánh sáng trí huệ và đạo đức của Ngài rất mãnh liệt. Giống như ánh mặt trời vậy, dưới ánh sáng mặt trời, tất cả những ánh sáng khác đều không thể hiển lộ ánh sáng của nó được. Quang minh của Tôn giả Ca Diếp cũng như vậy. Người tu hành bình thường trước mặt Ngài sẽ không thể hiển lộ được.

“**Ngài tên Tất Ba La**”, Tất ba la cũng là tên của một loài cây. Bởi vì cha mẹ Ngài ở dưới Thần cây cầu nguyện, cầu có một đứa con trai. Họ thật sự có được một đứa con, nên cũng dùng tên cây đặt tên cho con. “**Tôn giả là con nhà trưởng giả đại phú**”, phía trước thì chúng ta thấy Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất đều là con nhà quyền quý. Cha của Mục Kiền Liên là thừa tướng, còn phụ thân của Tôn giả Ca Diếp là một đại phú trưởng giả. “**Bỏ cả gia tài lớn lao**”, có thể thấy Ngài sống trong cảnh xa hoa. Lại chịu xuất gia tu khổ hạnh, dám bỏ cả một gia tài kếch xù, “**tu đại hạnh Đầu Đà**”. “Đầu Đà” là khổ hạnh, phần sau sẽ nói đến.

“**Được mọi người biết đến**”, chữ “đại nhân” này là chỉ cho người có đạo đức, có địa vị, có thân phận. Hiện giờ người ta hay gọi là nhân vật danh tiếng, danh tiếng của họ lừng lẫy. Vì thế mọi người xưng Ngài là “Đại Ca Diếp”, vì lúc đó trong hàng đệ tử của đức Phật có tới ba vị Ca Diếp: Có Thập Lực Ca Diếp, có Đồng Tử Ca Diếp và Đồng Nữ Ca Diếp. Bởi thế gọi Ngài là Đại Ca Diếp thì ai cũng biết, không phải chỉ người khác mà là chỉ Ngài.

“**Ca Diếp còn dịch là Quy, sách Pháp Hoa Văn Cú viết**”, Pháp Hoa Văn Cú là của đại sư Trí Giả vào đầu triều Đường, Ngài ở núi Thiên Thai. Đây là bộ sách do Trí Giả đại sư viết, bản này là chú giải của kinh Pháp Hoa. Đây là bộ kinh lớn chủ yếu nhất, là giáo trình bắt buộc phải tu của tông Thiên Thai. Trong đó có một đoạn nói rằng: “**Đời xưa học Đạo**”, đây là gia tộc của một đại phú trưởng giả. “Tổ tiên học Đạo”, cảm ứng được “**rùa thiêng đội bản đồ tiên ứng hiện; tên dòng họ được đặt theo Đức**”, được rùa thần đội bản đồ, đây là cảm ứng. Cho nên, tộc của Ngài dùng rùa, dùng linh quy. Linh quy cũng mang ý nghĩa của từ Ca Diếp, “**nên gọi là họ Quy, Ca Diếp còn dịch là Ẩm Quang**”, đây là lời Phật nói.

Thuở quá khứ, vào thời đức Phật Tỳ Bà Thi, đây là một vị Phật trong 7 vị Phật thời quá khứ. Vào thời của Phật Tỳ Bà Thi, ngài Ca Diếp là “**thợ luyện kim**”. “Dã” nghĩa là tinh luyện, cũng ý là từ mỏ vàng mà điều chế ra vàng thật, thời nay thì gọi là vàng bạc châu báu. Chính là từ cái ngành này, ngành này vô cùng hái ra tiền. Tỳ Bà Thi dịch sang ý nghĩa Trung Quốc gọi là thắng quan, thắng của thù thắng, quan của từ quan sát, hay quan của từ quan chiếu, thắng quan. Vào chín mươi mốt kiếp trước, bảy vị Phật này, đây là vào kiếp xa xưa trước đó. Trên kinh nói với chúng ta là vào chín mươi mốt kiếp trước, ngài Ca Diếp “**cùng với một cô gái nghèo, dùng vàng ròng trang hoàng tượng Phật**”. Tạc tượng Phật, công đức tạo tượng là không thể nghĩ bàn. “**Từ đấy trở đi**”, tức là kể từ chín mươi mốt kiếp đến nay.

Phần dưới có nói: “**Trong chín mươi mốt kiếp, thân như vàng ròng; quang sắc chói lòa che lấp các sắc khác nên gọi là Ẩm Quang. ‘Ẩm’ nghĩa là nuốt mất, ánh sáng của Ngài ‘nuốt’ mất các sắc khác**”. Đây chính là ý nghĩa của từ “Ẩm Quang”, ánh sáng của Ngài rộng lớn hơn ánh sáng của người khác. Những người có ánh sáng kém hơn Ngài đều không thể hiển bày ra được. Giống như ánh đèn của chúng ta vậy, đều không thể hiển lộ ánh sáng của nó dưới ánh sáng mặt trời được. Ẩm Quang chính là mang cái ý này, đây là muốn giới thiệu với chúng ta về lai lịch của danh xưng.

Phần sau, chúng ta sẽ nói đến đức hạnh của Tôn giả: “**Tôn giả hành Đầu Đà bậc nhất**”. Chữ “Hành” này, phát âm của nó không đọc là “Xíng” mà đọc là “Héng”. Chữ “Hành” ở đây đang sử dụng như một động từ chứ không phải danh từ, mà là động từ. Chúng ta thường gọi là “khổ hạnh”. “**Đầu Đà là tiếng Phạn, người Hoa phiên âm là đẩu thấu, hoặc đào thải**”, mang cái ý như vậy. “**Vì mười hai hạnh ấy đào thải trần lao phiền não**”, đây được gọi là mười hai hạnh Đầu Đà. Bạn xem, ngài Ca Diếp tu hành như thế nào để dẹp bỏ hết mọi phiền não?

Thứ nhất, Ngài “**ở chốn A Lan Nhã**”, A Lan Nhã là tiếng Phạn, dịch sang ý nghĩa Trung Quốc là “chốn vắng lặng”, nơi này không có người lui tới, hơn một nửa đều sống trên núi. Vả lại, đường lên núi nhất định rất khó đi, đồng nghĩa người bình thường chẳng muốn đặt chân đến nơi này. Ở nơi này không nghe thấy tiếng người, đúng với tiêu chuẩn vắng lặng. Ở vào thời đại của Thế Tôn, ở dưới quê nông dân cày cấy sử dụng trâu bò. Tiếng trâu bò rống rất lớn, vùng đất đến tiếng bò rống cũng không nghe thấy, nơi đó được xưng là A Lan Nhã. Hiện nay, tiếng ồn nhiều hơn so với thuở trước, tiếng xe cộ, tiếng máy bay. Tôi sống tại Hồng Kông, có tiếng tàu thuyền, những âm thanh này đều thuộc về tiếng ồn. Nơi mà họ sống không nghe thấy tiếng ồn, nhờ đó tâm thanh tịnh, xa rời con người. Nông dân sống ở nông trang, nơi đây cũng cách xa nông trang.

Thứ hai là: “**Thường hành khất thực**”, mỗi ngày họ đều ôm bát ra ngoài. Vì thế cũng không thể ở quá xa nông trại và các trấn nhỏ, vì nếu quá xa sẽ gây bất tiện trong việc khất thực. Theo quy tắc của đức Phật, đại khái cách khoảng ba dặm đường, ba dặm thì đi bộ vẫn khá tiện nhằm thuận tiện trong việc khất thực.

Thứ ba là: “**Khất thực theo thứ tự**”, đây là nguyên tắc khi đi khất thực. Chẳng hạn nhà này giàu có, có tiền đồ ăn đều rất ngon. Ta ngày ngày đều đến đó khất thực, như thế rất dễ khởi tâm tham. Cứ theo thứ tự từng nhà tiếp nhau mà khất thực, hết một vòng lại bắt đầu lại. Lối khất thực như vậy; bình đẳng, chọn tiêu chí là bình đẳng.

Thứ tư là: “**Ngày ăn một bữa**”. Nếu như là ba bữa, vậy thì một ngày phải khất thực đến ba lần. Người ta sẽ nói cái người xuất gia này tham lam, sao mà mới đó giờ lại đến nữa rồi? Mỗi ngày khất thực vào buổi sáng. Sáng sớm, sau khi làm xong công khóa sáng thì ra ngoài đi khất thực. Khất thực cũng là một bài khóa, có quy củ đàng hoàng. Cây tích trượng chính là vật dùng khi đi khất thực, bạn không được gõ cửa nhà người ta. Đến trước cửa lắc lắc cây tích trượng, người trong nhà nghe được tiếng của cây tích trượng; liền biết bên ngoài có người xuất gia đến khất thực, họ liền ra cúng dường. Đây chính là dụng ý khi dùng tích trượng. Sau khi khất thực xong xuôi, người ta hết cúng dường rồi, thế là vừa đi vừa ăn, chẳng có lễ tiết, không có oai nghi gì hết. Nhất định phải trở về chốn Lan Nhã của mình, về đạo tràng của mình rồi. Nếu như đạo tràng này quá đông người, không phải chỉ có một người. Mỗi người một túp lều tranh, hoặc ở trên núi, ven sông đều được; hoặc trú ở dưới gốc cây cũng được. Chẳng hạn như có năm vị Tỳ kheo, lúc đầu Thích Ca Mâu Ni Phật đến vườn Lộc Uyển độ cho năm người Tỳ kheo. Ngài tự mình dẫn dắt họ, cả thảy sáu người đều ra bên ngoài khất thực. Đến giờ cơm, mọi người sẽ trở về, mỗi người mang cơm trong bát của mình gộp chung lại với nhau. Hòa chung vào, người nào ăn bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu. Nếu sau khi ăn xong vẫn còn thừa lại nhiều, thì đem bố thí cho mấy con vật như các loài chim nhỏ, côn trùng để chúng ăn, chứ không được để qua ngày hôm sau. Ăn xong rồi thì phần còn thừa lại đều đem đi cúng dường chúng sanh. Cho nên bảo là: “**Một bát cơm chứa cơm của ngàn nhà**”, chế độ này tốt!

Thứ năm là: “**Ăn có chừng mực**”, bạn ăn bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu nhưng không được ăn quá nhiều. Ăn uống tốt nhất là chỉ ăn bảy phần là được rồi. Đừng nên ăn quá no, như thế rất có ích đối với Đạo dưỡng sinh.

Thứ sáu là: “**Sau giờ ngọ chẳng uống các thứ tương**”, vì sao? Vì trong các thứ tương có chất bã, có thể uống nước nhưng không được uống chất tương. Sau ngọ những thức uống mà có thể lắng bã đều không được dùng, lúc này coi như dùng bữa trưa cũng không được. Buổi trưa là từ mười một giờ đến một giờ, đây đều thuộc về buổi trưa. Còn chữ ngọ này là chánh ngọ của buổi trưa, cũng tức là lúc mười hai giờ. Qua khỏi mười hai giờ thì không được uống các thứ tương, giờ ngọ mỗi ngày đều khác nhau. Cho nên, thời xưa người ta dùng đồng hồ mặt trời, nhưng những ngày âm u thì dự đoán không chính xác. Hiện nay có thể dùng lịch Thiên văn, đài Thiên văn có phát hành lịch. Nếu mọi người cần có một số nơi vẫn có thể mua được. Mỗi ngày mấy phút mấy giây là buổi trưa, gọi là trung ngọ. Tuyệt đối không được qua giờ ngọ; cho nên khất thực dùng cơm thông thường đều vào khoảng trước nửa tiếng là đến mười một giờ. Đây tuyệt đối không bao giờ bị quá giờ. Nếu như bạn dùng vào đúng ngay giờ ngọ, vậy thì chắc chắn bạn bị lố giờ. Đây đều thuộc về Giới luật, phải nghiêm khắc tuân hành, đây là quy tắc của Phật.

Thứ bảy là: “**Mặc y phấn tảo**”, y phấn tảo chính là quần áo mà người khác đã vứt đi. Thời xưa, tài nguyên thiếu thốn, một bữa cơm thì còn dễ, người ta vẫn có thể bố thí cho bạn một chút nhưng y áo thì không dễ. Quần áo đều là làm theo lối thủ công, người khác mặc cũ rồi, rách rồi, họ không cần nữa, đem vứt đi. “**Phấn tảo**” tức là người ta vứt bỏ rồi, bạn có thể nhặt chúng về. Những thứ không dùng được thì không nhặt về, còn dùng được thì có thể cắt ra thành từng miếng rồi khâu chúng lại với nhau, chúng ta gọi đó là “cà sa”. Vải của chiếc cà sa này đều khác nhau, màu sắc cũng khác. Vì thế sau khi khâu thành một chiếc áo thì đem nó đi nhuộm, nhuộm thành màu cà phê. Trong các màu: Đỏ, vàng, xanh, trắng, đen thì không được dùng màu trắng, chỉ được dùng màu đỏ, vàng, xanh, đen. Những màu này kết hợp với nhau gọi là màu cà sa, những màu này Phật cho phép chúng ta mặc. Đây là kể về nguồn gốc của chiếc áo thời xưa, chính là như vậy mà có.

Thứ chín là: “**Ngồi nơi mồ mả**”. Ngồi xuống nghỉ ngơi, ngồi ở đâu vậy? Ngồi nơi mồ mả, nghĩa địa. Để làm gì? Để dẫn khởi tính cảnh giác của chúng ta. Bạn xem, người này qua đời rồi, được chôn cất ở nơi này. Phải nghĩ đến mai này ta cũng y như vậy, như thế mới có thể khích lệ bản thân tinh tấn không lười biếng. Nếu đã xuất gia rồi, cả đời này nhất định phải có thành tựu, đời sau quyết định không được tiếp tục xoay vần trong sáu nẻo luân hồi nữa. Tiểu thừa là lấy việc “Thoát khỏi sáu nẻo luân hồi” làm mục tiêu, còn Đại thừa là lấy “Minh tâm kiến tánh” làm mục tiêu. Minh tâm kiến tánh khó, thoát khỏi Lục đạo tương đối dễ hơn. Chỉ cần buông bỏ chấp trước, buông bỏ kiến tư phiền não liền có thể siêu việt sáu nẻo luân hồi. Vì thế, mọi người chọn mỗi ngày đều ngồi ở nghĩa địa.

Thứ mười là: “**Ngủ dưới gốc cây**”. Buổi tối lúc đi ngủ sẽ đến dưới gốc cây, ngủ một đêm ở đó, đây là quy định của Phật. Đến ngày hôm sau thì sao? Ngày hôm sau phải tìm một gốc cây khác, không được phép ở cùng một cây. Vì đều sợ bạn khởi tâm tham, khởi lên lòng yêu thích; cái cây này lớn nhiều bóng mát, ngồi ở đây dễ chịu. Do đó, Phật chỉ cho phép được trú một ngày, đến ngày thứ hai phải đổi một nơi khác, không được ở cùng một nơi. Phật chính là muốn dạy chúng ta: Làm thế nào để buông bỏ “Tham, sân, si, mạn”. Mục đích chính là như vậy, chúng ta không thể không biết.

Thứ mười một là: “**Ngồi nơi đất trống**”, đất trống tức là nơi không có mái che. Chúng ta thường thích ở dưới gốc cây, nơi có cây cối rất tốt; đất trống chẳng hề có cây cối gì.

Thứ mười hai là: “**Chỉ ngồi không nằm**”, chúng ta hay nói là “***Không có ngả lưng***”. Buổi tối ngủ dưới gốc cây, không có nằm xuống mà ngủ, thường ngồi không nằm.

“**Dùng các khổ hạnh ấy tảo trừ thân tâm**”, dùng mười hai loại này. Mười hai loại này gọi là khổ hạnh, là tiêu chuẩn khổ hạnh trong Phật Pháp. Mục đích nhằm đoạn trừ phiền não, cũng tức là phân biệt, chấp trước; đặc biệt là chấp trước, không còn chấp trước nữa. Đối với hết thảy pháp đều nhìn bằng con mắt bình đẳng, Tôn giả Ca Diếp đến lúc tuổi già vẫn giữ nguyên các hạnh ấy. Đức Phật nhìn thấy Ngài đã lớn tuổi quá rồi, khuyên Ngài nên nghỉ ngơi nhưng Ngài vẫn kiên trì đến cùng. Phật bèn tán thán “**có hạnh Đầu Đà, Pháp của ta trường tồn lâu dài**”, do vậy bảo Ngài “**hành Đầu Đà bậc nhất**”, cũng tức là Ngài chân thật làm được.

“**Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy**”, những việc này là Tôn giả Ca Diếp làm cho chúng ta xem. Đoạn này giới thiệu về cuộc sống hằng ngày của ngài Ca Diếp, phần sau có một đoạn nói về thành tựu tu hành của Tôn giả Ca Diếp. Ngài là người truyền thừa pháp môn Thiền tông, là bậc Sơ tổ trong Thiền tông.

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**

# **TẬP 67**

*Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.*

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại kinh Khoa chú**” trang 283, đếm ngược hàng thứ sáu. Mời xem Chú giải của Niệm lão: “**Nói sơ lược, Tôn giả Đại Ca Diếp là Sơ tổ truyền Tâm ấn Phật của Thiền tông. Đại Phạm Thiên Vương vấn Phật quyết nghi kinh**”. Quyển thứ ba của bộ này, có đoạn kinh văn như sau:

“**Đại Phạm đến Linh Sơn đem hoa kim sắc Ưu bát la cúng Phật, trải thân làm tòa thỉnh Phật vì chúng sanh thuyết pháp. Thế Tôn lên tòa, giơ cành hoa cho chúng xem; trăm vạn trời người thảy đều ngơ ngẩn, chỉ có kim sắc Đầu-Đà hé miệng mỉm cười. Thế Tôn nói: Ta có Chánh pháp nhãn tạng niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng vi diệu pháp môn, phó chúc Ma Ha Ca Diếp**”.

Phần kinh văn này chính là công án “**Thế Tôn niêm hoa**”, hay chính là Niêm hoa Vi tiếu “**Thế Tôn truyền tâm ấn cho Ca Diếp làm Sơ tổ Thiền tông, Ca Diếp lại truyền cho A Nan**”, ngài A Nan trở thành Nhị tổ của Thiền tông. “**Nay nêu tên Ngài Đại Ca Diếp ở đầu kinh, chính là để biểu thị thâm ý Thiền, Tịnh bất nhị**”, cái ý này rất thâm sâu; Niệm lão ngay chỗ này muốn nhắc nhở chúng ta. Cụ Niệm muốn chúng ta phải nên thâm nhập, thể hội một cách sâu sắc. Về mặt biểu pháp, vị thứ tư là Tôn giả Ca Diếp. Cũng là Tổ sư đời thứ nhất của Thiền tông, người đầu tiên biểu pháp là ngài Kiều Trần Như, biểu pháp của Ngài đại biểu cho đệ tử bậc nhất. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật đến vườn Lộc Uyển độ cho năm vị tỳ kheo, Kiều Trần Như là người chứng quả A La Hán trước tiên. Cho nên, Ngài là đệ tử đầu tiên trong suốt cuộc đời giáo hóa của đức Phật. Điều đó nói lên cái gì? Ý nói trong tất cả pháp môn tu hành, bạn tu pháp môn này, bạn chính là đệ tử bậc nhất. Không những là đệ tử bậc nhất của Thế Tôn, mà còn là đệ tử bậc nhất của đức Di Đà, dụng ý này rất sâu xa. Vì sao phải nói như vậy? Vì trong tám vạn bốn ngàn pháp môn hay vô lượng pháp môn đều phải dựa vào tự lực, hoàn toàn là tự mình đoạn phiền não chứng Bồ đề. Nếu không dứt hết kiến tư phiền não, đồng nghĩa không thể chứng quả A La Hán. A La Hán là tiểu quả trong giáo pháp của Phật Thích Ca. Vì thế gọi là Tiểu thừa, tương đương với tốt nghiệp tiểu học. Trong nhà Phật có Phật Đà, Bồ Tát và A La Hán. Dùng lời hiện nay mà nói, đó là tên gọi học vị. Học vị cao nhất gọi là Phật Đà, học vị thứ hai là Bồ Tát, học vị thứ ba là A La Hán. Cũng giống như tiến sĩ, thạc sĩ với cử nhân ở trường đại học vậy, A La Hán là cử nhân. Làm cách nào chứng được vậy? Buông bỏ kiến tư phiền não liền chứng được, tu hành chứng quả thành Phật, thành Bồ Tát, không nhất định phải thông thạo kinh giáo.

Có người quả thật không hề biết chữ, chưa từng được đi học, cả đời ngay cả một bộ kinh cũng chưa từng đọc qua. Không biết chữ, một bài kinh cũng chưa từng được nghe, nhưng họ có thể chứng đắc vô thượng Bồ đề. Trong Thiền tông, mọi người đều quen thuộc. Đại sư Lục tổ vào triều Đường, Ngài là tổ đời thứ sáu của Thiền tông tại Trung Quốc. Tổ sư Đạt Ma đến Trung Quốc, là Tổ sư đời thứ nhất của Thiền tông ở Trung Quốc. Đạt Ma ở Ấn Độ, tính từ Tôn giả Ca Diếp thì ngài Đạt Ma là tổ đời thứ 28; còn ở Trung Quốc là Sơ tổ; đến đời thứ sáu thì truyền đến Lục tổ.

Đại sư Lục tổ không biết chữ, chưa từng được đi học nhưng căn tánh lanh lợi, lợi ở chỗ nào? Lợi ở chỗ tâm Ngài thanh tịnh, Ngài thật sự có thể buông xả, không có vọng tưởng, không có tạp niệm; không có phân biệt cũng chẳng chấp trước. Chính là dựa vào cái này, nên Ngài có được y bát của Ngũ tổ, trở thành Tổ sư đời thứ sáu của Thiền tông. Tuy Ngài không biết chữ, chưa từng đi học, nhưng Ngài minh tâm kiến tánh, kiến tánh rồi thì cái gì cũng biết. Bạn thấy đó, hiện nay chúng ta bàn đến luận văn tốt nghiệp của Ngài, luận văn tốt nghiệp tiến sĩ, chỉ vỏn vẹn có năm câu. Nửa đêm canh ba, Ngũ tổ triệu kiến Ngài đến, giảng cho Ngài kinh Kim Cang. Các vị phải biết, Ngài không biết chữ; đương nhiên là không đụng đến Bổn kinh rồi. Ngũ tổ giảng đại ý kinh Kim Cang cho Ngài. Giảng đến đoạn: “**Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm**”, Ngài liền triệt để khai ngộ. Ngài đưa ra báo cáo của mình, báo cáo chính là luận văn, gồm năm câu: Câu thứ nhất “**nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh**”, Ngài minh tâm kiến tánh nên nói ra tánh là như thế nào? Câu nói này chính là cách hình dung của Ngài, tự tánh vốn tự thanh tịnh, trước giờ chưa từng bị ô nhiễm, ô nhiễm là gì? Ô nhiễm là vọng tâm, là A lại da, không phải tự tánh. Tự tánh tuyệt đối không có ô nhiễm, đó chính là ý của câu này.

Câu thứ hai “**nào ngờ tự tánh, vốn không sanh diệt**”. Chân tâm, tự tánh chính là chân tâm, người người đều có; chân tâm không sanh không diệt, vọng tâm có sanh có diệt; vọng tâm là A lại da. Chúng ta hay nói là bát tâm vương 8 thức và 51 tâm sở, thảy đều có sanh diệt; niệm trước diệt, niệm sau liền sanh, sanh diệt không ngừng, không hề gián đoạn. Đó có phải là tướng tương tục không? Không phải, nếu là tướng tương tục, đồng nghĩa niệm trước với niệm sau là một, không phải hai. Đó mới là tướng tương tục, đằng này niệm trước khác với niệm sau. Hiện tượng này chúng ta không biết được, nhưng người kiến tánh lại biết, vì họ thấy được nó.

Trong kinh Đại thừa, đức Phật thường nói từ bát địa trở lên, người thuộc vào bát địa trở lên có thể nhìn thấy. Cho nên, tuy là minh tâm kiến tánh, nhưng công phu minh tâm kiến tánh, cũng có mức độ cạn sâu không đồng. Chúng ta nên biết, giống như trong kinh Hoa Nghiêm có nói 41 vị Pháp thân đại sĩ, đều là bậc “minh tâm kiến tánh”. Kinh giáo Tịnh tông thì bảo rằng, cõi Thật Báo Trang Nghiêm chính là Pháp thân Bồ Tát, chính là minh tâm kiến tánh. Kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta, từ Sơ trụ, tức Sơ trụ bên Viên giáo, đến bậc Đẳng giác 41 đẳng, cấp đó toàn là bậc minh tâm kiến tánh. Điều đó chứng tỏ, minh tâm kiến tánh có đến 41 hạng người. Tuy nhiên, họ đều đã minh tâm kiến tánh, nhưng mức độ không giống nhau. Chân thật thấy được thật tướng của vũ trụ, thật sự thấy được thật tướng các pháp. Người đó phải từ bát địa trở lên, trong 41 cấp bậc, bát địa thuộc hàng rất cao. Trên bát địa có Cửu địa, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác. Tính luôn Diệu giác vào thì có 42 vị thứ, đây là năm vị thứ cao nhất ở trên cùng, không kể Diệu giác, chỉ tính Bồ Tát; Bồ Tát ở vào hàng Đẳng giác là cao nhất. Có bốn vị thứ, thêm vào Diệu giác thì có năm vị thứ. Ở vào địa vị này các ngài triệt để tường tận đối với thật tướng các pháp. Các ngài thấy được rồi, còn chúng ta thì không. Chân tướng sự thật ở đâu?

Chính ngay trước mắt, bát địa Bồ Tát thấy được, Bồ Tát đã minh tâm kiến tánh thảy đều thấy được chân tướng này. Quyết định không hề hoài nghi. Tuy nhìn thấy nhưng chưa được rõ ràng cho lắm, bát địa nhìn thấy khá rõ. Chuyện này chúng ta có thể lý giải được, bạn biết tần suất của nó cao thế nào không? Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta, đây là tướng sanh diệt. Bồ Tát Di Lặc bảo: “**Một cái búng tay, có 32 ức trăm ngàn niệm**”, ý niệm sanh diệt, niệm trước diệt niệm sau sanh. Trong khoảng một cái búng tay có bao nhiêu lần như vậy? Có 32 ức trăm ngàn niệm, trăm ngàn là mười vạn, 32 ức nhân với mười vạn là 320 ngàn tỷ. Trong khoảng khảy móng tay có 320 ngàn tỷ ý niệm. Trước đây tôi có nói, đại khái một phút có thể búng được năm lần; có người nói với tôi không chỉ có thế, họ có thể búng được tới 7 lần. Nếu như búng 7 lần, vậy là nhân với 7. Trong một giây, một giây, tất cả pháp trong toàn thể bầu vũ trụ này đều đang trong trạng thái sanh diệt; đều ở trong tần suất cao như vậy đấy.

Tần suất này nếu như dùng giây hiện thời mà tính, một giây có bao nhiêu lần? Có 2100 ngàn tỷ, một giây là 2100 ngàn tỷ ý niệm; chính ngay trước mắt, chúng ta làm sao mà biết được? Gần lắm, bao gồm cái thân này của chúng ta. Tất cả pháp ngoài thân, toàn thể vũ trụ, đều nằm trong cái tần suất ấy, tướng hư giả xuất hiện, nó không phải thật. Nếu bạn đem nó cho thành thật coi như bạn sai rồi. Phật trong kinh Kim Cang nói rất hay: “**Phàm những gì có hình tướng toàn là hư vọng**”. Đây là khoa học, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, hay hiện tượng tự nhiên, thảy đều là ở trong tần suất này mà sinh ra.

Chúng ta phải nhớ, câu sau cùng của đại sư Lục tổ có nói: “**Nào ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp**”, toàn thể vũ trụ từ đâu mà có? Toàn do tự tánh biến, tự tánh năng sanh. Vì thế Phật giáo là vô thần luận, toàn bộ vũ trụ này do ai sáng tạo nên? Là cho chính tự tánh của mình biến hiện ra, nhưng bản thân mình không hay biết gì, bạn mê rồi. Hết thảy pháp đều không lìa tự tánh, tự tánh là bản thể của tất cả pháp. Tất cả pháp là bản thể của hiện tượng sở sanh. Bản thể có thật, thật sự tồn tại, không sanh không diệt, nhưng nó không phải hiện tượng vật chất; cũng không phải hiện tượng tinh thần; cũng không phải hiện tượng tự nhiên. Do đó, cái bản thể này dùng một chữ “không” để biểu thị. Cái không này không có nghĩa là không có gì hết. Vì sao? Vì nó có thể sanh ra vạn pháp. Vì vậy, nó không phải là “vô”, vì sao lại là không? Vì ba loại hiện tượng này, không hề tồn tại trong bản thể của tự tánh. Qua đó cũng nói rõ rằng sáu căn của chúng ta duyên không đến, mắt tai mũi lưỡi thân ý không duyên đến được. A lại da không duyên đến được, mạt na lẫn ý thức đều không thể duyên đến, nhưng nó thật sự tồn tại, tồn tại ở đâu? Nó không lúc nào không có, không chỗ nào không có. Nó chính ngay trước mắt, nhà Phật thường nói chính ngay chỗ này. Nếu như bạn thấy được nó, chúc mừng bạn, bạn thành Phật rồi, làm thế nào mới có thể thấy được? Khi phá được vô minh, bạn liền nhìn thấy; muốn phá vô minh, trước hết phải phá kiến tư, rồi đến phá trần sa. Cuối cùng là phá vô minh, vô minh vừa phá là bạn thấy được ngay, liền chứng Bồ Tát Sơ trụ bên Viên giáo. Viên giáo Sơ trụ là phần “Chứng Tức Phật” trong “Lục Tức Phật” của đại sư Thiên Thai, địa vị này rất cao.

Phật trong mười Pháp giới, Phật Pháp giới, là Tương tự tức Phật, cũng chính là Thập tín được nói trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát ở địa vị Thập tín là Tương tự tức Phật. Phần sau, kể từ tương tự trở đi đều không phải Phật thật, Phật thật chỉ có phần chứng với cứu cánh, cứu cánh mới là Phật viên mãn. Phần chứng 41 vị Pháp thân đại sĩ đều gọi là phần chứng, đây là dành cho người thuộc hàng Thượng thượng thừa bên Thiền tông tu. Căn tánh lanh lợi, gọi là một nghe ngàn ngộ. Thích Ca Mâu Ni thành Phật rồi, Ngài thành Phật như thế nào? Ngài từ thiền định, xả bỏ vô minh phiền não. Do vô minh phiền não sanh trần sa phiền não, do trần sa phiền não sanh kiến tư phiền não. Vô minh đoạn rồi, đồng nghĩa những thứ trước đó đều đoạn hết rồi, cả trần sa lẫn kiến tư đều mất sạch. Đây chính là thành Phật, nhưng chưa phải là cứu cánh Phật, vì sao? Vô minh phá được rồi, không còn khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm, đó gọi là vô minh, nó cực kỳ vi tế. Cũng như vừa nãy có nói, tần suất là một giây có 2100 ngàn tỷ, chỉ cần tần suất đó động một chút thôi, đó gọi là khởi tâm động niệm; cái niệm đó được gọi là khởi tâm động niệm.

Toàn thể vũ trụ do đâu mà có? Do một niệm bất giác mà sanh ra vô minh, một niệm chính là vô minh, một niệm chính là trong chân tâm của chúng ta. Khởi lên một vọng tâm, vọng tâm này chính là A lại da; A lại da xuất hiện rồi. Nếu như một niệm này dừng lại, không động nữa, A lại da sẽ biến mất, không còn A lại da, toàn bộ vũ trụ cũng biến mất. Những gì chúng ta đang thấy hiện nay cũng không còn, cái nhìn thấy là gì? Nhìn thấy tự tánh, tự tánh là sao? Chính là Thường Tịch Quang được nói trong Tịnh độ tông, đó chính là tự tánh; *thường* nghĩa là không sanh không diệt, *tịch* là thanh tịnh vô nhiễm, *quang* là không chỗ nào không có, không lúc nào không có, hay gọi là quang minh biến chiếu.

*Quang* cũng đại biểu cho trí huệ, *tịch* biểu thị cho phước đức, phước đức chân thật chính là tâm thanh tịnh tịch diệt, cũng chính là câu thứ ba “**vốn tự đầy đủ**” mà Lục tổ đại sư đã nói. Đầy đủ cái gì? Đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo. Vì sao? Vì nó “**năng sanh vạn pháp**”; “**vốn tự đầy đủ**” là ẩn, “**năng sanh vạn pháp**” là hiện, ẩn hiện không hai. Học giáo dục Phật Đà là học cái gì? Học cách trở về với tự tánh. A La Hán đã bước đến trước cửa của tự tánh rồi, nhưng chưa bước vào; Bồ Tát đến trước cửa tự tánh, và bước vào rồi. A La Hán, Bích Chi Phật vẫn chưa vào cửa, Bồ Tát thì vào rồi. Bước vào rồi nhưng vẫn chưa đăng đường nhập thất thì gọi là tam thừa Bồ Tát; bên biệt giáo là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng. Bồ Tát này đã bước vào đạo rồi, nhưng vẫn chưa đạt đến mức uyên thâm sâu sa. Người thế nào mới có tư cách đăng đường nhập thất vậy? Là sơ địa biệt giáo, chính là Bồ Tát Sơ Địa. Phá một phẩm vô minh chứng một phần Pháp thân, hay Sơ trụ của Viên giáo. Các ngài vãng sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, dưới sự dẫn dắt dạy dỗ của Phật Thích Ca. Chúng ta thật sự có thể buông bỏ phiền não, xả bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thì đời sau của chúng ta sanh vào cõi nào? Là Thế Giới Hoa Tạng, Hoa Tạng Thế Giới là cõi Thật Báo của Thích Ca Mâu Ni Phật. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Tứ thánh Pháp giới của mười Pháp giới gồm có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật; đó là cõi Phương Tiện Hữu Dư của Phật Thích Ca; còn Lục đạo là cõi Phàm Thánh Đồng Cư của đức Phật. Tôi nói như vậy mọi người sẽ hiểu rõ hơn, có một quan niệm rõ ràng hơn. Vì vậy, học Phật không gì khác chính là học buông xả, buông xả liền thành tựu; buông xả phải buông ngay nơi tâm. Vì sao? Vì mọi việc là giả; sự tướng là giả, không phải thật; quan trọng nhất là tâm phiền phức của chúng ta hiện thời, chính là tâm của chúng ta bị ô nhiễm mất rồi. Bạn xem, Lục tổ đại sư, trong câu đầu tiên nói về thanh tịnh: “**Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh**”; *Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác* được đề cập trong bản kinh của chúng ta, thì *thanh tịnh* là sở chứng đắc của A La Hán; *bình đẳng* là sở chứng đắc của Bồ Tát; *giác* là sở chứng đắc của Phật. Từ Sơ trụ bên Viên giáo trở lên, còn giác bên biệt giáo là từ sơ địa trở lên. *Giác* là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, đây gọi là *giác*. Giác là Phật, bình đẳng là Bồ Tát, thanh tịnh là A La Hán, là Bích Chi Phật. Vấn đề ở đây, chính là bạn có thể buông được hay không!

Chẳng liên quan đến những thứ khác, gần đây chúng ta thấy được một người “minh tâm kiến tánh”. Hải Hiền lão Hòa thượng ở chùa Lai Phật, Nam Dương, 112 tuổi vãng sanh vào năm ngoái, tháng giêng năm ngoái, vãng sanh được hơn một năm rồi. 112 tuổi vãng sanh, Ngài không biết chữ, chưa từng đi học. Ngài dùng phương pháp gì để đạt đến minh tâm kiến tánh vậy? Chính là một câu Phật hiệu. Cho nên, kinh Kim Cang nói rất hay: “**Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp**”. Niệm A Di Đà Phật, có thể niệm đến lý nhất tâm bất loạn. “Sự nhất tâm bất loạn” là tâm thanh tịnh, “lý nhất tâm bất loạn” là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Chúng tôi làm sao biết được chuyện này vậy? Chúng tôi nhờ xem thấy từ đoạn băng, lúc lão Hòa thượng nói chuyện với mọi người, chính Ngài nói ra. Ngài bảo, Ngài cái gì cũng biết, chỉ là không thể nói. “*Cái gì cũng biết*”, lời này không thể nói một cách tùy tiện được đâu. Nếu như bản thân Ngài không phải thật sự cái gì cũng biết, mà nói lời này xem như đại vọng ngữ, đại vọng ngữ là địa ngục A Tỳ. “*Cái gì cũng biết*” chính là minh tâm kiến tánh, cũng là “lý nhất tâm bất loạn”. Ở vào vị trí này, vãng sanh Thế Giới Cực Lạc sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, năng lực của Ngài đạt đến mức đó rồi. Nếu chúng ta vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm sẽ nhận được sự hưởng thụ giống như các ngài vậy. Đối đãi bình đẳng. Đó là gì thế? Là do được oai thần bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, cái này chúng ta cần phải cảm ơn Phật.

Nguyện 20 trong 48 nguyện của Bổn kinh có nói, sanh đến Tây Phương Thế Giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ Tát; A Duy Việt Trí Bồ Tát chính là Bồ Tát của cõi Thật Báo. Vì vậy, bộ kinh này, pháp môn này không thể nghĩ bàn. Chỉ cần vãng sanh, dẫu sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư độ, hạ hạ phẩm vãng sanh, thì sự hưởng thụ, đãi ngộ nơi Thế Giới Cực Lạc là mức đãi ngộ của cõi Thật Báo. Hưởng thụ của cõi Thật Báo, điều này thật bất khả tư nghì. Chúng ta phải tin vào đức Phật, Ngài nhất định không bao giờ vọng ngữ. Đó là sự thật, không hề giả! Chúng ta vẫn hãy từ câu chuyện có thật của Hải Hiền lão Hòa thượng, thể ngộ được Chánh pháp. Pháp vận của Phật có Chánh pháp, có Tượng pháp, có Mạt pháp với Diệt pháp. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, hay vô lượng pháp môn đều không ngoại lệ; chỉ có một pháp môn là ngoại lệ, chính là pháp môn Tịnh độ. Vì sao? Pháp môn Tịnh độ là Chánh pháp, vĩnh viễn là Chánh pháp, nó không có phân chánh, tượng với mạt. Vì sao? Trên kinh Đại thừa, Phật nói với chúng ta. Pháp vận của Ngài dùng tiêu chuẩn gì để định ra vậy? Kinh Đại thừa nói rất cặn kẽ: Có người thuyết pháp, có người nghe pháp, có người tu hành, có người chứng quả; đây gọi là Chánh pháp.

Thế Tôn năm đó còn tại thế, Phật là người thuyết pháp. Người nghe pháp, người chứng quả rất nhiều. Sau khi Thế Tôn diệt độ, một ngàn năm đầu tiên, chúng đệ tử đi thuyết pháp. Tuy không được thù thắng như thời còn đức Phật, nhưng thuyết pháp không có nói sai. Có người nghe pháp, có người tu hành, có người chứng quả, có người khai ngộ, minh tâm kiến tánh; đó là Chánh pháp. Đến ngàn năm thứ hai, dân số tăng thêm, xã hội phức tạp, bên ngoài nhiều thứ cám dỗ, lòng người bị mê hoặc mất rồi. Có người giảng kinh, có người nghe kinh, có tu hành nhưng không có chứng quả. Có người đắc định, nhưng chưa khai ngộ; đây gọi là Tượng pháp. Có giảng kinh, có nghe kinh, không có người tu hành chân thật, đương nhiên sẽ không có người chứng quả; đây gọi là Mạt pháp; duy nhất chỉ có Tịnh tông. Tịnh tông, bạn xem có người giảng kinh, có nghe kinh; niệm Phật chính là tu hành, có người niệm Phật; vãng sanh chính là chứng quả. Thật sự có người vãng sanh, vãng sanh rất nhiều. Vì vậy, chỉ có mỗi Tịnh độ, cái tông này, dẫu cho đã đến thời kỳ Mạt pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật.

Một trăm năm sau cùng thời kỳ pháp diệt, kinh Vô Lượng Thọ vẫn còn; bộ kinh này bị diệt sau cùng nhất. Sau khi kinh này diệt mất, vẫn còn câu “Nam mô A Di Đà Phật”, sáu chữ này vẫn còn truyền thêm 100 năm nữa. Đến thời kỳ đó, niệm câu Phật hiệu này đều có thể vãng sanh Thế Giới Cực Lạc. Hay nói cách khác, Tịnh tông từ đầu đến cuối đều là Chánh pháp. Mười phương chư Phật sát độ, không một vị Phật nào không rao truyền pháp môn này, không vị Phật nào không giảng Tịnh độ ba kinh. Hay nói cách khác, những kinh điển khác cần phải quán cơ. Có cái căn cơ ấy thì nói cho họ nghe, không có căn cơ ấy thì không nói. Chỉ có mỗi pháp môn Tịnh độ độ khắp ba căn, thâu trọn lợi độn; nên nhất định phải giảng, mà còn nhất định là nhiều lần tuyên thuyết. Chúng ta học Phật cần phải làm rõ ràng, sáng tỏ những việc này. Trong tình hình xã hội trước mắt, chỉ có pháp môn này mới có thể bảo đảm đời này của chúng ta được thành tựu.

Hải Hiền lão Hòa thượng đã làm ta tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Một câu Phật hiệu, trong tâm ngoại trừ một câu Phật hiệu này ra, cái gì cũng không có. Mặc áo ăn cơm, Phật hiệu trong tâm không gián đoạn; công việc của Ngài là trồng trọt, làm lụng; hơn nữa Ngài lại là một người hết sức cần mẫn; có sức khỏe, lại hết sức chịu thương chịu khó; trồng trọt hơn 100 mẫu đất. Chùa nhỏ, là một cái chùa nhỏ dưới quê, có lẽ chỉ cần bốn, năm mẫu đất thì sinh hoạt đã có thể duy trì ổn thỏa rồi. Chùa nhỏ không có người đến thắp hương, không có hương hỏa, không có cúng dường, không có thu nhập, toàn phải dựa vào lao nhọc của bản thân mà thôi. Ngài xuất gia 92 năm, trồng trọt cũng làm suốt 92 năm. Nguồn thu hoạch rất lớn, nhưng Ngài không bán lấy tiền, thảy đều dùng đó để cứu tế chẩn bần; tiếp thế những khi bị thiên tai, mất mùa khi không có lương thực để qua ngày. Bạn xem, Ngài một lần quyên góp đã hiến tặng hết mấy ngàn cân lúa mạch. Đây đúng là bố thí chân thật, tài bố thí, nội tài bố thí, ngoại tài bố thí. Ngoại tài chính là thu hoạch của Ngài, số thu hoạch góp được từ mùa màng: Lương thực, rau cải, trái cây các thứ… nội tài chính là thể lực của Ngài, tự mình cày cấy 92 năm.

Một câu Phật hiệu, bản chất con người Ngài “thật thà, nghe lời, thật làm”, kiểu người như vậy rất khó tìm. Sư phụ Ngài cao minh, tuyệt đối không phải người bình thường. Gặp được người học trò như vậy, biết Ngài nhất định có thành tựu nên nói với Ngài pháp môn thành Phật. “Tín, Nguyện, Trì danh”, Ngài một đời thật thà, trung thực, làm được đến trọn vẹn viên mãn. Suốt một đời không có lấy một vọng niệm nào, không có vọng tưởng, lão thật chỉ có mỗi một câu Phật hiệu. Sư phụ dặn Ngài cứ thế mà niệm tiếp tục, thế là Ngài niệm đến cùng. Người như vậy, tâm thái của họ tốt, thành thật. Tâm thanh tịnh, tâm cung kính; nếu người có cái tâm như vậy, không ai là không thành tựu cả. Cho nên, sư phụ chỉ dạy Ngài một câu Phật hiệu.

Người như thế, thuở trước chúng tôi có thấy qua. Đàm Hư lão Hòa thượng, thợ vá nồi được nói đến trong “ảnh trần hồi ức lục” là một người “thật thà, nghe lời, thật làm”. Lão Hòa thượng chỉ dạy ông một câu “A Di Đà Phật”, cũng bảo ông cứ thế mà niệm tiếp tục, niệm mệt thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp, không phân ngày đêm. Ông niệm được ba năm, đứng mà vãng sanh, biết trước ngày giờ. Hải Hiền lão Hòa thượng, ba năm có thể đạt đến trình độ đó không? Tôi tin Ngài đạt được 20 tuổi, Ngài bắt đầu niệm, có lẽ khoảng 23, 24 tuổi, Ngài liền niệm đến công phu thành phiến. Người chỉ cần niệm đến công phu thành phiến, A Di Đà Phật nhất định sẽ đến, đến để làm gì? Để thọ ký cho họ, chính là đến nói với họ “***thọ mạng của con còn bao nhiêu, đến lúc con mạng chung, ta sẽ đến tiếp dẫn con***”. Để niềm tin và nguyện tâm của người niệm Phật kiên cố không lùi, Phật nhất định đến, nhất định sẽ tiếp dẫn họ. Đồng nghĩa bảo rằng, ở Thế Giới Cực Lạc bạn đã có nơi ăn chốn ở rồi. Vì vậy, Phật nhất định sẽ đến.

Ngài Hải Hiền niệm thêm ba, bốn năm nữa, Ngài có thể niệm đến “sự nhất tâm bất loạn”; lại tiếp tục thêm bốn, năm năm nữa, Ngài có thể niệm đến “lý nhất tâm bất loạn”, lý nhất tâm bất loạn chính là minh tâm kiến tánh. Hải Hiền lão Hòa thượng, Ngài bảo Ngài “*cái gì cũng biết*”, lúc đó là lúc nào? Tôi đoán vào khoảng năm Ngài 40 tuổi, Ngài “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Thọ mạng của Ngài, tôi tin không được dài như thế đâu. Vì sao tuổi thọ của Ngài lại dài đến như vậy? Do A Di Đà Phật kêu Ngài biểu pháp. Bạn xem, Ngài có nói một câu: “*Tôi mấy lần thỉnh cầu A Di Đà Phật đưa tôi vãng sanh, A Di Đà Phật bảo tôi tu không tệ, muốn tôi ở lại thế gian này biểu pháp*”; thọ mạng là do A Di Đà Phật kéo dài cho Ngài. Trong những lời nói đó, chỉ nói một lần không có lần thứ hai. Bạn phải nghe cho ra, bạn nên hiểu cái biểu pháp ấy mang ý nghĩa gì. Chúng tôi thấy trong “Tịnh độ Thánh hiền lục”, Sơ tổ Huệ Viễn đại sư một đời thấy Phật bốn lần, Ngài trước giờ chưa từng nói với bất kỳ ai.

Chúng ta nghe lão Hòa thượng nói một câu như vậy, “*tôi đã mấy lần yêu cầu A Di Đà Phật mang tôi vãng sanh. Phật không chịu, đã mấy lần rồi*”. 92 năm, tôi ước tính Ngài thấy A Di Đà Phật, thấy Tây Phương Thế Giới Cực Lạc chắc chắn không chỉ mười lần. Viễn công đại sư đã có đến bốn lần; vì vậy, Phật để Ngài ở lại thế gian này vì muốn cho người niệm Phật tăng thêm tín tâm, tăng thêm nguyện tâm. Vì sao? Bởi vì Tịnh tông chúng ta, mười mấy năm gần đây hứng chịu kiếp nạn chưa từng có trong lịch sử. Trong lịch sử Trung Quốc không tìm thấy chuyện như vậy, người phê bình rất nhiều; đều chưa từng thấy qua, khiến cho vô vàn người nảy sinh hoài nghi đối với bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, đối với cái bổn này; Bổn chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ đều không dám xem tới. Sau cùng, hình như có ba, bốn đệ tử mang theo quyển sách này đến chùa Lai Phật tự tặng cho lão Hòa thượng, lão Hòa thượng bèn hỏi: “*Sách này là sách gì vậy?*”. Mọi người nói với Ngài, sách này gọi là: “*Nếu muốn Phật Pháp hưng, chỉ có Tăng khen Tăng*”. Lão Hòa thượng vừa nghe được tên quyển sách vô cùng vui mừng, Ngài liền mặc lên người chiếc áo cà sa mà Ngài yêu thích nhất, nói với mọi người: “*Mọi người mau mau chụp hình cho tôi đi*”. Đây là biểu pháp sau cùng, nó mang ý nghĩa gì vậy? Nó chứng minh rằng, bổn hội tập của cụ Hạ Liên Cư là chân kinh; chứng minh Chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là chân chú, quyết định không có lấy một câu sai lầm. Thứ ba, chứng minh nhóm người chúng ta, y theo quyển sách này tu tập hơn mười năm qua, con đường này không hề đi sai. Ngài làm ra ba minh chứng này, đến ngày thứ ba thì Ngài vãng sanh.

Các vị xem chiếc đĩa này của Ngài, vào cái ngày vãng sanh hôm ấy, Ngài ra đi vào buổi tối. Cả ngày kể từ khi mặt trời mọc đến khi hoàng hôn, Ngài luôn ở trong vườn rau làm việc, đến tối thì đi rồi. Không ai biết, nhưng Ngài có nói với mọi người, chỉ là người ta không để ý. Làm việc mãi đến hoàng hôn, có người hỏi: “*Lão Hòa thượng! Trời tối rồi, có thể nghỉ tay được rồi*”. Lão Hòa thượng nói với người ta thế nào? - “*Sắp xong rồi, tôi sắp làm xong rồi; làm xong rồi, tôi sẽ không làm nữa*”. Thế là tối đến Ngài liền vãng sanh, mọi người không nghe ra. Cho nên, sau khi Ngài vãng sanh được hai ngày, mới hồi tưởng lại. Hơn một tháng gần đây, lão Hòa thượng đều đang muốn nói với mọi người; Ngài sắp đi rồi, Ngài đến để từ biệt. Nơi nào Ngài cũng đến thăm qua, đến khắp nơi thăm qua một chút. Ngài đã biết trước ngày giờ nhưng không nói với mọi người. Thấy được quyển sách này, quý như trân bảo; đại khái có lẽ do A Di Đà Phật dặn dò Ngài. Chúng tôi đoán, Phật nói với Ngài là: “*Khi nào con gặp được quyển sách này, ta sẽ đến tiếp dẫn con đến Thế Giới Cực Lạc*”. Thế nên, nghe thấy quyển sách này, Ngài vui mừng khôn tả. Bộ sách xuất hiện rồi, đĩa cũng được lưu thông rồi; mọi người đều biết, niệm Phật vãng sanh. Tôi bảo, đừng tiếp tục phê bình nữa, phê bình chỉ khiến Phật Pháp suy vong; “Tăng khen Tăng” mới khiến Phật Pháp hưng vượng được. Phê bình lẫn nhau, đại chúng xã hội nhìn thấy, người học Phật như các anh đều tranh đấu khốc liệt đến thế. “Thôi vậy, tôi không tham dự vào đâu, không học Phật nữa”, bạn khiến cho biết bao người thối tâm, cái nhân-quả này ai sẽ gánh lấy đây!

Cả đời, lão Hòa thượng thấy tất cả mọi người đều là người tốt, thấy mọi chuyện đều là chuyện tốt. Do đó, Ngài thường sanh tâm hoan hỷ; Ngài thấy mọi người chỉ có tán thán, không hề phê bình; càng không có chuyện hủy báng người ta. “***Gia hòa vạn sự hưng***” mà! Nhà không hòa, đại chúng xã hội sẽ khinh thường bạn. Người học Phật còn hủy báng lẫn nhau, còn không thể bao dung cho nhau, giáo pháp này không đáng để học, còn không sánh nổi với một người tốt bình thường nữa. Đây là điều chúng ta nên phản tỉnh một cách sâu sắc. Nhà muốn hưng vượng thì gia đình phải hòa hợp; đoàn thể muốn hưng vượng thì đoàn thể phải hòa hợp; xí nghiệp muốn hưng vượng, ông chủ với nhân viên phải giống như anh em vậy; công ty chắc chắn sẽ thịnh vượng thôi. Đất nước phải hòa, lãnh đạo quốc gia với nhân dân cũng như anh em cha con, đất nước đó sẽ giàu mạnh, quốc gia sẽ hưng vượng. Thế giới muốn hòa bình thì những quốc gia khác nhau, dân tộc cũng khác, không cùng nền văn hóa, khác cả tín ngưỡng, thảy đều là anh em tỷ muội một nhà; thế giới liền hài hòa thôi. Hết thảy mọi tranh luận phân biệt chấp trước, toàn là sai lầm. Chấp trước là nghiệp luân hồi; xả bỏ chấp trước liền siêu việt sáu nẻo luân hồi mười Pháp giới, là do vô minh tạo nên. Vô minh chính là khởi tâm động niệm, không khởi tâm, không động niệm đối với hết thảy pháp; sẽ không còn thấy mười Pháp giới nữa, nhất chân Pháp giới liền hiện tiền; người niệm Phật vãng sanh đến Tây Phương Thế Giới Cực Lạc.

Tu học pháp môn khác, chân thật làm đến được không khởi tâm, không động niệm sẽ sanh đến Thế Giới Hoa Tạng, là báo độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, là báo thân của Phật Thích Ca. Đều là Tỳ Lô Giá Na, Pháp thân của Phật Thích Ca chính là Tỳ Lô Giá Na; Pháp thân chỉ có một, không có hai. Tỳ Lô Giá Na có ý nghĩa gì vậy? Chính là Thường Tịch Quang, quang minh chiếu khắp. Thường Tịch Quang không có hai cõi; Thường Tịch Quang, tên gọi có rất nhiều nhưng chỉ cùng một nghĩa, chúng ta phải hiểu hết những tên đó. Trở về Thường Tịch Quang đồng nghĩa chứng đắc thanh tịnh Pháp thân, chứng đắc Pháp thân có thể hiện báo thân có thể hiện báo độ; có thể hiện mười Pháp giới; có thể hiện sáu cõi. Hiện những pháp này, không gì khác vì muốn phổ độ những chúng sanh còn mê hoặc điên đảo; chưa chịu giác ngộ, chưa trở về được.

Chư Phật Như Lai đều không bỏ rơi một ai, các ngài dùng báo thân, dùng ứng hóa thân để làm Phật sự, để giáo hóa chúng sanh. Vì thế chúng ta xem đến chỗ này, sâu sắc thể hội. Tổ sư đại đức nói với chúng ta: Nếu Phật Pháp muốn hưng, Tam học nhất nguyên, Phật Pháp liền hưng khởi ngay. Tam học là do người xưa đem giáo pháp cả đời của Thế Tôn phân thành ba loại lớn, loại thứ nhất là Giới luật, loại thứ hai là Thiền tông, thứ ba là Giáo hạ. Toàn bộ đều bao gồm hết vào trong đó, chẳng kể là giới hay định, hay giáo đều là do Thích Ca Mâu Ni Phật truyền lại, chỉ có một vị thầy thôi. Chúng ta phải hòa mục, đừng tranh luận gì cả, hễ có tranh luận là sai ngay. Nếu bạn phê bình, coi như bạn đang phê bình đức Phật rồi; bởi vì, giáo là do Phật thuyết. Đạo lý này nhất định phải hiểu, đừng để có tình trạng thiên kiến bè phái. Tôi đây là Chánh pháp, anh là Tà pháp; có loại suy nghĩ này, tâm bạn là tà rồi, làm gì còn Chánh pháp nữa!

Chánh pháp là một đời Hải Hiền lão Hòa thượng, chưa hề phê bình qua bất kỳ một người nào; chưa hề chê bai bất kỳ pháp môn nào. Ngài đối với hết thảy mọi người đều tôn trọng, tôn trọng với tất cả pháp, nhìn thấy mọi người y như nhìn thấy Phật vậy. Thấy tất cả pháp như thấy chính mình, mỗi ngày đều giống như thọ trì kinh điển Phật hiệu vậy. Đây gọi là người thật tu, thật đáng được mọi người tôn kính. Mọi người vẫn còn muốn tranh, vậy thì còn cách gì được nữa, họ muốn khiến cho Phật giáo bị hủy diệt. Cũng còn may, không có ai phê bình Phật hiệu “A Di Đà Phật” là sai lầm, là Tà pháp. Chưa có chuyện này, không có ai nói như vậy cả, thế thì chúng ta cứ niệm một câu “A Di Đà Phật”; cứ học theo Hải Hiền lão Hòa thượng cũng sẽ thành công thôi.

Bạn xem lão nhân gia 112 tuổi, đó là điều đáng để mọi người ngưỡng mộ nhất; đầu óc tỉnh táo, sức khỏe dồi dào, 112 tuổi mà còn leo lên cây hồng; mắt không bị hoa, còn có thể xỏ kim may áo. Thể lực của Ngài, đại khái giống như người bốn, năm mươi tuổi vậy; biểu diễn cho chúng ta xem, một câu A Di Đà Phật là được. Mọi người nói kinh này không tốt, kinh đó không tốt, thế thì kinh nào cũng không cần. Ta chỉ cần một câu “A Di Đà Phật” là được, một câu “A Di Đà Phật” có thể niệm đến tâm thanh tịnh, bạn liền chứng quả A La Hán; niệm đến tâm bình đẳng, bạn thành Bồ Tát; niệm đến phá được vô minh, bạn liền thành Phật; Pháp thân đại sĩ, chỉ cần một câu “A Di Đà Phật” là thành công rồi. Vì sao? Vì “**một tức tất cả, tất cả tức một**”, câu này được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Câu Phật hiệu này chính là tổng danh hiệu của hết thảy chư Phật, Bồ Tát.

Bạn niệm A Di Đà Phật, đồng nghĩa không hề bỏ sót bất kỳ vị Phật nào, vị Bồ Tát nào, toàn bộ đều gói trọn hết trong đó. Niệm một tiếng “A Di Đà Phật”, tất cả mọi kinh điển được thuyết bởi chư Phật, Bồ Tát, cũng thảy đều nằm hết trong danh hiệu này, một bộ cũng không sót, toàn bộ đều niệm đến cả; mọi người phải hiểu được cái lý này. Đạo lý này, nhà lượng tử lực học hiện đại đều hiểu được. Trong kinh Đại thừa có nói đến “**hạt cải nạp Tu Di**”, hạt cải rất nhỏ; trong đây có núi Tu Di, có cả đại thiên thế giới. Ai có thể đến được cảnh giới đó? Bồ Tát Phổ Hiền có thể nhập vào cõi nước vi trần. Vi trần rất nhỏ, cực vi sắc, trong đó có đại thiên thế giới, không khác gì so với thế giới bên ngoài. “Đại tiểu bất nhị”, có bản lĩnh cỡ như Hải Hiền lão Hòa thượng liền có thể nhập vào Pháp giới vi trần, làm ra tấm gương sống động, cho chúng ta xem. Mong sao chúng ta đừng tiếp tục tranh nữa, cứ thật thà trung thực làm đệ tử Phật, làm đệ tử của ngài Hải Hiền. Với người vô tranh, với đời vô cầu, tâm bạn sẽ thanh tịnh, tự tại biết dường nào. Câu Phật hiệu này niệm được thành thục rồi, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, thế thì đúng rồi. Nếu như đối với cái lý này còn chưa thật thấu triệt, vẫn còn nghi hoặc, thế thì bạn hãy học bộ kinh này. Tôi khuyên mọi người, bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư và bản Chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có thể giúp chúng ta xây dựng tín tâm, kiên cố tín tâm, kiên cố nguyện tâm, vĩnh viễn không thối chuyển, cứ thế mà niệm mãi; chúng ta cũng sẽ có thành tựu giống như Hải Hiền lão Hòa thượng vậy.

Lần này, chúng ta đến cái cõi này coi như không uổng phí, gặp được mấy vị đại thiện tri thức này thật chẳng dễ gì, thật là may mắn không gì bằng. Chúng ta đến Thế Giới Cực Lạc làm Phật rồi, “Giới-Định-Huệ”, Tam học đều ngay nơi câu Phật hiệu này, định cùng giới, đạo cùng giới. Câu Phật hiệu này, viên mãn đầy đủ cả “Giới-Định-Huệ”. Chỉ cần bạn thật sự niệm Phật, niệm đến mức không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, chính là nơi tu hành. Nhìn thấy rõ ràng là huệ, như như bất động là định, không phân biệt, không chấp trước chính là giới. Giới-Định-Huệ viên mãn đầy đủ, ngay trong câu Phật hiệu này. Biểu pháp, theo như ý nghĩa biểu pháp của vị thứ nhất, chúng ta lựa chọn pháp môn này; chúng ta sẽ là đệ tử bậc nhất của Như Lai, thật khó được! Vị thứ hai, Xá Lợi Phất đại biểu cho trí huệ đệ nhất. Vị thứ ba, Mục Kiền Liên đại biểu cho thần thông đệ nhất, thần thông đại diện cho đức năng, trí huệ với đức năng. Nếu không có trí huệ, đức năng cứu cánh viên mãn sẽ không tin vào pháp môn này, họ vẫn cho rằng có pháp môn khác cao hơn pháp môn này. Vị thứ tư, chính là Sơ tổ Thiền tông đến biểu pháp, biểu cái gì vậy? Chính là câu A Di Đà Phật này, là vô thượng thâm diệu Thiền. Lời này là do Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong kinh đại tập, đó không phải lời nói dối. Trong câu Phật hiệu này, có Thiền tông viên mãn, chính là biểu cái ý này. Công án niêm hoa, vi tiếu của Tôn giả Ca Diếp, trong “Đại Phạm Thiên Vương vấn Phật quyết nghi kinh” cũng nêu ra cho chúng ta rồi. Niêm hoa Vi tiếu là thật không hề giả; càng thâm diệu không gì bằng chính là câu Phật hiệu này, quá diệu rồi. Vì thế, Ngài ở chỗ này biểu thị rằng, Thiền Tịnh không hai.

Ngày nay muốn học Thiền, chẳng dễ gì tìm được một vị thầy tốt; Thiền với Mật đều cần phải có thầy rất giỏi đến dẫn dắt bạn. Hơn nữa, lúc bạn chưa thành tựu, bạn không được rời khỏi thầy của mình. Câu Phật hiệu này lại không cần điều đó, Phật hiệu chính là Thiền thậm thâm nhất. Học giáo cũng cần phải có thầy chỉ đạo. Chúng ta hãy tỉ mỉ mà quan sát, tư duy cho kỹ càng; càng nghĩ về câu Phật hiệu này, lại càng thấy bất khả tư nghì. Thời đại này của chúng ta phải nói là cực kỳ may mắn, gặp được biểu pháp của Hải Hiền lão Hòa thượng. Niềm tin và tâm nguyện của chúng ta không bao giờ có thể lung lay được nữa. Hay nói cách khác, vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, đời này của chúng ta nhất định thành tựu. Thành tựu sớm hay muộn là do tự chúng ta quyết định, công phu chỉ cần thành phiến thì việc vãng sanh, tự mình có thể quyết định được rồi. Dẫu vẫn còn thọ mạng nhưng ta chẳng màn đến. Cầu Phật đến tiếp dẫn ta, Phật nhất định sẽ đến. Nếu như bằng lòng, chịu biểu pháp như Hải Hiền lão Hòa thượng, làm tấm gương người niệm Phật tốt, để mọi người nhìn thấy. Đây là việc mà A Di Đà Phật hoan hỷ nhất, tâm chúng ta sẽ không khác gì tâm của Phật, tâm của Phật chính là mong muốn, hết thảy chúng sanh mau chóng thành Phật. Phương pháp thành Phật mau chóng, chính là đến Thế Giới Cực Lạc. Đến Thế Giới Cực Lạc đồng nghĩa bạn sẽ thành Phật; đến Thế Giới Cực Lạc quyết định thành Phật.

Chúng ta xem tiếp “**vì vậy, một bộ đại kinh**”, dòng sau cùng là “**đúng là phó pháp truyền tâm**”, Đạt Ma Tổ sư đến Trung Quốc truyền pháp là y bát của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật, trong đại hội của “Đại Phạm Thiên Vương vấn Phật quyết nghi kinh”, Phật đưa cành hoa lên và mỉm cười. Không ai biết vì sao đức Phật lại cười, chỉ có Tôn giả Ca Diếp hiểu được tâm Ngài nên mỉm cười đáp lại. Phật bèn đưa cành hoa này cho Ca Diếp, đó là truyền pháp. Truyền tâm dùng cái này để biểu thị, dùng tâm ấn tâm; nay đưa ngài Đại Ca Diếp ra để biểu thị cho Thiền Tịnh không hai.

Tiếp theo là vị thứ năm “**Tôn giả A Nan v.v... thành bậc Thượng thủ**”, chủ yếu là nói Tôn giả A Nan. Tôn giả A Nan là đại biểu cho Giáo hạ, Ngài là người truyền giáo. “**Đản Đường, Tống dịch là A Nan đà, gọi tắt là A Nan**”, A Nan là tiếng Phạn, là dịch âm, dịch sang ý nghĩa Trung Quốc là khánh hỷ, hoan hỷ. “**Còn dịch là vô nhiễm, Ngài là con của Bạch Phạn Vương**”, là em họ của Phật. “**Sanh trong ngày Phật thành đạo**”, Phật Thích Ca thành đạo “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Tin tức này truyền đến tai vua Tịnh Phạn. “**Tịnh Phạn Vương nghe tin thái tử thành Phật, lại nghe trong cung sanh con trai**”, em trai vua Tịnh Phạn sanh được con trai; em trai Ngài là Bạch Phạn Vương, phụ thân của Thích Ca Mâu Ni Phật là Tịnh Phạn Vương. Vì thế, vua Tịnh Phạn càng vui mừng hớn hở, song hỷ lâm môn. Nên Ngài nói rằng, hôm nay là ngày cát tường, đại cát đại lợi, bèn nói với người truyền tin: “*Đứa trẻ này hãy đặt tên là A Nan*”, cái tên A Nan này là do vua Tịnh Phạn đặt cho Ngài, chính là mang ý nghĩa hoan hỷ.

“**Hơn nữa, Tôn giả đoan chánh thanh tịnh như tấm gương trong vắt; trông thấy hình dạng Ngài, nghe tiếng Ngài; xem uy nghi của Ngài, không ai chẳng hoan hỷ, nên đặt tên như vậy**”. Cái đoạn này được nói vào thời gian nào? Chính là lúc A Nan chào đời. Tướng hảo đều là biểu pháp, chúng ta từ chỗ này thể hội được “***nhân sinh bách nhật, thể lộ chân thường***”, đây chính là thể lộ chân thường. Vì sao? Ngài vừa đến thế gian, sáu căn của Ngài tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, không khởi tâm động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây là gì vậy? Đây là dùng chân tâm, thuần tịnh thuần chân. “**Tướng do tâm sanh**”, cho nên tướng Ngài đẹp đẽ. Trẻ con lúc vừa mới chào đời 100 ngày; trong vòng 100 ngày, bạn nhìn chúng thử xem, vẻ ngoài đẹp đẽ; 100 ngày sau, từ từ bị ô nhiễm, do chịu ảnh hưởng của cảnh giới bên ngoài; chúng nhận ra ai là cha, ai là mẹ; đồng nghĩa chúng bị ô nhiễm rồi. Trong vòng 100 ngày, chúng vẫn chưa biết; bất kể người nào đến nựng chúng, ôm chúng, chúng đều mừng cả, chúng không cự tuyệt. Nhưng khi nhận ra người lạ rồi, người ta đến ôm, chúng sẽ không chịu, sẽ từ chối, chúng biết lựa chọn rồi; đây là vọng tâm. Dùng chân tâm là Phật, lão tổ tông Trung Quốc của chúng ta cũng rất phi phàm; các ngài biết, tánh người vốn thiện; lời này là do lão tổ tông nói ra. Khi Phật giáo chưa truyền vào Trung Quốc, Cổ thánh Tiên hiền Trung Quốc đã biết, đã đem câu này viết thành câu đầu tiên trong sách giáo khoa dành cho nhi đồng; câu đầu tiên trong Tam tự kinh dạy rằng “***nhân chi sơ, tánh bổn thiện***”. Câu “***nhân chi sơ***” này, có thể giải thích là: Con người chào đời vừa mới 100 ngày; trong 100 ngày này, bạn hãy tỉ mỉ quan sát đứa trẻ mà xem, tánh chúng vốn thiện.

Người xưa có trí huệ, có đức hạnh, nhìn thấy hiện tượng này liền biết rằng “***tánh tương cận, tập tương viễn***”, cái tánh này cũng giống như cái tánh của thánh nhân vậy. Người Trung Quốc tôn trọng Thánh hiền, cổ thánh tiên vương, nghiêu thuấn vũ thang, văn võ Chu công đều là bậc Đại thánh đại hiền thời Trung Quốc cổ đại mà hậu nhân đều ngưỡng mộ, đều mong muốn học hỏi với họ. Cái gọi là “***tánh tương cận, tập tương viễn***” khi bạn minh bạch được cái lý này, thì phải làm sao? Muốn làm thế nào để có thể lưu giữ được cái bổn tánh ấy, và làm mờ nhạt tập tánh hết mức có thể. Muốn vậy, cần phải dùng phương pháp gì? Dùng giáo học “***cẩu bất giáo, tánh nãi thiên giáo chi đạo, quý dĩ chuyên***”, lý niệm giáo dục của Trung Quốc đều bắt nguồn từ đây. Vì sao phải dạy? Dạy như thế nào? Tám câu đầu trong Tam tự kinh là trí huệ, lý niệm và phương châm. Giáo dục của người Trung Quốc mà không tìm thấy ở nơi khác trên thế gian này, đây là chân lý. Vì thế, người Trung Quốc hiểu được tầm vóc của giáo dục; khắp thế giới này không thể tìm thấy quốc gia nào khác, người Châu Âu rất bội phục.

Tôi ở Úc, sống tại vùng Toowomba, ở cái trấn nhỏ này có một trường đại học là trường đại học Southern Queensland. Hiệu trưởng trường học đó tặng cho tôi một bằng học vị tiến sĩ. Cái ngày tôi nhận học vị này, buổi trưa, hiệu trưởng có mời tôi dùng cơm còn có mấy vị giáo thọ ngồi cùng, trong đó có một người là trưởng giáo vụ trong trường của họ. Ông ta nói với tôi một sự việc, ông ấy bảo: “*Trước thế chiến thứ hai*”, tức là trước chiến tranh thế giới lần thứ hai, “*Châu Âu có một số học giả nghiên cứu ba nền văn minh cổ trên thế giới đều bị diệt vong*”. Vì sao chỉ có Trung Quốc là vẫn tồn tại? Họ đưa ra một mệnh đề như vậy, đại khái nghiên cứu hết nửa năm đến một năm. Sau cùng rút ra một kết luận, có thể là do người Trung Quốc xem trọng quan hệ giáo dục gia đình. Tôi nói với trưởng giáo vụ, tôi bảo: “*Cái đáp án này là chính xác, không sai chút nào; những học giả này rất đáng mến, họ đã tìm ra nguyên nhân đích thực của vấn đề này. Người Trung Quốc am hiểu về giáo dục, làm thế nào để gìn giữ cho con trẻ những năm tháng hồn nhiên ngây thơ của chúng, càng dài càng tốt!*”. Do đó, đối với việc dạy dỗ con cái, họ coi trọng việc thai giáo, tức là lúc người mẹ mang thai là đã bắt đầu giáo dục thai nhi rồi. Dạy thế nào vậy? Khởi tâm động niệm, lời nói việc làm của mẹ đều gây ảnh hưởng đến đứa con. Vì vậy trong suốt mười tháng này, người làm mẹ làm mọi thứ đều phải hợp lẽ, không được có ác niệm, trong tâm thường sanh lòng hoan hỷ. Những gì tiếp xúc đều là mặt tốt, suy nghĩ phải ngay thẳng chánh trực, lời nói đoan chánh, hành vi đúng đắn, chuẩn mực. Tất cả điều bất thiện, xấu ác đều không được có.

Theo như ghi chép trong lịch sử, mẹ của Chu Văn Vương lúc mang thai Văn Vương, bà đã hiểu về thai giáo. Trong mười tháng này, bà không bao giờ thốt ra những lời ngông cuồng. Mắt không nhìn sắc xấu ác, những thứ không tốt bà đều không xem, tai không nghe tiếng khiếm nhã. Bạn xem, bà coi trọng việc giữ “thân, khẩu, ý” phải đoan chánh thì con trẻ sanh ra đời mới dễ nuôi, dễ bảo. Sau khi chào đời, lại cần cắm gốc giáo dục cho chúng trong vòng một ngàn ngày, tức là trẻ con từ lúc chào đời, bắt đầu từ hôm đó; khi chúng mở mắt chào đời, chúng biết nhìn, biết nghe, là chúng đang học cách bắt chước rồi, chúng đang học tập đấy. Vì thế, cha mẹ ở trước mặt con cần phải giữ lễ; đồng nghĩa, những gì không nên để chúng thấy thì tuyệt đối không được cho chúng nhìn, không cho chúng nghe, không để chúng tiếp xúc được. Người mẹ phải trông chừng con thật cẩn thận trong ba năm này; để những gì chúng nhìn thấy trong ba năm đó đều là nhân nghĩa đạo đức, đều là hiếu để trung tín. Chỉ nên thấy những điều này, còn mặt trái thì không được để chúng nhìn thấy. Cho nên, ngạn ngữ Trung Quốc xưa có câu “***ba tuổi xem tám mươi***”. Trong một ngàn ngày này, lo mà cắm gốc cho vững; để đến lúc tám mươi, chúng cũng không bao giờ thay đổi. Vì sao? Vì nền tảng đã được xây dựng quá vững vàng rồi.

Vì vậy, loại lý niệm này của Trung Quốc vẫn được lưu truyền mãi, đại khái trước khi bước vào thời kỳ dân quốc 100 năm. Dân quốc chiến loạn, thế sự nhiễu nhương, bá tánh sống trong cảnh lầm than nên mọi người đều lơ là mất sự việc này. 100 năm trước, các cụ đều hiểu được. Người đọc sách coi trọng thai giáo, vì thế mãi cho đến thời kỳ kháng chiến vẫn có người trung nghĩa xuất hiện. Những người đó đều là người có nền gia giáo đàng hoàng, chân thật vì quốc gia, vì nhân dân, hy sinh không tiếc thứ gì.

Hiện nay, giáo dục xã hội mất rồi, xã hội hiện thời thế nào đây? Không còn luân lý, không còn đạo đức, chẳng còn nhân-quả; giữa người với người đã không còn niềm tin vào nhau, không còn thành tín, ai cũng mang theo lòng ngờ vực, đều là tự tư tự lợi. Cho nên, bao nhiêu năm qua, tôi ở trên quốc tế tham gia không ít hội nghị hòa bình quốc tế, hơn một nữa đều là do liêp hợp quốc tổ chức. Bạn bè bằng hữu của chúng tôi, những người đến tham gia đại hội này, họ đối với việc liệu thế giới này còn có hòa bình hay không? Ai cũng đeo mang cái nghi vấn đó, không dám tin rằng thế giới này còn có thể có hòa bình. Nhưng họ lại tin cái gì? Tin là thế giới này sẽ bị hủy diệt, điều đó đáng sợ biết mấy. Vì sao? Vì người hiện nay cứ cạnh tranh nhau, từ nhỏ đã được dạy cạnh tranh rồi. Cạnh tranh nâng lên chính là đấu tranh, đấu tranh nâng lên chính là chiến tranh, chiến tranh đồng nghĩa với diệt vong. Chiến tranh thời này là chiến tranh vũ khí hạt nhân, chiến tranh hóa học; con người có khả năng tiêu diệt hết toàn bộ mọi sinh vật trên trái đất. Do đó, tiến sĩ Thang Ân Tỉ có nói, đi theo lối tư duy của phương Tây, loại suy nghĩ và cách nhìn nhận này sẽ hủy diệt con người trên trái đất. Ông có nghiên cứu đối với Đông phương. Nếu như dùng truyền thống văn hóa Trung Quốc của phương Đông, thế giới này sẽ được cứu. Không những được cứu mà tương lai, người của toàn thế giới còn có thể sống những ngày hạnh phúc, một cuộc sống bình yên hạnh phúc mỹ mãn. Ông có nói như thế, hơn nữa vào những năm cuối đời, ông vô cùng có niềm tin vào chuyện này. Ông đem tất cả hy vọng đều gửi gắm lên người Trung Quốc. Ông nói: “*Trung Quốc*”, ông biết, “*tuy đất nước Trung Quốc vẫn còn động loạn nhưng người Trung Quốc, dẫu sao cũng có năm ngàn năm lịch sử. Trong nỗi thống khổ ấy, họ sẽ biết phản tỉnh, họ sẽ biết tìm về truyền thống văn hóa. Thế thì liền có thể cứu vớt Trung Quốc, cứu toàn thế giới. Hết sức khó được!*”.

Năm nay, chúng tôi ở Paris có tham gia hoạt động mừng lễ Phật đản của đạo Phật. Tuy tôi không tham gia nhưng đồng học chúng tôi có không ít người tham dự; nghe nói có không ít bạn bè, những người có niềm tin đối với việc thế giới này có thể còn có hòa bình, càng ngày càng nhiều. Đây là chuyện tốt, đặc biệt là Tập chủ tịch của Trung Quốc. Trong chuyến viếng thăm đến Châu Âu, ông có hơn 100 buổi diễn giảng. Mỗi một buổi nói chuyện, ông đều nhắc đến sự ưu tú của truyền thống văn hóa Trung Quốc. Các đại sứ đại biểu của Liên Hiệp Quốc, họ nghe rồi hết sức cảm động, đây là một sự khởi đầu rất tốt đẹp. Mong sao mọi người cùng nhau nỗ lực, đặc biệt là Đài Loan. Đài Loan vẫn còn lưu giữ lối chữ phồn thể, đối với truyền thống văn hóa, khu vực này lưu giữ có phần tương đối nhiều hơn, nhưng mọi người phải thật chịu học. Tôi thấy các đồng học có đưa cho tôi một bản là những tin tức quan trọng trong tuần này, trong đó có một mục viết. Trong nước, Trung Quốc có hơn 40 trường đại học danh tiếng, họ mở một hội nghị bàn về việc muốn đem giáo dục truyền thống văn hóa khôi phục lại ở các trường. Đây là một việc đáng mừng, lúc trước chưa hề nghe nói đến. Hiện nay, các trường đại học này chính thức muốn mở khóa, cho nên đó là việc tốt. Chúng tôi nghe tin này cũng hết sức vui mừng. Tôi thấy đoạn kinh văn này, cảm thấy rất cảm động, tức là trẻ con đoan chánh, thanh tịnh. Thấy hình nghe tiếng, thấy những hành động của chúng, sanh lòng hoan hỷ.

Chúng ta xem tiếp phần sau: “**Ngoài ra, Tôn giả theo Phật vào Long cung, Thiên cung; tâm không ham đắm, nên có tên là vô nhiễm**”, chuyện này là Tôn giả A Nan theo Phật vào Thiên cung. Phật ở Thiên cung thuyết pháp, A Nan cũng cùng theo vào; Phật thuyết pháp ở Long cung, A Nan cũng đi theo. Đối với Thiên cung hay Long cung, tâm A Nan vẫn rất thanh tịnh; không có khởi lên tâm vui thích, tức là tâm vô lạc, lạc tức là yêu thích; không có tham đắm, đây gọi là vô nhiễm, thanh tịnh vô nhiễm.

“**Kinh Niết Bàn gọi A Nan là bậc đa văn**”, A Nan là bậc đa văn đệ nhất trong số đệ tử Phật. Vì vậy sau khi Phật diệt độ, lúc kết tập kinh tạng là do A Nan trùng tuyên lại, lặp lại những gì Phật giảng qua một lần. Có 500 vị A La Hán tác chứng, chứng minh những gì A Nan trùng tuyên là không sai. Chứng tỏ Phật năm đó đích thực cũng nói như vậy. Cứ thế viết lại rồi soạn thành kinh điển, lưu truyền cho hậu thế. A Nan lại được Tôn giả Ca Diếp khen rằng: “***Nước biển cả Phật Pháp chảy vào tâm A Nan***” nên được gọi là “Đa văn Đệ nhất”.

Phía sau có một chữ “đẳng”, chữ “đẳng” này dùng rất hay. Vì sao vậy? Vì “***bản ngụy dịch kể tên ba mươi mốt vị***” đều là biểu pháp. Bản ngụy dịch là bản dịch của khang tăng khải, cũng là bản được lưu thông rộng rãi nhất, là một loại trong năm loại nguyên bổn dịch. Phần đại chúng biểu pháp ở phía trước có 31 vị. Từ chỗ này, lão cư sĩ Hạ Liên Cư chỉ dùng có năm người, những người khác Ngài lược bỏ đi, nên dùng chữ “vân vân”, năm người này vô cùng quan trọng. Dùng chữ này “***để chỉ chung các vị còn lại***” khiến cho việc hội tập không bị sót những người khác, vẫn còn hơn hai chục vị “***là bậc Thượng thủ***”. “Thượng thủ” hiện nay trong Phật môn, thủ tọa Hòa thượng được gọi là Thượng thủ, “***địa vị cao hơn hết trong đại chúng gọi là Thượng thủ; số lượng các vị Thượng thủ trong các kinh chẳng đồng; chẳng hạn như trong kinh xưng tán Tịnh độ Phật nhiếp thọ***”. Đại sư huyền trang phiên dịch kinh A Di Đà: “***Trong số một ngàn hai trăm năm mươi vị đại bí sô, nêu tên bốn vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, A Nê Luật Đà là Thượng thủ***”. Đây đều là do người phiên dịch, tự mình quyết định. Điều quan trọng nhất của bậc Thượng thủ chính là biểu pháp, miễn là ý nghĩa biểu pháp. Được hiển bày ra là được rồi “***kinh này***”, ý là bổn hội tập của cụ Hạ Liên Cư hiện thời “***thì năm vị như Kiều Trần Như v.v... Làm Thượng thủ***”; chỉ liệt kê ra năm vị “***họ là Thượng thủ trong các đại Tôn giả hết thảy Đại thánh thần thông đã đạt***”. Chứng tỏ những vị biểu pháp này đều không phải người tầm thường, đều là người có thân phận, có địa vị. Ở trong hội của đức Phật, chúng ta thông thường hay nói là có tu có chứng nên dùng các ngài để biểu pháp.

Xin xem tiếp một đoạn bên dưới: “**Xét ra, câu hết thảy Đại thánh thần thông đã đạt vốn là câu khen ngợi đức hạnh của Bồ Tát**”. Bây giờ các ngài đã đến nơi này rồi, tất cả Đại thánh, Đại thánh là Pháp thân Bồ Tát, các ngài đã đại triệt đại ngộ. Cho nên gọi là thần thông đã đạt, thần thông đã đạt đến mức gần viên mãn rồi, chính là lấy cái ý này. Câu này là lời ca tụng Pháp thân Bồ Tát. Hiện giờ trong Hội Vô Lượng Thọ này, số tỳ kheo, Thanh Văn này dùng lời tán thán Bồ Tát để ca ngợi họ. Như thế có quá lời chăng? Phần sau có giải thích. Trên thực tế, chúng ta nhất định phải biết, một vị Phật xuất thế, ngàn Phật theo hộ. Không như người đời chúng ta, người đời có đố kỵ, có chướng ngại, Phật không có. Trong cái hội này, ai là chủ tịch, chư Phật Như Lai đều hộ trì, đều tán thán cả, đây là chuyện rất bình thường. Một người là chủ, những người khác đều là bạn. Người chủ này không phải là độc nhất, nhiệm nhất mà là ai cũng có thể làm chủ, ai cũng có thể làm bạn. Chủ bạn viên dung, không có tranh chấp qua lại. Trong hội này, Thích Ca Mâu Ni Phật là chủ, những bậc Thượng thủ này toàn bộ đều là cổ Phật tái lai, đều là như vậy cả. Nếu không phải người của Thế Giới Ta Bà, thì là Pháp thân đại sĩ ở thế giới phương khác. Đến thế gian này thị hiện thành Thanh Văn, thị hiện thành trưởng giả, cư sĩ, đến để hộ trì Phật Pháp, toàn là chư Phật với Pháp thân Bồ Tát.

Phần sau có nói, như kinh Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ, trong này có nói: “**Cùng chúng: Bốn vạn hai ngàn đại tỳ kheo; tám vạn bốn ngàn Bồ Tát, hết thảy đại chúng thần thông đã đạt**”, trường hợp này trong kinh Đại thừa có rất nhiều. “**Kinh đây dùng lời khen ngợi công đức Bồ Tát để ca tụng Thanh Văn là ngụ ý các vị thánh chúng thường theo hầu Phật, vốn là Pháp thân đại sĩ, ẩn bổn thùy tích hoặc là thánh chúng phương khác giúp Phật hoằng hóa, đóng vai trò những người gây ảnh hưởng**”. Câu “**hết thảy Đại thánh’ chỉ bổn địa của họ**”, ý là thân phận vốn có của các ngài, họ là cổ Phật tái lai, là Pháp thân Bồ Tát tái lai hoặc là Phật, Bồ Tát từ thế giới phương khác đến. Đến thế giới này để làm người gây ảnh hưởng; họ không phải người phàm, không phải Tiểu thừa.

Chính là có ý như vậy, nói “**hết thảy Đại thánh**” là chỉ cho bổn địa của họ “**vốn là bậc Bồ đề rốt ráo**”, huống hồ Thế Tôn trong kinh Hoa Nghiêm có nói với chúng ta: “**Hết thảy chúng sanh vốn dĩ là Phật**”. Đây là sự thật không hề giả, Phật không bao giờ vọng ngữ. Trong mắt của đức Phật, nhìn thấy tất cả chúng sanh đều bình đẳng, đều là Phật thật, không phải Phật giả. Chỉ là hiện nay thế nào? Hiện nay, mê rồi, bị vô minh phiền não mê rồi; bị trần sa phiền não với kiến tư phiền não mê rồi. Mang theo ba loại phiền não này mê hoặc mất tánh Phật của mình, nhưng họ là Phật thật không phải Phật giả. Chỉ cần buông bỏ ba loại phiền não này, bạn chẳng hề khác gì so với chư Phật, bạn là Phật thật. Cho nên, Phật thật là bổn, chỉ bổn địa của họ; chúng tôi tin rằng không những các ngài là Phật thật. Chúng tôi còn tin tất cả chúng sanh đều là Phật thật, học Phật thì phải khẳng định đối với sự việc này. Không khẳng định điều này, chúng ta sẽ không cách gì thành Phật được. Cho nên, cổ nhân Trung Quốc khi biên soạn giáo trình, bạn xem, soạn sách giáo khoa dạy cho các cháu nhi đồng, câu đầu tiên liền nói với chúng “***nhân chi sơ, tánh bổn thiện***”. Đó là gì vậy? Là đại đạo lý. Mục đích của việc giáo dục nằm ở đâu? Chính là dạy bạn trở về với cái tánh vốn thiện ấy. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật nói với chúng ta: “**Tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật**”. Giáo dục Phật Đà, chính nhằm dạy cho chúng ta trở về với cái vốn có ấy, vốn dĩ là Phật. Thế thì giáo học ấy liền viên mãn; “**vốn dĩ là Phật**” đồng nghĩa trí huệ, là thứ bạn vốn có sẵn, không nằm bên ngoài. Bên ngoài không có trí huệ “**tâm ngoại vô pháp, pháp ngoại vô tâm**”, cái lý này nhất định chúng ta phải hiểu.

Tri thức là thứ vốn sẵn có trong tự tánh, trí huệ cũng là thứ vốn sẵn có trong tự tánh. Tâm càng thanh tịnh trí huệ càng lộ ra, tâm thanh tịnh thì hiển lộ ra trí huệ nhỏ; A La Hán có mà Bích Chi Phật cũng có, Bồ Tát thì lưu lộ ra đại trí huệ. Vì sao? Vì Bồ Tát bình đẳng. Các vị phải nhớ, bình đẳng là Bồ Tát; thanh tịnh là A La Hán. Tâm chúng ta không thanh tịnh, có danh văn lợi dưỡng, có phải quấy nhân ngã, có “tham, sân, si, mạn”, có “thất tình, ngũ dục”, đây là ô nhiễm, là không thanh tịnh; ô nhiễm nên mới gọi là phàm phu sáu nẻo. Thanh tịnh chính là A La Hán, A La Hán buông bỏ những thứ kiến tư phiền não, các ngài xả bỏ hết rồi. Nâng lên thêm một tầng nữa là Bồ Tát Bồ Tát, không những không có kiến tư phiền não mà ngay cả trần sa phiền não cũng buông rồi. Trần sa phiền não do đâu mà có? Do phân biệt mà có. Có phân biệt liền không bình đẳng, không phân biệt, tâm bình đẳng liền hiện tiền; bình đẳng mới có thể đại triệt đại ngộ.

Định lực của A La Hán chưa thể đại triệt đại ngộ, vì sao? Vì tâm họ chưa bình đẳng, họ có tâm thanh tịnh nhưng chưa có bình đẳng. Tâm bình đẳng mới có thể đại triệt đại ngộ, giác chính là đại triệt đại ngộ. Cái lý này chúng ta phải hiểu. Cho nên các vị này vốn là Pháp thân đại sĩ “***ẩn bổn thùy tích***”, chính là hóa thân. Dùng ứng hóa thân đến thế gian này, lấy thân phận là một vị tỳ kheo là thân phận của người thế gian, thân phận Tiểu thừa; các ngài thị hiện thành những người như vậy, “***hoặc là thánh chúng phương khác***”. Những người có duyên với Thích Ca Mâu Ni Phật, nhìn thấy Phật Thích Ca. Ở nơi này thành Phật giáo hóa chúng sanh, các ngài bèn phụ một tay, đến giúp đỡ “***giúp Phật hoằng hóa***”, làm ảnh hưởng chúng.

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật**.

# **TẬP 68**

*Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.*

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại kinh Khoa chú**” trang 285, xem từ dòng thứ ba. Xem Chú giải của Niệm lão: “**Xét ra, câu ‘hết thảy Đại thánh thần thông đã đạt’ vốn là câu khen ngợi đức hạnh của Bồ Tát, như kinh Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ chép**”.

Kinh Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ là Hội thứ ba trong kinh đại bảo tích, trong bản tài liệu tham khảo của chúng ta cũng có, nằm trong quyển thứ 11 của đại chánh tạng. Nội dung của kinh này nói rõ về thân mật, ngữ mật, ý mật của Bồ Tát với Như Lai. Sau cùng có lời thỉnh cầu của Kim Cang bí mật chủ. Kể từ khi đức Phật nhập diệt trong khoảng 500 năm, mọi người đều hộ trì kinh này. Hiện nay, Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, đến nay đã được hơn 2500 năm. Do đó có thể biết, sau khi Phật nhập diệt trong khoảng thời gian Chánh pháp một ngàn năm, kinh này được lưu thông rất rộng, rất nhiều người y theo kinh này mà tu hành.

Trong kinh này có nói: “**Cùng chúng: bốn vạn hai ngàn đại tỳ kheo, tám vạn bốn ngàn Bồ Tát**”, số Bồ Tát được tăng lên gấp đôi, “**hết thảy Đại thánh thần thông đã đạt**”, có hai câu này. Có thể thấy đây là lời ca ngợi Bồ Tát Ma Ha tát. “**Trong kinh này, dùng lời khen ngợi công đức của Bồ Tát để ca tụng Thanh Văn là ngụ ý các vị thánh chúng thường theo hầu Phật vốn là Pháp thân đại sĩ, ẩn bổn thùy tích**”.

*Bổn* là bổn địa, cũng tức là thân phận của các ngài. Trong hội này như phần trước có nói Tôn giả Kiều Trần Như, Tôn giả Mục Kiền Liên; trước đó thì có Tôn giả tu Bồ đề, Tôn giả A Nan, Tôn giả Ca Diếp. Những vị này đều là đệ tử. Thanh Văn theo bên cạnh Thế Tôn, ngoại trừ A Nan, những vị kia đều lấy thân phận của A La Hán. Thân phận A La Hán không phải là thân phận thật của các ngài, thân phận chân thật của các ngài trong kinh Phật có nói với chúng ta. Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất đã thành Phật từ kiếp lâu xa rồi, còn mấy vị khác như Tôn giả A Nan, thân phận hiện tại của Ngài cũng tựa như lên đài biểu diễn vậy, Ngài ở trên sân khấu lấy phân phận là Tu Đà Hoàn, những vị khác là A La Hán. Nhưng sau cánh gà thì không phải vậy, Ngài là một diễn viên gạo cội, đều là Pháp thân Bồ Tát hoặc là chư Phật Như Lai thị hiện, ẩn bổn thùy tích. Còn gốc của các ngài là Pháp thân Bồ Tát. Vốn là chư Phật Như Lai, nhưng các ngài đều giấu hết bổn tích của mình. *Thùy tích* là hiện, hiện thời các ngài biểu diễn dưới thân phận là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, trong đó hàm chứa ý nghĩa rất sâu xa. Phải biết rằng, Phật Pháp rất vi diệu thâm thúy nhưng chẳng ai biết, nên các ngài ở trước mặt Phật đưa ra câu hỏi xin Phật chỉ dạy. Nếu không phải là Pháp thân Bồ Tát hay cổ Phật tái lai mà chỉ là A La Hán, hay Bích Chi Phật hoặc là quyền giáo Bồ Tát, sẽ không thể nào hỏi được như thế. Do trình độ không đủ, thế thì làm sao? Trong kinh Đại thừa Phật có hé lộ tin tức cho chúng ta, bảo là “**một Phật xuất thế, ngàn Phật theo hộ**”, một vị Phật xuất hiện tại thế gian, lấy thân phận Phật để giáo hóa chúng sanh.

Chúng đệ tử bên cạnh Ngài là ai? Toàn là cổ Phật. Ngàn Phật đến cùng, đến để làm gì? Tựa như diễn kịch vậy, đức Phật là vai chính, các ngài đóng vai phụ. Đức Phật xuất hiện với thân phận là thầy, những vị khác đều xuất hiện với thân phận học trò, nhưng các ngài không phải là học trò thật, chỉ là đến biểu diễn, để hộ pháp thôi. Giữa Phật với Phật không có đố kỵ, không có chướng ngại, quyết định không có suy nghĩ về tranh danh đoạt lợi; các ngài đang làm tấm gương cho chúng ta.

Thế gian hiện giờ, Phật Pháp suy rồi, vì sao lại suy như vậy? Vì sau khi Phật diệt độ, chúng đệ tử vào những buổi đầu còn khá, đệ tử vào thời đức Phật còn tại thế đều là Thánh hiền giáng thế, ứng hóa thân thùy tích nên Phật Pháp hưng thịnh. Khi đức Phật mất rồi, những đại đệ tử thường tùy bên cạnh Phật dần dần từng người đều nhập niết bàn. Đến thời kỳ truyền pháp sau này, thời kỳ Tượng pháp rồi đặc biệt đến thời kỳ Mạt pháp hiện nay, các bậc Thánh hiền còn đến thế gian này không? Có, Thánh hiền xuất hiện dưới hình tướng gì? Các ngài hiện tướng tỳ kheo. Có thể nhìn ra được không? Người trong nghề có thể nhìn ra được, còn người ngoài sẽ nhìn không ra. Người trong nghề, họ hiểu rõ về Phật Pháp, một con người có tu tập sẽ nhìn ra được; người không hiểu Phật Pháp, không có tu tập sẽ nhìn không ra. Bạn không biết được họ.

Gần đây, tôi có giới thiệu với mọi người về Hải Hiền lão Hòa thượng ở chùa Lai Phật. Rất nhiều người đều đã xem qua chiếc đĩa này, vị lão nhân này cũng là ẩn bổn thùy tích, không phải người phàm. Ngài đến thế gian này thị hiện cho chúng ta. Ở cái thời này, thời đại này là thời kỳ loạn thế chứ không phải một thế giới bình yên, thế sự nhiễu nhương; tất cả mọi trật tự đều loạn hết cả lên. Nếu chúng ta tu theo Tịnh độ, thì nên làm thế nào mới có thể thành tựu? Ngài đã làm ra tấm gương tốt nhất cho chúng ta rồi! Chúng ta phải biết điều đó, cần tu học Tịnh tông như thế nào? Bạn cứ nhìn Ngài, Ngài chỉ có một câu Phật hiệu.

Chúng ta những năm qua, lão sư dạy tôi “một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”. Thuở tôi còn trẻ, ở Đài Loan học Phật cùng với lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam. Khi chính thức bái sư, thầy dạy tôi “một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”, thầy dạy tôi học kinh giáo. Thời đó, ít người giảng kinh lắm. Người có năng lực này nên bước ra hoằng pháp lợi sanh, giảng giải kinh điển rõ ràng, tường tận. Tôi là do lão nhân gia khích lệ, lúc đó, tôi không dám học vì tôi nghĩ rằng kinh điển quá sâu; chúng tôi là hạng phàm phu, làm gì có tư cách bước ra giảng kinh chứ? Tôi chỉ là đến nghe kinh, đến nghe thầy giảng chứ làm sao dám lên đài giảng kinh. Vừa hay lúc đó, thầy có mở một lớp học kinh, thầy mở một lớp như thế. Trước cái lớp này, thầy có mở một lớp học cách thuyết trình, cũng có mở lớp học diễn thuyết, giảng về Phật Pháp. Những lớp đó thông thường đều là giảng khai thị. Lớp này bồi dưỡng một nhóm, đại khái học khoảng hai, ba năm; có rất nhiều nữ đồng học; sau cùng, họ kết hôn rồi; kết hôn rồi thì không còn đến lớp nữa. Từ đó lão sư rút ra một bài học, thầy chọn lựa học trò cho lớp giảng kinh rất nghiêm khắc: “*Muốn tham gia vào cái lớp này, nữ đồng học phải phát tâm không kết hôn, một đời học kinh giáo mới được*”. Vì thế, rất ít người đến tham gia. Đến tham gia lớp này là những người nào? Hầu như đều là phụ nữ trung niên, họ đã có gia đình, có sự nghiệp; con cái đều đã trưởng thành cả rồi, đều có công ăn việc làm, họ đã về hưu. Sau khi nghỉ hưu, học giảng kinh cũng được, họ sẽ không thay đổi. Cho nên, trong lớp chúng tôi, người lớn tuổi nhất là lão cư sĩ Lâm Khán Trị, 60 tuổi. Thuở đó, tôi theo lão sư Lý năm tôi 31 tuổi, bà Lâm Khán Trị hơn tôi đại khái cũng gần 30 tuổi. Bà tốt nghiệp tiểu học, cũng theo lão sư Lý học giảng kinh. Chúng tôi vừa nhìn thấy bà liền có lòng tin, tuổi tác của tôi chỉ mới hơn 30 một chút; bà chỉ mới tốt nghiệp tiểu học, còn tôi tốt nghiệp sơ trung, cao trung học được nửa năm; so với bà tôi có phần nhỉnh hơn nhiều; bà còn lên đài giảng kinh được. Vì sao tôi không thể lên đài chứ? Điều này đã cho tôi một sự khích lệ rất lớn, tôi bèn tham gia vào cái lớp đó, chuyên học giảng kinh. Thuở đó, tiến độ học của tôi rất nhanh, hầu như toàn là học những bộ kinh nhỏ, kinh Tiểu thừa; cứ khoảng một tháng là học xong một bộ.

Tôi theo lão sư Lý một năm ba tháng, cũng tức là 15 tháng. Tôi học được 13 bộ kinh, 13 bộ này tôi đều giảng được, giảng cũng không tệ. Đến khi duyên xuất gia chín muồi, tôi phải rời khỏi Đài Trung đi xuất gia. Sau khi xuất gia, tôi ở tự viện được khoảng một năm, tôi dạy cho viện Phật học. Dạy được một năm ở viện Phật học, cảm thấy vẫn chưa hài lòng với chính mình, học toàn những bộ kinh nhỏ, không có bộ nào lớn cả. Nhiêu đây chưa đủ để cắm gốc nên tôi bèn thỉnh giáo với lão sư Lý, tôi nói: “*Con muốn quay về học một bộ kinh lớn*”. Lão sư nói: “*Đúng rồi, làm thế chính xác*”. Bản thân tôi chọn kinh Pháp Hoa, đúng lúc đó thầy có mở lớp giảng kinh Lăng Nghiêm. Thầy liền nói với tôi, thầy bảo: “*Anh học kinh Lăng Nghiêm là được rồi*”, Lăng Nghiêm với Pháp Hoa đều thuộc bộ kinh lớn, phân lượng cũng ngang ngửa nhau. Hơn nữa, chúng đều thuộc về pháp nhất thừa. Cổ nhân Trung Quốc có nói: “***Lăng Nghiêm khai trí huệ Pháp Hoa thành Phật***” nên thầy dạy tôi Lăng Nghiêm.

Kinh Lăng Nghiêm, thầy đã giảng hết ba năm. Thầy giảng kinh vào thứ tư mỗi tuần, đến thứ năm thì tôi giảng lại, đem những gì thầy đã giảng, giảng qua lại một lần. Bởi vậy, thầy giảng trọn một bộ thì tôi cũng giảng hết một bộ, học được rất thiết thực. Cho nên nếu bạn hỏi về việc học kinh giáo của tôi, cái gốc học kinh giáo của tôi chính là bộ “đại Phật đảnh Thủ Lăng Nghiêm kinh”. Về sau, tôi cùng với 8 đồng học cùng đến thỉnh pháp với lão sư Lý, mong thầy có thể giảng “đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm kinh”. Lão nhân gia đồng ý rồi, cũng là một tuần giảng một lần, tôi nghe được hết quyển một. Hoa Nghiêm có đến 80 quyển, gọi là “Hoa Nghiêm 80”. Tôi nghe hết quyển một, những quyển sau đại khái tôi đều không gặp trở ngại nào, tôi có thể giảng hết bộ kinh. Lão sư giảng ở Đài Trung, còn tôi giảng ở Đài Bắc. Một tuần thầy giảng một lần, còn tôi một tuần giảng ba lần; cho nên chưa đầy một năm, tiến độ của tôi đã vượt qua lão sư Lý. Cái gốc nhất định phải là “một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”; một kinh thông, quả thật tất cả kinh đều có thể thông. Tôi học kinh Lăng Nghiêm rất vững, về sau khi xem kinh Đại thừa, bản thân thấy cũng không vấn đề gì; nhất là lão sư Lý giảng Hoa Nghiêm, tôi nghe hết quyển một là được rồi. Về sau, nếu có gì thắc mắc thì tôi đến thỉnh giáo với thầy, còn không thì cứ giảng tiếp. Cho nên, nếu học trò và lão sư đều không phải là Thánh hiền thùy tích, thế thì phải giảng làm sao? Giảng kinh là chuyện lớn, không phải chuyện nhỏ.

Thời xưa người chưa “đại triệt đại ngộ” không được bước ra giảng kinh. “Đại triệt đại ngộ”, nói nào phải chuyện dễ, cho nên lão sư dạy tôi: “*Chúng ta sẽ giảng chú giải, chú giải là do người xưa làm ra, là những người đại triệt đại ngộ viết ra, chúng ta cứ chiếu theo chú giải mà giảng, miễn giảng chú giải không sai là được. Nếu chú giải sai thì người chú giải chịu trách nhiệm, không phải trách nhiệm của ta; ta không có lỗi, là lỗi của các ngài; ta chỉ cần giảng chú giải cho rõ ràng, minh bạch, miễn không giảng sai là được rồi*”. Vì thế, chúng tôi bèn giảng chú giải của người xưa. Nhờ đó tâm của chúng tôi mới định lại, bản thân mình quả thật không có đủ khả năng chú kinh, tôi không có làm qua công tác chú kinh bao giờ; nhưng cũng cho ra không ít tác phẩm, đều là những bộ do tôi giảng, được các đồng học ghi lại, rồi họ cho xuất bản. Số ít trong đó, tôi có xem qua từ đầu đến cuối ,còn phần lớn thì tôi chưa xem. Nhưng người muốn học tập kinh giáo thì có cần thiết xem không? Cần, đặc biệt đối với thời đại này. Cách học tập, nhất định phải là “một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”, phải nắm được ý nghĩa trong bộ kinh đó. Hay có chỗ ngộ rồi, mới được phép học bộ thứ hai. Đến lúc đó học, tiến độ sẽ rất nhanh, không còn trở ngại nữa.

Giáo học của nhà Phật hoàn toàn khác với pháp thế gian. Trường học hiện thời, môn học rất nhiều, được dạy cùng một lúc, một ngày phải học đến mấy bài, khoa mục đều khác nhau, khác cả giáo viên, khác cả sách giáo khoa. Trong Phật Pháp thì không cho phép như thế, Trung Quốc thời xưa cũng không được phép. Giáo học của Phật môn, tổng cương lĩnh chính là “Giới-Định-Huệ”, Tam học; nhân giới được định, nhân định khai huệ. Mục tiêu của nó, tức là mục tiêu trong việc tu học Phật Pháp chính là khai trí huệ, chứ không phải chỉ là tri thức. Còn học thuật của cái cõi này hoàn toàn là cầu tri thức, tri thức đáng ra là học rộng nghe nhiều. Trí huệ thì phải một môn thâm nhập, vì sao vậy? Vì trí huệ là từ tâm thanh tịnh mà hiển bày ra, tâm thanh tịnh chính là định. Cho nên, trì giới bạn mới có thể đắc định, đắc định rồi mới có thể khai trí huệ. Phật giáo truyền vào Trung Quốc, mang theo cái phương pháp này. Nho với Đạo của Trung Quốc đều tiếp nhận rồi. Vì vậy, giáo học của Nho-Thích-Đạo đều chú trọng ngay nơi khai ngộ, đạo lý này chúng ta phải hiểu.

Ở vào thời đại hiện nay, nói đến chuyện khai ngộ quả thật quá khó, tôi chỉ nhìn thấy được một người trong đời mình. Thế lão sư của tôi có khai ngộ không? Vẫn chưa, nhưng thầy có định công. Vì sao vẫn chưa khai ngộ? Vì công việc hằng ngày quá bận rộn, làm quá nhiều sự nghiệp. Liên xã Đài Trung là do thầy sáng lập, thư viện từ quang cũng là do thầy mở, bệnh viện Bồ đề cũng là thầy gầy dựng nên. Còn có một viện dưỡng lão, ngoài ra còn có hai nhà trẻ. Đây chính là sự nghiệp của thầy, ngoài ra bản thân thầy còn là bí thư chủ nhiệm của phụng từ quan phủ. Ngoài ra, thầy còn giảng dạy ở Đại học Trung Hưng Đài Trung, đồng thời đảm trách giáo thọ của hai trường đại học. Cho nên, công việc của thầy rất là bận rộn, vì thế nó chướng ngại việc tu định của thầy. Hành nghi cả đời của lão sư, thầy là một người lắm tài nhiều nghệ. Nền tảng về Phật học và quốc học của thầy rất sâu, tâm địa lại từ bi. Đồng học chúng tôi, hơn một nửa đều học một món nghề của thầy. Tôi học là kinh Phật, cư sĩ từ tỉnh dân ở Đài Trung thì học cổ văn. Môn này, thầy truyền lại được rồi, đại biểu là kinh dịch, thật không dễ chút nào. Còn thầy giang dật tử thì theo lão sư Lý học thơ Đường. Mỗi một người chúng tôi học một thứ của thầy, thầy vẫn còn rất nhiều thứ chưa truyền lại được “toàn tập” của thầy.

Các vị cứ xem thì sẽ hiểu, thầy đúng là một vị chân đại thiện tri thức nhưng vẫn chưa đại triệt đại ngộ. Người đại triệt đại ngộ mà tôi thấy là ai vậy? Là Hải Hiền lão Hòa thượng. Bạn hãy tỉ mỉ xem chiếc đĩa của Ngài, đây là một người “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Ngài nói với mọi người, Ngài “*cái gì cũng biết*”, câu này đâu thể nói tùy tiện. “*Cái gì cũng biết*” chính là đại triệt đại ngộ, nhưng Ngài chỉ là cái gì cũng không nói; lỡ nói ra rồi, danh văn lợi dưỡng sẽ ùa đến. Cả đời Ngài không nói, nên chẳng ai biết Ngài, đây là một người ẩn bổn thùy tích, không phải người bình thường; cái mà Ngài biểu diễn chính là một câu Phật hiệu. Ngài không biết chữ, giống y như Lục tổ Lục tổ vậy.

Ngài Lục tổ từ trong định mà khai ngộ, ấn chứng sau cùng chính là khi Ngũ tổ giảng kinh Kim Cang cho Ngài. Giảng đến chỗ “**Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm**”, Ngài liền đại triệt đại ngộ, bèn nói ra năm câu. Năm câu này chứng tỏ Ngài đã khai ngộ, ngộ là như thế nào? Ngộ là minh tâm kiến tánh, tâm tánh là như thế nào? Năm câu này, đem tâm tánh nói ra một cách rõ ràng, minh bạch cả rồi. Ngũ tổ vừa nghe “*được rồi, không cần nói những thứ khác nữa, anh hiểu hết cả rồi*”, liền đem y bát truyền cho Ngài, thế là Ngài trở thành tổ đời thứ sáu. Lúc đó là thời kỳ phồn vinh của nhà Đường mà vẫn có đố kỵ, chướng ngại. Lão Hòa thượng đem y bát giao cho Ngài, thói lệ người đời sẽ không phục. Mọi người đều coi thường Lục tổ, vậy mà lão Hòa thượng còn đưa y bát cho Ngài. Nên nửa đêm nửa hôm, kêu Ngài phải mau chóng rời đi để tránh người khác hãm hại Ngài. Thuyền đã chuẩn bị sẵn hết rồi, Ngài rời khỏi được ba ngày. Ba ngày sau, lão Hòa thượng mới báo tin này với mọi người. Ba ngày chắc đi được cũng khá xa rồi, Ngũ tổ mới tuyên bố với mọi người: “*Y bát đã đi rồi*”, mọi người mới biết chuyện. Huống hồ chúng ta học Phật, hoằng pháp trong tình thế hiện giờ, thật rất vất vả, gặp phải tai nạn rất nhiều. Ngẫm lại cổ nhân, nghĩ lại bản thân Phật Thích Ca Mâu Ni thì biết. Tôi xuất gia là do đại sư Chương Gia khuyên tôi. Hơn nữa, Ngài còn khuyên tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, tôi tiếp nhận lời giáo huấn của lão nhân gia Ngài. Tôi theo Ngài ba năm, nền tảng Phật Pháp của tôi là do Ngài đặt định cho. Giảng kinh là học được ở Đài Trung do lão sư Lý khuyên tôi.

Ba vị thầy này của tôi, tiên sinh Phương Đông Mỹ là người khai đường dẫn lối, thầy dạy tôi nhận biết Phật giáo. Trước đó, tôi vẫn cho rằng Phật giáo là tôn giáo, là mê tín. Cho nên, căn bản tôi không bao giờ đụng tới nó. Lúc còn trẻ ưa thích triết học, tôi học triết học với tiên sinh Phương Đông Mỹ. Tôi hết sức cảm tạ thầy, thầy giảng cho tôi một bộ triết học khái luận, bắt đầu từ triết học Tây dương. Rồi giảng đến triết học Trung Quốc, sau cùng là nói đến triết học Ấn Độ. Trong triết học Ấn Độ có nói đến triết học kinh Phật, tôi lấy làm kinh ngạc, tôi bảo: “*Phật giáo là tôn giáo, là đa thần giáo*”, đa thần giáo là thuộc về tôn giáo cấp thấp, tôn giáo cấp cao chỉ có một vị thần, một vị chân thần; còn Phật giáo cái gì cũng lạy, đến chùa là thấy, đó gọi là đa thần giáo, đa thần giáo trong tôn giáo là tôn giáo cấp thấp. Lão sư phương bèn nói với tôi: “*Phật giáo không phải tôn giáo*”, trước giờ tôi chưa từng nghe nói như vậy bao giờ. Phật giáo là vô thần luận, vậy còn Phật, Bồ Tát thì sao? Phật, Bồ Tát không phải, Phật, Bồ Tát là người, không phải thần. Nếu phiên dịch từ Phạn ngữ mà nói, người Ấn Độ gọi là Phật Đà, cũng giống như người Trung Quốc gọi là Thánh hiền vậy. Bồ Tát là thánh nhân, A La Hán là quân tử, nhà Nho hay gọi là Thánh hiền quân tử. Giống như học vị hiện giờ vậy, đó là danh xưng của học vị.

Trong nhà Phật không có thần sáng tạo vũ trụ, vũ trụ do đâu mà có? Phật bảo, là do ý niệm của bạn sanh ra, “**tất cả pháp từ tâm tưởng sanh**”, tướng do tâm sanh, sắc do tâm sanh. Sắc với tướng đều là hiện tượng vật chất, do đâu xuất hiện hiện tượng vật chất? Là từ ý niệm, ý niệm từ đâu mà có? Ý niệm là từ tự tánh sanh ra. Vì thế, Lục tổ đại sư lúc nghe kinh Kim Cang, đại khái nghe được khoảng 1/4, vẫn chưa nghe hết, Ngài hốt nhiên đại ngộ, bèn nêu ra báo cáo của mình: “**Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh**”. Câu này nói rõ tự tánh chính là chân tâm, chân tâm không bị ô nhiễm; ô nhiễm là vọng tâm, không phải chân tâm. Câu thứ nhất nói với chúng ta về thanh tịnh. Do đó, chúng ta phải nên dùng chân tâm, đừng dùng vọng tâm. Dùng chân tâm, bạn sẽ trải qua cuộc sống của Phật, Bồ Tát, rất an lạc, đó chính là Thế Giới Cực Lạc.

Tâm bình đẳng là Bồ Tát; tâm thanh tịnh là A La Hán; giác là Phật, tức là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó chính là giác. Kiến tánh thành Phật, người kiến tánh ở trong Phật giáo có thể xưng là Phật Đà. Lục tổ đại sư kiến tánh rồi, Ngài bảo với chúng ta tự tánh là thanh tịnh. Câu thứ hai nói rằng: “**Nào ngờ tự tánh**”, tức là không hay biết tự tánh, “**vốn không sanh diệt**”. Chân tâm không sanh không diệt; còn vọng tâm, vọng tâm có sanh diệt, vọng tâm chính là ý niệm. Bạn xem, niệm trước diệt, niệm sau sanh. Chúng ta khởi tâm động niệm, đó là vọng tâm; vọng tâm có sanh diệt, chân tâm không có sanh diệt, vốn dĩ chẳng sanh chẳng diệt.

Câu thứ ba nói rằng: “**Nào ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ**”, tự tánh đầy đủ hết mọi pháp. Tất cả pháp được chia thành ba loại lớn: thứ nhất là trí huệ, thứ hai là đức năng, thứ ba là tướng hảo. Phật trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “**Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ đức tướng Như Lai**”. Câu này nói lên rằng: “***Vốn dĩ tự đầy đủ***”, đầy đủ cái gì? Đầy đủ trí huệ giống như Như Lai vậy, đức năng với tướng hảo đều giống. Vì thế, Phật Pháp là hướng về tự tánh mà cầu, không phải cầu từ bên ngoài. Bên ngoài là giả, không có thứ nào hết. Ngoài tâm cầu pháp, đó là ngoại đạo. Phật Pháp hoàn toàn cầu từ tự tánh, cái lý này rất sâu.

Câu thứ tư nói rằng: “**Nào ngờ tự tánh, vốn không dao động**”, câu này nói lên cái gì? Nói lên chân tâm không hề dao động; vọng tâm là động, chân tâm không động.

Câu cuối cùng là: “**Nào ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp**” bạn xem, vạn pháp là từ tự tánh sanh ra, không hề có thần sáng tạo, không có vị thần nào cả. Trong nhà Phật không có thần, Phật Đà ở trong Phật giáo là học vị đầu tiên, tối cao nhất; Bồ Tát là học vị thứ hai, A La Hán là học vị thứ ba. Giống như đại học hiện nay vậy, có tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân; đó là danh xưng học vị. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm, Phật dạy chúng ta: “**Hết thảy chúng sanh vốn dĩ là Phật**”. Học Phật mà tốt nghiệp được rồi thì liền thành Phật, Bồ Tát là học trò của lớp tiến sĩ, vẫn chưa lấy được bằng; lấy được bằng rồi thì gọi là Phật Đà. Mỗi người đều có thể thành A La Hán, đều có thể thành Bồ Tát, thành Phật, chỉ cần bạn chăm chỉ nghiêm túc học.

Nếu tôi học Phật, muốn thành A La Hán, thành Bồ Tát, thành Phật, vậy có bắt buộc phải học kinh giáo không? Không nhất định. Thích Ca Mâu Ni Phật đâu có học qua kinh giáo, Ngài là nhờ tu định mà khai ngộ. Lục tổ đại sư cũng không có học qua kinh giáo, cũng là từ tu định, nghe kinh Kim Cang mà khai ngộ. Pháp sư Hải Hiền cũng đâu có học kinh giáo, Ngài cũng không biết chữ, chưa từng đọc kinh bao giờ. Ngài chỉ nhờ một câu A Di Đà Phật. “Một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”, nhờ phương pháp này mà Ngài đạt được. Cách làm này chính là Giới luật, bạn chân thật trì cái giới này. “Một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”, trong tâm chỉ có mỗi việc này. Ngoại trừ nó ra, thảy đều chẳng còn gì khác; không có vọng tưởng, không có tạp niệm; chỉ có một câu A Di Đà Phật, niệm đến “sự nhất tâm bất loạn” liền chứng A La Hán; niệm đến “lý nhất tâm bất loạn” liền thành Phật. Vì vậy, ngài Hải Hiền niệm A Di Đà Phật đạt đến nhất tâm bất loạn, chính là nhờ “một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”, đây chính là lý niệm dạy học của đức Phật.

Còn phương pháp thì sao? Chính là “đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu”, tự hiểu chính là khai ngộ, tự mình hiểu lấy. Bạn chỉ cần dùng cách này, cách làm này cũng là Giới luật. Ngài chỉ có một câu A Di Đà Phật mà khai ngộ rồi; cách tôi chỉ mọi người là đọc một bộ kinh, niệm bộ kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ này. Tức là, bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, niệm bao nhiêu biến vậy? Một ngày, cứ tính theo giờ, không tính số lần, cứ niệm mười tiếng đồng hồ. Lúc mới niệm, vẫn chưa quen, đại khái niệm một biến mất khoảng hai tiếng. Khi niệm quen rồi, hoàn toàn có thể đọc thuộc lòng. Niệm một biến mất khoảng nửa tiếng, mười tiếng niệm được hai mươi biến, thời gian còn lại thì niệm “A Di Đà Phật”. Bạn chỉ cần làm như vậy năm năm đến mười năm, bạn sẽ có chỗ ngộ, có thể khai ngộ.

Vì vậy, Hải Hiền lão Hòa thượng, Ngài khai ngộ vào lúc nào? Ngài không có nói, nhưng tôi xem từ chiếc đĩa của Ngài, tôi đoán, có lẽ vào khoảng trước sau Ngài 40 tuổi, là Ngài đã “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”; trước sau 30 tuổi thì được sự nhất tâm bất loạn, tức là chứng đắc cảnh giới của A La Hán; lúc 40 tuổi thì Ngài thành Phật hoặc Pháp thân Bồ Tát. Ngài 20 tuổi bắt đầu niệm Phật, 20 tuổi xuất gia, sư phụ chỉ dạy Ngài một câu Phật hiệu này, bảo Ngài cứ thế mà niệm tiếp tục. Ngài thật thà đi niệm, không hề nghĩ tưởng đến pháp môn khác, cũng không hề chịu bất kỳ ảnh hưởng nào. Niệm câu Phật hiệu này suốt 92 năm, tự tại vãng sanh, không cần người trợ niệm. Vào cái ngày vãng sanh hôm đó, còn làm việc hết một ngày, làm từ sáng đến xế chiều. Ở trong vườn rau: Nhổ cỏ, tưới nước, cuốc đất, làm cả ngày trời, đến tối thì ra đi. Biểu pháp cuối cùng của Ngài chính là biểu “chỉ có Tăng khen Tăng”, mang ý nghĩa rất sâu rất rộng, chúng ta phải thể hội cho được. Biểu pháp quan trọng nhất, nói với chúng ta. Giáo dục Phật Đà là thật, không hề giả. Đó là gì vậy? Là “một môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”, Ngài làm được rồi. “Đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu”, Ngài cũng làm được rồi. Ngài không đọc sách, Ngài chỉ niệm câu Phật hiệu này. Một câu Phật hiệu từ sáng đến tối, không niệm ra miệng nhưng niệm trong tâm, trước giờ chưa hề để mất bao giờ. Lúc đi ngủ không niệm, tỉnh dậy rồi thì Phật hiệu liền đề khởi lên ngay, không phân ngày đêm. Ngài không có vọng tưởng, không có tạp niệm.

Cuộc sống của Ngài là niệm Phật, công việc của Ngài cũng là niệm Phật. Xử việc, đối người, tiếp vật, không có thứ nào không phải niệm Phật. Chứng tỏ rằng, cái pháp này là thật. Ngài vì chúng ta tác chứng: **Tây Phương Thế Giới Cực Lạc có thật, A Di Đà Phật có thật**. Trong này Ngài có nói một câu, bạn phải biết cách nghe, có người hỏi Ngài: “*Sư thấy A Di Đà Phật, vậy A Di Đà Phật nói gì với sư vậy?*” Ngài bảo: “*Tôi đã mấy lần thỉnh cầu A Di Đà Phật mang tôi đến Thế Giới Cực Lạc, nhưng A Di Đà Phật không chịu đưa tôi đi. Ngài bảo tôi tu rất khá, tu khá tốt; hãy ở lại thế gian này làm ra tấm gương tốt, kêu tôi biểu pháp để mọi người nhìn thấy*”, đã mấy lần rồi chứ không phải một lần.

Chúng ta trong Tịnh độ Thánh hiền lục, có thấy đại sư Huệ Viễn, Ngài là Sơ tổ của Tịnh độ tông. Lão nhân gia Ngài lúc còn sống bốn lần nhìn thấy A Di Đà Phật với Thế Giới Cực Lạc, lần cuối cùng là lần vãng sanh. Ba lần trước đó, Ngài không hề nói với bất kỳ ai; sau cùng lúc vãng sanh, Ngài nói với mọi người: “*A Di Đà Phật của Thế Giới Cực Lạc đến rồi, tôi sắp vãng sanh rồi; cảnh này tôi đã từng thấy qua ba lần*”, lúc đó Ngài mới nói ra. Người khác hỏi Ngài: “*Thế Giới Cực Lạc trông ra làm sao?*” Ngài nói: “*Giống y như những gì được nói trong kinh Vô Lượng Thọ vậy*”, chứng tỏ Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu Thế Giới Cực Lạc cho chúng ta không hề sai.

Ngài Hải Hiền niệm Phật 92 năm. Tôi ước tính, lão nhân gia Ngài thấy A Di Đà Phật, thấy Thế Giới Cực Lạc tuyệt đối không bao giờ ít hơn mười lần. Ngài làm ra cái minh chứng này cho chúng ta, chúng ta phải tin, tuyệt đối không được hoài nghi. Chúng ta mong cầu điều gì? Chính là Thế Giới Cực Lạc, cái cõi này là giả. Điểm này quan trọng hơn bất cứ thứ gì, làm sao để đi được? Một câu Phật hiệu là được. Kinh điển cũng cần phải học, vì sao? Vì chúng ta nhận thức về Thế Giới Cực Lạc vẫn chưa đủ, còn hoài nghi; kinh điển có thể giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Thêm vào đó, chúng ta lại được thấy sự biểu diễn của lão Hòa thượng, chúng ta liền chết lòng trọn ý đối với pháp môn này. Biểu pháp sau cùng của Ngài nói lên điều gì? Ý là bổn hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư là chân kinh, không có chút sai lầm nào; bản chủ giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng là thật, không hề sai, có thể tin được.

Chúng ta suốt mười mấy năm qua y theo cái bổn này, y theo bản Chú giải này tu hành, tuyệt không lầm đường; bảo chúng ta cứ yên tâm, cứ quyết lòng trọn ý mà học tiếp. Chính là biểu cái pháp này. Trên thực tế, ý nghĩa biểu pháp của Ngài thâm sâu khôn lường, đó chính là “Nếu muốn Phật Pháp hưng, chỉ có Tăng khen Tăng”. Ngài nói với chúng ta một điều: làm sao có thể khiến Phật Pháp hưng vượng? Tán thán lẫn nhau liền hưng vượng; phỉ báng lẫn nhau liền đưa đến diệt vong.

“***Gia hòa vạn sự hưng***”, không được phép phỉ báng lẫn nhau; phỉ báng nhau đồng nghĩa đang diệt Phật Pháp; ca ngợi nhau sẽ khiến Phật Pháp hưng khởi. Dù cho người khác có lỗi, lỗi cũng không được đi bêu rếu khắp nơi, đó coi như trở thành phỉ báng rồi. Muốn khuyên người sửa sai, hành thiện thì khuyên vào lúc nào? Là lúc không có người thứ ba bên cạnh, lúc này thì được. Vì sao? Vì người ta cần có thể diện, bạn phải để ý đến chuyện này. Khi nói lỗi người khác, không được phép có sự hiện diện của người thứ ba. Thầy dạy trò cũng là như vậy. Học trò có lỗi, trước mặt các bạn học đều không được nói; nhất định phải gọi học trò đến phòng, khóa cửa lại, chỉ có mình người học trò đó, lúc đó mới dạy dỗ họ được. Lão sư đối với học trò còn như vậy, huống hồ là đối với người ngoài. Vì thế xã hội hài hòa, xã hội liền bình yên. Quốc gia, lãnh đạo với nhân dân mà khen ngợi lẫn nhau, đất nước này liền hưng vượng. Như thế mới có thể xuất hiện thời kỳ thái bình thịnh thế. Người khác hủy báng ta, đó là chuyện của họ, ta tuyệt đối không hủy báng họ, ta chỉ có tán thán họ thôi. Vì họ không hiểu được cái lý này, còn ta thì hiểu; họ không hiểu, họ làm ra cái chuyện như thế, lỗi lầm đó có thể tha được; ta minh bạch, sáng tỏ. Nếu tâm ta không phục, họ hủy báng ta, ta cũng hủy báng họ, thế thì ta với họ chẳng phải cũng cùng một giuộc rồi sao! Phải biết rằng, cái lỗi hủy báng Tam Bảo là địa ngục Vô Gián, cái đó gọi là “phá hòa hợp tăng”. Chúng ta tin tưởng nhân-quả, chúng ta quyết định không dám làm cái chuyện đó. Họ có ưu điểm gì thì chúng ta ca ngợi; còn khuyết điểm của họ, chúng ta không để trong tâm, càng không thể thốt ra miệng được. Đây là việc làm chính xác.

Tuổi tác của tôi lớn như vậy rồi nên buông xả vạn duyên, kinh gì cũng không giảng. Tất cả văn bản tôi cũng không xem, chỉ có một điều tâm nguyện là vãng sanh Thế Giới Cực Lạc. Pháp sư Hải Hiền vì tôi tác chứng, tôi rất biết ơn Ngài, tôi hướng Ngài học tập. Tôi cũng khuyên học nhân Tịnh tông đều nên học theo Ngài, học như thế nào? Mỗi ngày coi cái đĩa này ba lần, một ngày niệm một vạn câu Phật hiệu. Niệm một vạn câu Phật hiệu, xem đĩa ba lần, một năm không gián đoạn. Vì sao chỉ nói có một năm, mà không nói là năm nào cũng thế? Vì nếu trong vòng một năm bạn làm không gián đoạn, thì sau này năm nào bạn cũng không gián đoạn. Chuyện đó là việc của riêng bạn, tôi chỉ dạy bạn khúc đầu. Vì sao? Vì bạn mà xem thật sự, bạn có muốn ngừng cũng không được. Như cư sĩ Lưu Tố Vân, lần trước cô có làm một bài báo cáo cho tôi, cô ấy đã xem được hơn 160 lần rồi. Một ngày xem ít nhất là ba lần, có thời gian thì coi năm lần, hoặc mười lần, xem mãi không chán. Vì sao? Vì pháp hỷ sung mãn, cô nếm được pháp vị rồi, nếm được hương vị của nó rồi. Đây chính là thọ dụng, mục tiêu cuối cùng của thọ dụng này chính là Thế Giới Cực Lạc. Làm đệ tử bậc nhất của A Di Đà Phật, thù thắng không gì bằng.

Cho nên, những người này thần thông đã đạt, Ngài thật là bậc Đại thánh, Ngài không phải Tiểu thánh, là “quyền tích, dùng du hý thần thông đến cõi này”, đến thế giới của chúng ta phò tá cho Thích Ca Mâu Ni Phật. Lần này ngài Hải Hiền đến đây cũng là giúp cho Thế Tôn, giúp cho A Di Đà Phật. Hay nói cách khác, giúp tất cả đồng học tu Tịnh độ chúng ta. Ngài đã làm ra một minh chứng, chân thật đến mức ngàn chân vạn thật.

Chúng ta xem tiếp đoạn kế tiếp, đây là tổng kết của Niệm lão. Đoạn này là lời tổng kết: “**Xét chung, năm vị thánh nói trên**”, phần trên nói đến năm vị Thượng thủ. Biểu pháp của bậc Thượng thủ “liễu bổn tế” là Tôn giả Kiền Trân Như (Kiều Trần Như là tên gọi), là tiếng Phạn, là theo âm dịch; ý của nó chính là biết rõ về bổn tế. Vậy bổn tế là gì? Tức là tự tánh mà Lục tổ Lục tổ đại sư đã nói. Liễu bổn tế chính là minh tâm kiến tánh, chính là mang cái ý này. “**Biết rõ bổn tế lâu xa, nên được nêu tên đầu tiên**”, do đó đưa Ngài xếp lên đầu tiên.

Trong tất cả kinh, khi các vị mở kinh ra, hơn một nửa đều là Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên; rất ít khi thấy nói đến Tôn giả Kiều Trần Như. Kinh này lại đưa Ngài xếp vào vị trí đầu tiên, điều đó có ý nghĩa gì? Chúng ta đã thấy rất rõ ràng, đức Như Lai thuyết kinh này cũng là bộ kinh đầu tiên trong hết thảy kinh. Y theo kinh này tu hành, chúng ta sẽ là đệ tử bậc nhất của Như Lai. Vì sao? Vì đời này bạn sẽ thành tựu. Bạn tu pháp môn khác, không nhất định có thể thành tựu ngay trong đời, pháp môn này nhất định một đời có thể thành tựu. Cho nên, bạn là đệ tử bậc nhất của Như Lai.

Hải Hiền lão Hòa thượng đã biểu pháp cho chúng ta, Ngài là đệ tử số một của A Di Đà Phật, của Thế Giới Cực Lạc. Chúng ta học tập theo Ngài, cũng là học trở thành đệ tử số một; chuyện này không thể không biết. “Thân tử” chính là Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất là “***trí huệ bậc nhất, biểu thị Phật trí của đức Di Đà***”. Phật trí của A Di Đà Phật “***trí chẳng nghĩ bàn, trí chẳng thể nói, trí Đại thừa rộng lớn; trí không gì bằng, không chi sánh nổi, tối thượng thắng trí sâu rộng không bờ bến***”. Năm loại trí huệ này, sau này trong kinh đều có phần kinh văn rất dài giới thiệu về phần này. Nói tóm lại, câu này nói lên “trí huệ cứu cánh viên mãn, không gì không biết, không gì không thể”. Đây là sự thật, không hề giả; đây không phải chỉ là lời ca thán đức Phật, không phải vậy. Vì sao? Vì năm loại trí này, mỗi người đều có, chỉ do phiền não hiện giờ của bạn đã che lấp mất rồi không thể hiện ra được. Nếu bạn có thể buông bỏ phiền não, trí huệ liền hiện tiền. Tất cả những gì được nói trong kinh Phật toàn là sự thật; chỉ cần bạn gạt bỏ được những chướng ngại đó, nó liền xuất hiện ngay. Về điểm này, nó không giống với mọi tôn giáo. Ở thế gian, tất cả tôn giáo chỉ có thần mới có loại trí huệ và khả năng đó, con người không có. Đức Phật thì không nói như vậy. Tất cả trí Lục tổ lực của Phật, mỗi người đều có; mà hết thảy chúng sanh, ai ai cũng có. Chỉ cần bạn chịu buông xả, buông xả kiến tư phiền não, bạn liền chứng quả A La Hán; buông bỏ trần sa phiền não, bạn liền chứng Bồ Tát; buông bỏ vô minh phiền não, bạn liền thành Phật. Phật nói đến ba loại chướng ngại này đã che mất tự tánh của bạn, ngăn trở bản năng của bạn, lấp mất tướng hảo của bạn.

Quan trọng ở chỗ buông xả, những thứ giả tạm đừng để nó trong tâm thì đúng rồi. Để trong tâm là quá đỗi sai lầm, trong tâm chỉ có thể để A Di Đà Phật. Nếu thêm vào kinh điển, thì chỉ có thể thêm một bộ kinh Vô Lượng Thọ vào thôi, những thứ khác đừng cho thêm vào. Thế thì Tây Phương Thế Giới Cực Lạc, chúng ta nhất định có phần, nhất định được sanh. Mục Kiền Liên đại biểu thần thông đệ nhất “***hiển thị thệ nguyện du hý thần thông***”. Vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc, bạn là đệ tử bậc nhất của A Di Đà Phật, bạn còn là trí huệ đệ nhất, thần thông đệ nhất. Mọi thứ đều là số một, không có số hai. Thế Giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, mỗi người đến nơi đó đi thi đều đứng đầu, không bao giờ bị đứng thứ hai. Không như cõi này của chúng ta có thứ hai, thứ ba, thứ tư; Thế Giới Cực Lạc không có, toàn là số một. Vì sao? Vì mọi người đều không sanh phiền não. Nếu như có xếp hạng nhất, hạng hai, hạng ba, thế thì sẽ sanh phiền não ngay. Bạn coi, người đó cao hơn tôi, tôi còn kém người ta một bậc. Thế Giới Cực Lạc, vì sao nơi đó gọi là Cực Lạc? Vì niềm vui là giống nhau nên gọi là Cực Lạc, không giống nhau thì không thể gọi là Cực Lạc. Mọi thứ ở Thế Giới Cực Lạc đều bình đẳng, vì sao? Vì toàn bộ đều kiến tánh rồi, kiến tánh thì liền bình đẳng. Trí huệ, thần thông, đạo lực, tướng hảo đều là do tự tánh biến hiện. Thấy được tánh coi như viên mãn rồi, thế thì làm sao không phải số một cho được? Không có số hai; trong thế gian pháp có số hai, còn trong Phật Pháp Đại thừa thì không có số hai.

“**Đại Ẩm Quang**” chính là chỉ cho Tôn giả Ca Diếp, “**hiển thị quang minh thù thắng của Phật Di Đà không gì chẳng chiếu tỏ, tôn quý nhất trong các quang minh, là vua của các đức Phật**”, hai câu này là lời trong kinh. Chúng ta đến Thế Giới Cực Lạc thành Phật sẽ giống hệt với A Di Đà Phật, bình đẳng với A Di Đà Phật; câu nào câu nấy đều là lời thật.

“**Khánh hỷ**” là chỉ Tôn giả A Nan, Ngài đại biểu cho “**nghe tên hoan hỷ đều được độ thoát**”, *văn danh* nghĩa là nghe thấy. Danh hiệu Nam mô A Di Đà Phật, bạn mà nghe được danh hiệu này sanh tâm hoan hỷ. Tương lai, bạn nhất định có thể vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, đến Thế Giới Cực Lạc thành tựu Phật quả cứu cánh viên mãn.

Phần sau nói với chúng ta: “**Hơn nữa, Ca Diếp là Sơ tổ của Tông môn, A Nan là Nhị tổ**”. Vậy thì câu Phật hiệu này chính là Thiền, không cần thiết phải đi tham Thiền nữa. “**A Nhã Kiều Trần Như biểu thị bổn tế của đương nhân**”, đại biểu cho tự tánh của chúng ta. “**Xá Lợi Phất biểu thị trí huệ vốn sẵn có của chúng sanh**”, bạn xem, chúng ta vốn dĩ đã trọn đủ mọi thứ rồi. “**Mục Kiền Liên chính là thần thông chúng sanh sẵn có**”, tất cả đều là thứ vốn sẵn có, không phải đến từ bên ngoài. “**Ẩm Quang là linh quang độc diệu, thoát khỏi căn trần**”, đây là cảnh giới cao nhất của Thiền tông. “**Khánh hỷ**” chính là Tôn giả A Nan, “**biểu thị cho sự vui sướng**”, *khánh* tức là điều tốt lành. Chúng ta gặp được Phật Pháp, gặp được Đại thừa, đặc biệt còn gặp được Tịnh độ tông, niềm vui đó lớn lao không gì bằng. “***Khoái***” là khoái lạc, “***bình sinh***”, sự vui sướng không cùng, vui mừng tột bậc. “**Tâm tâm tiếp nối; vì vậy, một bộ đại kinh đúng là phó pháp truyền tâm**”, pháp yếu truyền tâm của Thiền tông. Bộ kinh Vô Lượng Thọ này chính là pháp yếu truyền tâm. “**Một câu danh hiệu phơi bày trực tiếp Như Lai diện mục; lãnh hội được điều này mới đáng xưng là hổ mọc thêm sừng**”. Từ chỗ này, chúng ta có thể lãnh hội và sáng tỏ được vấn đề. Đây chính là lời được nói bởi vĩnh minh đại sư.

“**Có Thiền có Tịnh, giống như hổ mọc thêm sừng**”, hổ mọc thêm sừng là ví dụ. Có Thiền chưa chắc có Tịnh, có Tịnh chắc chắn có Thiền, thật không thể nghĩ bàn. Chúng ta từ biểu pháp của Hải Hiền lão Hòa thượng mà lãnh hội được. Ngài chỉ có một câu Phật hiệu, vậy mà vẫn đạt đến cảnh giới cao nhất của Thiền tông. Lục tổ đại sư khai ngộ, Ngài cũng khai ngộ. Ngài ở cùng một cảnh giới với Lục tổ, mà cũng cùng cảnh giới với Thích Ca Mâu Ni Phật, năm đó đại triệt đại ngộ dưới cội cây Bồ đề. Thật vậy, không hề giả.

Chúng ta học bộ kinh này, điều quan trọng nhất là phải hiểu cho rõ ràng, sáng tỏ. Như thế chúng ta mới chết lòng trọn ý, quyết đến Thế Giới Cực Lạc làm Phật. “Thế giới này là của anh, không phải của tôi, tôi sắp ra đi rồi”, các vị yêu thích thế giới này, thế thì nó là của quý vị. Quý vị nếu như không thích cái cõi này nữa, các vị có thể cùng tôi song hành đến Thế Giới Cực Lạc, cánh cửa của Thế Giới Cực Lạc luôn sẵn sàng rộng mở. Kẻ ngũ nghịch thập ác, nếu chân thật sám hối cầu vãng sanh thảy đều được sanh; thật là từ bi quá đỗi!

Chúng sanh gây nên tội nghiệp nơi địa ngục, trong Vãng sanh truyện có rất nhiều trường hợp như thế. Một trường hợp ngay trước mắt, mà chúng tôi thấy chính là anh rể của cư sĩ Lưu Tố Vân. Tuy cũng học Phật được vài năm, nhưng rất hay nóng tính, ông rất oán hận. Cô con dâu của mình, cô con dâu đó chính là oan gia trái chủ của ông; ông hận cô thấu xương, “*có chết thành ma, tôi cũng không tha cho cô đâu*”. Ông phát ra cái tâm như vậy, cái tâm ấy là gì? Chính là đi vào địa ngục. Tâm tham biến thành ngạ quỷ, sân hận đọa vào địa ngục, ngu si thì thành súc sanh. “Tham, sân, si” gọi là ba độc, nhất định không được có. Có ý niệm “tham, sân, si” đồng nghĩa sẽ rớt vào ba đường ác. Không được có tâm tham, không được sân hận. Dù có phải chịu khổ nạn lớn thế nào đi chăng nữa, cũng không được oán trời trách người, phải có thể nhẫn chịu. Mọi thứ đều dùng niệm Phật để hóa giải, trong tâm chỉ có Phật hiệu. Không có oán hận, không có tham luyến; không ngu si, người này nhất định vãng sanh Tịnh độ. Mang theo “tham, sân, si” thì khó lòng nắm chắc.

Bạn xem, cả đời Hải Hiền lão Hòa thượng chưa hề oán hận bất kỳ người nào, chưa hề thấy người nào đáng ghét hay yêu thích người nào, không có chuyện đó. Người người cũng đều là người tốt, chuyện nào cũng là chuyện tốt. Đánh tôi cũng là chuyện tốt mà mắng tôi cũng là chuyện tốt, để tôi chịu khổ chịu nạn cũng là chuyện tốt. Đây mới có thể là đệ tử bậc nhất của đức Di Đà, vì sao? Vì Ngài biểu diễn cho người đời xem. Chỉ có đệ tử số một củA Di Đà mới có thể làm được, người đời làm không được, còn Ngài có thể làm được. Cho nên, Ngài với Phật có mối liên thông, Ngài thường cùng Phật gặp mặt. Phật đến để cổ động cho Ngài, an ủi Ngài, còn kêu Ngài tiếp tục biểu pháp cho mọi người thấy.

Niệm lão dạy chúng ta: “***Chỉ cần hăm hở mà niệm***”, *mạch trực* tức là xuyên suốt, chỉ cần bạn niệm một cách xuyên suốt. Sư phụ của Hải Hiền lão Hòa thượng dạy Ngài câu “A Di Đà Phật” này, cứ niệm một mạch. *Mạch trực* có nghĩa là xuyên suốt không ngừng, vĩnh viễn không thay đổi. Bạn xem, đó cũng là “***vô thượng thâm Thiền***”.

Thành tựu của Ngài chính là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” của bên Thiền tông. Ngài dùng phương pháp gì để tu thành thiền định được viên mãn đến như vậy? Chính là một câu Phật hiệu, một câu Phật hiệu niệm mãi không thôi. Tự khắc “nghĩa kia tự thấy”, tự thấy chính là khai ngộ, không ai có thể chỉ bạn “đại triệt đại ngộ”.

“**Chẳng nề định trì, tán niệm, quyết định chẳng phí uổng công lao**”, *uổng phí* là lời của người xưa, nghĩa là uổng phí công sức; chẳng uổng phí công lao, tức là bạn dụng công chắc chắn đúng nơi đúng chỗ. Không hề sai lầm, không sợ bị uổng công phí sức, công đức của bạn sẽ thành tựu một cách rốt ráo; chính là cái ý này. Mấy câu này chúng ta phải ghi nhớ cho thật kỹ, đoạn sau cùng là “**Kinh này trước nêu Thanh Văn, sau kể Bồ Tát**”, về đại chúng ở trong hội, trước là nêu Thanh Văn. Đoạn thứ hai của phần sau, đoạn thứ hai nói về chúng Bồ Tát. Đúng như trong cuốn Phật địa luận, đoạn thứ hai này nói rằng: “**Trước nêu Thanh Văn, sau kể Bồ Tát; chúng Thanh Văn gần gũi Thế Tôn vì được Phật đích thân giáo hóa. Hơn nữa, các Thanh Văn thường theo đức Phật nên hình tướng giống với đức Phật. Vì vậy, phần nhiều các kinh thường nêu Thanh Văn, rồi mới nói đến Bồ Tát**”. Thanh Văn là gì? Nghĩa là vẫn còn là học trò, chưa chứng được Pháp thân; phải thường tùy bên cạnh đức Phật, chưa thể rời khỏi. Bồ Tát là học trò đã đại triệt đại ngộ, các ngài có thể ở bên cạnh đức Phật, hoặc cũng có thể ra bên ngoài giáo hóa chúng sanh. Vì thế, Bồ Tát đại biểu cho giáo hóa chúng sanh. Có Bồ Tát xuất gia, có Bồ Tát tại gia, Bồ Tát tại gia đặc biệt nhiều.

Bổn kinh ở chỗ này có liệt kê ra 16 vị Bồ Tát tại gia, còn Bồ Tát xuất gia chỉ nêu có ba vị. Chúng ta cần hiểu cái ý ở chỗ này. Thanh Văn không rời Phật, các ngài ở ngay bên cạnh Phật. Vì thế, vừa nhắc đến Phật, liền sẽ liên tưởng đến những người các ngài; các ngài không hề rời Phật. Khi Phật giảng kinh thuyết pháp, các ngài đều ở sát bên, đều nghe được. Thông thường trên kinh thường ghi là 1255 vị, là chúng thường tùy. Các ngài thị hiện thành tướng tỳ kheo, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện cũng là tướng tỳ kheo. Các ngài giống với tướng của Phật Thích Ca, cũng cạo đầu, ba y một bát, ngày ăn một bữa ngọ, tối ngủ dưới gốc cây. Đệ tử Thanh Văn của Phật, thông thường người đời khi nhìn thấy đệ tử Phật cũng đồng như thấy Phật vậy, đều sanh tâm cung kính, tâm chân thành, tâm thanh tịnh. Cho nên, mang hình tướng tỳ kheo có cái ích lợi này. Nhưng người hiện nay không biết, Phật giáo không người khởi xướng khiến cho người bình thường nảy sinh hiểu lầm.

Nghiêm trọng đối với Phật giáo, bản thân tôi cũng là như vậy. Nếu không thì làm sao có chuyện đến năm 26 tuổi mới nghe được pháp; nếu như không phải gặp được tiên sinh Phương Đông Mỹ, đời này của tôi sẽ không có duyên với tôn giáo, không có duyên với Phật rồi. Vì sao? Vì có hiểu lầm rất lớn. Tiên sinh Phương Đông Mỹ đem Phật giáo giới thiệu cho tôi, lão nhân gia đã nói thế nào vậy? Thầy nói: “*Anh còn trẻ, anh không biết Thích Ca Mâu Ni*”. Thầy không nói là Phật, thầy chỉ nói là: “*Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên toàn thế giới*”. Tôi theo thầy học triết học, triết học đương nhiên phải tìm nhà triết học rồi, Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới.

“***Kinh Phật là triết học đỉnh cao của thế giới; học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người***”, đời này của tôi thật sự hưởng được rồi, thứ mà thầy truyền thụ chính là sự hưởng thụ cao nhất. Vậy làm sao để được sự hưởng thụ cao nhất này? Chính là “anh tôn trọng tôi, tôi không vui mừng. Anh hủy báng tôi, sỉ nhục tôi. Tôi không mang lòng oán hận”, đó chính là sự hưởng thụ cao nhất. Vĩnh viễn ở trong thanh tịnh bình Đẳng giác, thế thì đúng rồi. Không có “tham, sân, si, mạn, nghi”, năm chữ này. Có năm chữ này coi như bạn đang tạo nghiệp, bạn làm sao có thể có được sự hưởng thụ cao nhất này chứ! Hưởng thụ cao nhất là đời sống của Phật, Bồ Tát, chí ít cũng là từ A La Hán trở lên, đầu tiên là không còn “ngã” nữa. Muốn bước vào cửa Phật, việc lớn đầu tiên là phải phá “ngã chấp”. Người nào chứng được vậy? Tu Đà Hoàn chứng được. Đây là sơ quả Tiểu thừa, hay Bồ Tát ở địa vị Sơ tín của Đại thừa.

Trên kinh Kim Cang có nói: “**Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng**” là Tu Đà Hoàn. Cái này cần phải biết, đây mới được xem là nhập môn, chân thật là đệ tử Phật. Một nửa phần sau của kinh Kim Cang là nói về “**vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến**”, cái thấy đó là gì? Chính là suy nghĩ, là ý niệm. Phần trước là vô ngã tướng, phá trừ bốn tướng. Sau là bốn kiến, phá bốn cái tướng này được xem như đã vào cửa, chân thật bước vào cửa Phật rồi. Phá trừ bốn kiến là Pháp thân Bồ Tát, tức là bậc minh tâm kiến tánh. Một nửa bộ trước và một nửa bộ sau của kinh Kim Cang không giống nhau, nửa bộ trước là Bồ Tát Sơ tín vị của Đại thừa, còn nửa bộ sau là Bồ Tát Sơ trụ bên Viên giáo Đại thừa. Với Bồ Tát Sơ Địa của biệt giáo, đây làm sao mà giống nhau được? Hưởng thụ cao nhất của đời người chính là buông bỏ “tham, sân, si”. Ngay cả những thứ dính dáng đến “tham, sân, si, mạn, nghi” - Ngũ độc đều phải bỏ hết, bạn mới được tự tại, thì việc vãng sanh của bạn mới thật nắm chắc trong tay.

Sống ở thế gian này, mọi việc tùy duyên, thế thì an lạc biết chừng nào! Thuận cảnh tùy thuận, mà nghịch cảnh cũng tùy thuận; thiện duyên tùy thuận, mà ác duyên cũng tùy thuận; thuận nghịch, thiện ác thảy đều như nhau cả. Vì sao như nhau vậy? Vì “**phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng**”, thảy đều như con số không; “không” với “không” coi như giống nhau rồi. Nếu như bạn hiểu được cái lý này, kinh Kim Cang đúng tuyệt! Lục tổ Lục tổ đại sư nhờ bộ kinh này mà khai ngộ. Vì thế, kinh này về sau trở thành bộ sách nhất định phải đọc của Thiền tông. Còn trước đó, Thiền tông truyền tâm là dùng kinh lăng già. Lục tổ sau này dùng kinh Kim Cang; kinh lăng già được giảng ở núi lăng già, tức là vùng Srylanka hiện nay, vết tích giảng kinh vẫn còn lưu lại.

Lần trước tôi có đến tham quan di tích này, nhìn từ xa thì thấy một tòa núi, thấy được nơi đó. Nhưng chưa đi lần nào, Thích Ca Mâu Ni Phật ở nơi đó giảng kinh lăng già. Hai tông tánh tướng, còn giáo nghĩa tương đối chỉ nói lướt qua, đặc biệt giảng đến “**tự tâm hiện lượng, bất đoạn chi vô**”, nói thật là hay. Toàn thể vũ trụ rốt cuộc là gì? Các ngài đã nhìn rõ cả rồi. Hai câu này chính là thông thường kinh Đại thừa hay nói, là thật tướng các pháp. Tướng thật sự của hết thảy pháp là gì? Là tự tâm hiện lượng, đây chính là chủ sáng tạo. Nó tạo ra cái gì vậy? Chính là điều mà Lục tổ đại sư có nói “**nào ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp**”. Tự tâm hiện lượng chính là “**tự tánh năng sanh vạn pháp**”. Vạn pháp là tự tánh sở sanh, năng sanh là tự tánh của chính mình, tức là chân tâm của ta vậy.

Hiện nay, toàn bộ những hiện tượng này là gì? Là bất đoạn chi vô. Bất đoạn nghĩa là cứ một niệm tiếp nối một niệm, nó không bao giờ ngừng lại. Nhưng mỗi một ý niệm đều là giả, đều chẳng thể nắm bắt được, cho nên gọi là “vô”. *Vô* không phải ý nói là không có gì, *vô* ý muốn nói là chẳng thể nắm bắt được. *Tướng* thì có, nhưng tướng bất khả đắc, đây là chân tướng sự thật. Vì sao lại bất khả đắc? Ở chỗ tôi có một cuộn phim, đây là cuộn phim điện ảnh, cái này chắc mọi người đều biết. Khi đặt nó vào trong máy chiếu cho phát với tần số một giây chạy 24 tấm; trong một giây 24 bức hình này sẽ được lặp chồng lên nhau. Chúng ta nhìn thấy trong hình ảnh ấy có những động tác, thấy trong đó có người, có sông núi, đất đai, có một số kiến trúc, bạn đều thấy được hết. Nếu như là một giây, trong 24 tấm đó chúng ta chỉ để lại một tấm, còn 23 tấm khác đều bị bôi đen, chúng ta chỉ cho phát một tấm sau đó chiếu lên, quý vị thấy rồi đó. Vậy tôi hỏi bạn, bạn thấy được cái gì? Nhất định là thấy “một tia sáng lóe lên một cái rồi biến mất”. Giống như tia điện vậy, cái gì cũng không thấy được, chỉ thấy mỗi tia sáng, lóe lên một cái, đúng không nào? Đây là 1/24 giây, bạn chỉ nhìn thấy một vệt sáng. Trong ánh sáng đó, chẳng nhìn thấy cái gì hết. Trên thực tế trong ánh sáng đó, cái gì cũng có, giống như màn trình chiếu vừa rồi vậy. Mọi thứ đều chiếu hết trên màn hình nhưng thời gian rút xuống chỉ còn là 1/24 giây mà thôi, thế là bạn chẳng còn nhìn thấy nữa rồi, chỉ thấy được một tia sáng; còn nội dung thì không biết có gì trong đó. Thế giới ngày nay, trong một giây rốt cuộc đang sanh diệt bao nhiêu lần vậy? Sanh diệt của điện ảnh, một giây là 24 lần. Xin nói thêm với bạn, đó là truyền hình vào thuở trước, còn truyền hình cách đây mười mấy năm, một giây phát 50 tấm, tức là 50 lần, nhanh hơn so với điện ảnh. Cho nên, xem truyền hình càng thấy sắc nét hơn. Hiện nay là truyền hình kỹ thuật số, bây giờ người ta dùng số hóa, tương đương trong một giây cho phát 100 tấm, tức 100 lần. Bởi thế bạn không cách gì thấy được, đó là chân tướng sự thật.

Trong kinh Đại thừa, Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta, trong một cái búng tay có bao nhiêu lần vậy? Là 32 ức trăm ngàn niệm. Một trăm ngàn là mười vạn, mười vạn nhân với 320 triệu, tức là 320 ngàn tỷ. Trong một cái búng tay, một giây có thể búng được bao nhiêu lần? Người sức khỏe tốt, thể lực cường tráng, họ có thể búng được 7 lần, tức là 320 nhân với 7, là 2100 ngàn tỷ. Một giây có 2100 ngàn tỷ lần sanh diệt. Chính ở ngay trước mắt chúng ta, bạn làm sao có thể biết được? Niệm niệm đều bất khả đắc. Bạn cho rằng, thế giới này bạn có thể chiếm hữu được nó sao? Không thể được, thân thể cũng bất khả đắc. Sự tồn tại cái thân này của chúng ta, nó tồn tại ở trong hoàn cảnh nào vậy? Là tồn tại trong 1/2100 ngàn tỷ của giây, dưới tần suất này mà sanh ra huyễn tướng. Đây chính là chân tướng sự thật của toàn thể vũ trụ.

Nếu như bạn chân thật hiểu rõ rồi, thật sự hiểu minh bạch rồi, bạn sẽ buông bỏ hoàn toàn. Vì vốn dĩ là sao? Thảy đều là không cả, đó coi như bạn mới chân thật lãnh hội được câu: “**Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng**”, “**tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bào ảnh**”, liễu bất khả đắc trong kinh Kim Cang. Đây là khoa học, hiện tượng này hiện giờ đã được các nhà lượng tử lực học phát hiện rồi, chúng tôi cũng rất bội phục. Đối với khoa học kỹ thuật hiện nay, nó có khả năng nắm bắt được một phần của một ngàn ngàn tỷ của giây; khoa học kỹ thuật hiện thời có thể chạm đến. Một phần của một ngàn ngàn tỷ của giây, đó là gì? Là vi trung tử, thứ này chính là dạng vật chất nhỏ nhất, nhà khoa học đã phát hiện ra dạng vật chất nhỏ nhất. Vì thế, nhà lượng tử lực học đưa ra một kết luận, họ bảo: “*Thế gian này căn bản không hề tồn tại vật chất*”. Tất cả mọi hiện tượng vật chất đều là giả, là ở dưới tần suất cao. Phật Pháp nói là 1/2100 ngàn tỷ của giây. Dưới tần suất này mà sanh ra huyễn tướng, cái huyễn tướng này từ đâu mà có? Từ ý niệm mà có. Vậy ý niệm có từ đâu? Đây là vấn đề của khoa học; hiện tượng vật chất giờ đã được làm rõ ràng, sáng tỏ rồi, bí mật của vũ trụ bí mật này cũng được vạch trần rồi. Bí mật thứ hai hiện giờ là ý niệm, rất nhiều nhà khoa học trẻ tuổi đều đang nghiên cứu về ý niệm, với niệm lực.

Năng lượng của niệm lực là không thể nghĩ bàn, đây là sự thật, niệm cái gì thì thành cái đó. Cái này, Hải Hiền lão Hòa thượng ngay chỗ này cũng nói. Năm Ngài 12 tuổi, Ngài có trồng bí đao, ai dè bị em họ ăn trộm mất. Ngài liền nguyền rủa người ta: “*Ai mà lấy trộm bí của tôi? Cầu cho người đó bị bệnh, cầu người đó bị đau đớn*”. Quả nhiên em họ của Ngài sanh bệnh thật, bị lở loét; đau bệnh, quả nhiên đúng như vậy. Dì của Ngài bèn tìm đến Ngài: “*Con đừng trù rủa em nó nữa. Con còn trù nó nữa, em con nó khổ sở lắm rồi*”. Ngài cũng hết hồn hết vía, lập tức chuyển đối ý niệm: “*Hãy để đệ đệ nhanh chóng khỏe lại, hãy để đệ đệ nhanh chóng khỏe lại*”. Ngài niệm hết hai ngày, cuối cùng em họ Ngài khỏe lại thật; lúc đó Ngài mới biết. Từ đó về sau, Ngài không còn dám trù rủa người nữa, cũng không dám niệm bất kỳ ai, nó thật sự trở thành sự thật. Năm Ngài 18 tuổi, Ngài bị lở loét, trên người Ngài có một vết lở, cái mụt đó đang lở loét và mưng mủ. Mẹ Ngài tìm thầy tìm thuốc cho Ngài, nhưng chẳng làm sao chữa lành cho Ngài được. Lúc đó, bản thân Ngài biết rằng đây là do nhân-quả báo ứng. Ngài bảo: “*Đây là bệnh nghiệp chướng, là bệnh oan nghiệt*”, thuốc thang gì cũng không khỏi được. Nghe nói Bồ Tát quan thế âm cứu khổ cứu nạn, đại từ đại bi, Ngài bèn một lòng niệm Quan Âm Bồ Tát. Niệm được hơn một tháng, mụt kia tự nhiên khỏi. Nhờ đó, Ngài đối với những lời Phật nói trong Phật Pháp tin sâu không nghi. Bồ Tát quả thật từ bi, còn chúng ta niệm vì sao không linh, còn Ngài thì linh? Vì Ngài chuyên tâm, một lòng chuyên niệm liền linh hiển; còn chúng ta là tạp tâm, loạn tâm; lắm vọng tưởng, lắm tạp niệm, cho nên niệm không linh, không thể khởi tác dụng. Nếu như là một lòng chuyên niệm, thế thì niệm niệm đều linh nghiệm.

Tôi học Phật là do tiên sinh Phương Đông Mỹ nói với tôi: “*Phật Pháp là triết học đỉnh cao trên thế giới*”; nhà lượng từ lực học hiện nay cũng nói: “*Phật Pháp là triết học cao nhất trên toàn thế giới*”. Vì thế, khi tôi giảng kinh, tôi tổng kết cái mà Phật Pháp nói đến là gì? Nó nói về năm khoa mục, đây là do Phật thuyết. Lão nhân gia ngài dạy học 49 năm, từ lúc bắt đầu là đã bắt đầu dạy học mãi cho đến khi viên tịch, dạy trọn vẹn suốt 49 năm. 30 tuổi khai ngộ, Thích Ca Mâu Ni Phật 79 tuổi thì viên tịch; Trung Quốc chúng ta tính tuổi ta là thành 80, dạy học 49 năm. Ngài là một thầy giáo, người hiện nay xem thân phận Phật Thích Ca là một nhà giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa. Bản thân Ngài là có thân phận gì? Là một người làm công tác nghĩa vụ của một nhà giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa. Bởi vì Ngài dạy học không thu học phí, không có bất kỳ hạn chế nào, không phân quốc tịch, không phân dân tộc, không phân tín ngưỡng tôn giáo; chỉ cần bạn đến học với Ngài, Ngài đều nhiệt tình mà dạy cho bạn. Chúng ta phải tìm ra diện mạo chân thật của đức Phật, Ngài là giáo dục, là giáo dục Phật Đà.

Khi tôi vừa xuất gia, xuất gia ở Đài Loan, tôi có kiến nghị với hội Phật giáo Trung Quốc về việc đính chính lại tên gọi. Vì danh bất chính ắt ngôn bất thuận nên thêm vào hai chữ, gọi là “**giáo dục Phật Đà**”, sẽ khiến người khác không nảy sinh hiểu lầm. Đề xuất này của tôi, nghe nói hội Phật giáo cũng có thảo luận về vấn đề này, sau cùng vẫn không thêm vào hai chữ đó. Phật giáo dễ khiến mọi người hiểu lầm là tôn giáo, còn giáo dục Phật Đà thì không. Ở Đài Loan, tôi có xây dựng một cơ cấu nằm ở Đài Bắc là “Phật Đà giáo dục cơ kim hội”. Tôi dùng chữ “Phật Đà giáo dục” để nộp hồ sơ vào bộ giáo dục, thật sự phải đổi tên lại. Tôi sống ở Hồng Kông, ở Hồng Kông cũng thành lập một hiệp hội giáo dục Phật Đà, gọi là “Hiệp hội Giáo dục Phật Đà Hồng Kông”. Tôi nhất định phải thêm hai chữ này vào, gọi là “giáo dục Phật Đà”. Vì sao chúng tôi còn mặc bộ đồ này? Vì chiếc áo này là lễ phục của Phật giáo, là lễ phục của giáo dục Phật Đà. Chúng tôi vì để kỷ niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, mang trên người chiếc y này, liền nghĩ đến giống như đức Phật còn tại thế vậy. Chúng ta phải tuân thủ lời giáo huấn của Ngài, Ngài dạy cái gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân-quả. Ba thứ này là giáo dục phổ thế của đức Phật, giúp cho xã hội, có thể an định hài hòa, hóa giải xung đột; vĩnh viễn không có chiến tranh, mãi hướng lên cao. Đồng nghĩa khoa học và triết học, đều đạt đến đỉnh cao, đó là cảnh giới cao nhất. Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói là: Triết học cao nhất, khoa học cao nhất, luân lý cao nhất, đạo đức cao nhất và nhân-quả cao nhất. Chúng tôi từ chỗ này mà nhận thức Phật giáo.

Xã hội hiện giờ quá loạn rồi, thế kỷ 20 đã được tiến sĩ Thang Ân Tỉ nhìn ra từ những năm thập niên 70. “***Ưu tư trùng trùng***”, vị này hết sức thiện lương lại vô cùng từ bi. Ông nói với chúng ta: “*Giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21*”, tức là hiện nay, “*chỉ có học thuyết khổng mạnh của Trung Quốc cùng với Phật Pháp Đại thừa*”, đây là do ông nói. Học thuyết khổng mạnh ở Trung Quốc, Phật Pháp Đại thừa cũng ở Trung Quốc. Nó có thể cứu thế giới không? Có thể cứu quốc gia không? Có thể. Những nỗ lực mà chúng ta bỏ ra những năm qua không hề uổng phí, đặc biệt là thực nghiệm của tiểu trấn thang trì. Tuy chưa đủ viên mãn nhưng sức ảnh hưởng của nó trong nước và ngoài nước hiện thời, mọi người đã bắt đầu xem trọng truyền thống văn hóa Trung Quốc rồi, cũng tức là xem trọng đối với Nho-Thích-Đạo. “Đệ tử quy” của nhà Nho, “Cảm ứng thiên” của Đạo gia và “Thập thiện nghiệp đạo” của nhà Phật, tôi dùng ba cái này làm nền tảng. Bắt đầu hạ thủ từ đâu? Là từ ba thứ này mà hạ thủ, ba cái gốc Nho-Thích-Đạo, đây là giáo trình để cắm gốc, nhất định phải bắt đầu từ đây. Mọi người làm ra được thành tích rồi, trong nước vào những năm qua có rất nhiều diễn đàn, đều đang bàn về truyền thống văn hóa.

Ở nước ngoài như Indonexia, tháng sau họ sẽ xúc tiến giáo trình “Đệ tử quy” đối với học sinh tiểu và trung học trên khắp cả nước. Nguyên văn của “Đệ tử quy” sẽ là bộ “giảng giải Đệ tử quy” của thầy Thái Lễ Húc. Phần giảng nghĩa này gồm 40 giờ, thảy đều cho phiên dịch thành tiếng Indonexia. Hiệu trưởng trường đại học hồi giáo ở Indonexia nói với tôi: Họ muốn xây dựng một thư viện tứ khố, trường cũng muốn mở một hệ chuyên ngành hán học. Đây là việc tôi không hề nghĩ đến. Indonexia trên thế giới là quốc gia hồi giáo lớn nhất, dân số của họ khoảng 240 triệu dân. Họ mà dẫn đầu trong chuyện này, sẽ gây được ảnh hưởng rất lớn trên thế giới. Quốc gia Srylanka, tôi cũng qua lại với họ rất tốt. Trước kia khi tổng thống Wahid còn sống, tôi trước sau, ít nhất đã gặp nhau khoảng 20 lần. Sau thời tổng thống Wahid, tổng thống Megawati, với tổng thống Susilo tôi đều đã gặp mặt qua. Tôi cũng không ngờ đến, đại học hồi giáo quả nhiên mở hệ hán học, giáo trình của hệ hán học chính là Nho-Thích-Đạo. Trong vòng nửa năm, bạn bè ở bên đó đã đến thăm tôi năm lần. Cho nên, tháng sau tôi sẽ đến thăm họ. Tôi sẽ ở Indonexia mười ngày và ở Singapore ba ngày, rồi đến malaysia, ở khoảng một tuần. Tôi có gặp thủ tướng malaysia - ông Najib, nói với tôi hết sức đường đột, ông nói: “*Ngày mai tôi có chuyến viếng thăm Trung Quốc*”, Tập chủ tịch đối với ông rất tốt. Tôi nghe rồi thấy rất mừng, tôi nói: “*Mọi người ráng mà hợp tác cho tốt, chí ít phải hóa giải được xung đột ở Châu Á. Châu Á hài hòa có thể đẩy mạnh việc hài hòa trên toàn thế giới. Người Trung Quốc trước kia nói là mặt trận thống nhất, chúng ta đừng để xảy ra chiến tranh, chiến tranh đáng sợ lắm; chúng ta phải thống hợp, cùng nhau hợp tác; chúng ta phải thống nhất, phải hợp tác thì mới mong toàn thế giới thống nhất được*”.

Ai có thể thống nhất vậy? Thang Ân Tỉ có nói: “*Người Trung Quốc có thể hợp nhất*”. Người Trung Quốc, hiện nay Tập chủ tịch có thể làm được. Ở vào thời của ông, có thể mang lại sự hợp nhất cho toàn thế giới. Hy vọng lãnh tụ toàn thế giới đều có thể học tập. Những điển tịch được Cổ thánh Tiên hiền để lại, những bộ sách đó được lưu giữ hoàn chỉnh nhất chính là ở Trung Quốc. Cho nên, tôi khuyên mọi người phải học chữ hán, học văn ngôn văn. “Tứ khố Toàn thư” là báu vật mà tổ tiên loài người truyền lại. Trong này có trí huệ, lý niệm, phương pháp, kết quả, kinh nghiệm; từ việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ của những cá nhân cụ thể; tất cả đều ở trong bộ sách này. Đường Thái Tông đã rút tỉa tinh hoa của tinh hoa từ trong đó mà soạn thành một bộ “Quần thư Trị yếu”. Bộ sách này hiện thời, tôi nghe nói Tập chủ tịch đã đưa bộ này thành giáo trình bắt buộc khi gia nhập đảng. Tốt, có thể cứu Trung Quốc mà còn cứu được cả thế giới; mong rằng Tập chủ tịch có thể thống hợp toàn thế giới. Những nhà lãnh đạo đất nước yêu hòa bình, hãy đồng tâm hiệp lực hóa giải mọi xung đột cho thế gian này, mang lại cho xã hội này một nền an định hài hòa dài lâu; khiến cho người dân toàn thế giới đều có thể có được một cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Đây là lý tưởng của đảng cộng sản, tôi tin Tập chủ tịch có thể thực hiện được điều này trong nhiệm kỳ của ông. Đây là một việc tốt, đây cũng là nỗi kỳ vọng của tôi đối với thủ tướng Najib. Tôi bảo: “*Trong chuyến viếng thăm này, ông cho tôi gửi lời thăm hỏi. Hy vọng lãnh đạo của mỗi quốc gia đều sẽ giác ngộ*”. Chúng ta làm công tác này ở liêp hợp quốc. Hiện nay một số bạn bè trong tổ chức liêp hợp quốc, đối với việc hóa giải xung đột và sự an định hài hòa của xã hội đã có chút niềm tin. Trước kia thì không hề, chúng tôi làm rất vất v,ả bây giờ coi như có chút niềm tin rồi. Đặc biệt là chuyến viếng thăm Châu Âu của Tập chủ tịch, trong buổi diễn giảng ở Unessco, mọi người sau khi nghe xong thấy hoan hỷ vô cùng đến nói với tôi: “Cái duyên này thật là quá khó được, quả thật nên nắm chắc lấy!”.

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**

# **TẬP 69**

*Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.*

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại kinh Khoa chú**” trang 286, xem từ dòng thứ sáu “**Đoạn thứ hai, chúng Bồ Tát**”. Trong chúng Bồ Tát được chia làm ba phần. Phần một “**Đoạn thứ nhất, phần đại lược có hai đoạn**”. Mục một: **Bồ Tát xuất gia**. Trong dấu ngoặc này nói là: “**Chúng đương cơ của cõi này**”. Đặc biệt nói rõ đây là Thế Giới Ta Bà. Thích Ca Mâu Ni Phật nói với chúng ta, đương cơ có Bồ Tát xuất gia, phân thành bốn đoạn. Đoạn thứ nhất: “**Canh nhất, Tịnh Mật bất nhị**”. Nói rõ pháp môn Tịnh tông không thể nghĩ bàn. Quả thật, nó có thể thâu nhiếp cả Thiền lẫn Giáo đã được đề cập ở phần trước. Chỗ này lại nói đến mật. Hay nói cách khác, không chỉ có tất cả pháp được thuyết suốt 49 năm của Thế Tôn, đều không lìa câu Phật hiệu này. Mà câu Phật hiệu này còn có thể hàm chứa hết tất cả pháp được thuyết bởi tất cả chư Phật Như Lai khắp mười phương Tam thế đều chẳng vượt ngoài. Thế nên chúng ta liền hiểu, câu Phật hiệu này bao gồm tất cả danh hiệu chư Phật. Câu Phật hiệu này còn chứa đựng vô lượng pháp môn mà tất cả chư Phật đã thuyết. Đây là Chánh pháp trong Chánh pháp. Chánh pháp vĩnh viễn không bao giờ đổi. Trong kinh Đại thừa, Phật có nói pháp vận của hết thảy chư Phật đều có Chánh pháp, Tượng pháp, Mạt pháp và Diệt pháp, có bốn thời kỳ như vậy. Bốn thời kỳ này làm thế nào để phân vậy? Nếu có giảng kinh, có nghe kinh, có tu hành, có chứng quả pháp đó chính là Chánh pháp. Có giảng kinh, nghe kinh, có tu hành, không có chứng quả, đây gọi là Tượng pháp. Có giảng kinh, có nghe kinh, không có tu hành, đương nhiên không có chứng quả, đây gọi là Mạt pháp. Giảng kinh, nếu đến cả người giảng kinh cũng không có, đây gọi là Diệt pháp. Lời này của Thế Tôn, quả thật nói rất hay.

Vậy chúng ta xem thử Phật giáo ở Trung Quốc, Đại thừa có 8 tông phái, Tịnh độ là một trong 8 tông đó. Trong mỗi tông phái, từ Thiền tông, Mật tông, Giáo hạ có Luật tông, Hiền Thủ, Thiên Thai, Tam luận, Pháp tướng, cả thảy 8 tông phái. Chúng ta dùng tiêu chuẩn của Phật để nói. Có người giảng kinh không? Có người nghe kinh không? Có giảng kinh, có nghe kinh, không có y giáo tu hành. Đây chính là Mạt pháp. Càng không có người tu hành chứng quả. Đối với Tịnh độ tông, Tịnh độ tông, niệm A Di Đà Phật chính là tu hành. Có rất nhiều người niệm Phật vãng sanh chính là chứng quả. Cho nên, Tịnh độ tông có giảng kinh, có nghe kinh, có tu hành, có chứng quả. Đây là pháp môn duy nhất vẫn còn ở thời kỳ Chánh pháp của Như Lai cho dù pháp vận mai này của đức Phật. Pháp vận của Phật là 12 ngàn năm, cũng tức là nói sức ảnh hưởng giảng kinh của đức Phật. Thời gian dài như vậy, đến lúc 12 ngàn năm kinh điển sẽ biến mất hết, không còn kinh điển nữa, nhưng vẫn còn một bộ kinh Vô Lượng Thọ, chỉ còn lại một bộ này. Những kinh điển khác đều không tồn tạ, Tịnh độ là Chánh pháp. Chỉ cần bộ kinh này còn, vẫn còn người giảng, vẫn có người nghe, vẫn có người niệm Phật, vẫn có người vãng sanh. Sau thời kỳ Mạt pháp 100 năm, kinh Vô Lượng Thọ, 100 năm sau cùng vẫn còn. Sau 100 năm đó kinh Vô Lượng Thọ cũng biến mất, nhưng vẫn còn một câu Nam mô A Di Đà Phật. Đến thời kỳ đó, gặp được danh hiệu Phật, lại chịu tin, chịu phát nguyện, chịu niệm Phật Phật vẫn sẽ đến tiếp dẫn người đó vãng sanh. Thật là một pháp môn thù thắng, không thể nghĩ bàn. Y theo niên đại mà nói, Chánh pháp một ngàn năm Tượng pháp một ngàn năm, Mạt pháp mười ngàn năm. Một ngàn năm đầu tiên trong mười ngàn năm đã qua rồi. Hiện nay là một ngàn năm thứ hai.

Cổ đại đức Trung Quốc có ghi chép lại, năm nay hình như là 3041 năm. Sau khi Phật diệt độ, Phật môn trước đây một đời, những bậc đại đức đó đều dùng kỷ niên truyền thống của Trung Quốc. Người thông thường hiện giờ đều dùng lịch Tây phương. Áp dụng cách nói của Tây phương, năm nay là 2557 năm, so với ghi chép Trung Quốc chúng ta kém khoảng 600 năm. Chúng ta không cần thiết phải kiểm chứng những chuyện đó làm gì. Phật giáo không chú trọng thời gian, thời gian là giả, cho nên khi bắt đầu kinh điển đều dùng là “một thời”. Một thời là thật. Một thời là gì? Chính là ngay lúc này, không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Có thật như vậy không? Thật vậy. Trí Giả đại sư vào triều Đường đã chứng minh cho chúng ta một lần Ngài tụng kinh Pháp Hoa, tụng đến phẩm Dược Vương liền nhập định. Ngài đi đến núi Linh Thứu, nhìn thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đang ở đó giảng kinh Pháp Hoa. Ngài còn nghe hết một hồi, trở về xuất định nói với mọi người, Thế Tôn đang giảng kinh Pháp Hoa, cái hội đó hiện giờ vẫn chưa tan. Vấn đề là liệu chúng ta có cái năng lực đó không? Có khả năng nhập định, bạn liền có thể tham gia hội kinh Pháp Hoa của Thích Ca Mâu Ni Phật, hoặc là tham gia hội giảng kinh Vô Lượng Thọ của Thế Tôn. Chính ngay lúc này, chuyện này chúng ta phải tin. Minh tâm kiến tánh kiến tánh rồi, thời gian và không gian đều không còn. Ngày nay chúng ta hay nói là không chịu sự trói buộc của thời không. Không gian không còn, đồng nghĩa không còn khoảng cách.

Thế Giới Cực Lạc ở chốn nào? Chính ngay chỗ này. Thời gian không còn, đồng nghĩa không có trước sau; không gian không còn thì khoảng cách cũng không còn. Trên kinh thường nói là chính là ngay đây. Chúng ta coi như hiểu được mọi chuyện rồi. Bây giờ nghe đến câu “chính là ngay đây”, chúng ta lại thấy rất mù mịt, không thể hiểu nổi. Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ tổ của Mật tông. Cho nên Ngài ngay chỗ này đại biểu rằng, Tịnh Mật không hai. Tịnh độ tông cùng với hết thảy kinh luận mà chư Phật, Bồ Tát đã thuyết, có một mối quan hệ mật thiết không thể tách rời. Thật vậy, kinh Hoa Nghiêm có nói “**một tức tất cả, tất cả tức một**”. Trong câu danh hiệu này, đặc biệt đều hiển thị ra cả rồi.

Chúng ta xem kinh văn: “**Lại có Phổ Hiền Bồ Tát**”; chúng ta xem Chú giải của cụ Hoàng Niệm “***Bồ Tát là chữ Phạn nói tắt***”, cũng tức là lúc phiên dịch, không có hoàn toàn dịch hết ra, nếu dịch ra đầy đủ “***nói đủ là***”, đây là âm tiếng Phạn, nếu dịch ra đầy đủ là: “Ma-Ha Bồ-Đề Chất-Đế-Tát-Đỏa”, cả thảy 8 chữ. Đây là nguyên văn tiếng Phạn, dịch thành ý nghĩa Trung Quốc là “Bồ Tát”, phần sau bàn đến nghĩa của Phạn ngữ. *Ma Ha* dịch là “đại”, được tỉnh lượt bớt rồi. *Bồ đề* dịch sang ý nghĩa Trung Quốc là “đạo”. *Chất đế* được dịch có nghĩa là “tâm”. *Tát đỏa* có nghĩa là “chúng sanh” hoặc là “hữu tình”. Nếu dịch theo lối cổ xưa thì đều dịch là “chúng sanh”; còn theo cách dịch mới thì là “hữu tình”. Mới hay cũ là dựa theo tiêu chuẩn của đại sư huyền trang. Trước đại sư huyền trang thì gọi là cách dịch cũ, còn sau thời đại sư huyền trang thì gọi là cách dịch mới. Hợp ý nghĩa lại, nghĩa là “***đại đạo tâm chúng sanh, nói gọn là Bồ đề tát đỏa***”. Đơn thuần mà nói là “Bồ đề tát đỏa”, có nghĩa là “giác hữu tình”; Bồ đề là giác ngộ, tát đỏa là hữu tình. Tất cả chúng sanh đều có tình thức, nhưng họ là chúng sanh hữu tình giác ngộ. Còn chúng ta là chúng sanh hữu tình mê hoặc. Bồ Tát với chúng ta khác nhau, các ngài giác ngộ rồi. Trên tựa đề của Bổn kinh, nửa phần sau có năm chữ là “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”. Chữ “giác” đó chính là “giác hữu tình”. *Giác hữu tình* không gọi là Bồ Tát thông thường, chúng ta hay gọi là “đại Bồ Tát” hoặc gọi là “Pháp thân đại sĩ”; những vị đó mới được gọi là “giác hữu tình”. Thanh Văn, Duyên Giác đều không thể sánh được, mà ngay cả tam thừa Bồ Tát cũng không thể so nổi. Tam thừa là biệt giáo, Thiên Thai biệt giáo gồm Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng. Vì sao? Vì các ngài vẫn chưa kiến tánh. Chữ giác này nghĩa là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Nếu “giác” đạt đến mức độ viên mãn và trở thành Phật thì không xưng là “Bồ Tát”, mà xưng là “Phật”.

Bồ Tát ở trong hội Hoa Nghiêm, tổng cộng có 51 vị thứ gồm: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh Thập hồi hướng, Thập địa và Đẳng giác. Trong 51 vị thứ này, mười vị trí đầu tiên từ Sơ tín đến Thập tín, đây là nói đến Viên giáo. Gọi là Bồ Tát hay quyền giáo Bồ Tát, vẫn chưa kiến tánh; từ Sơ trụ trở lên thì kiến tánh rồi. Gọi là 41 vị Pháp thân đại sĩ, tức là giác hữu tình hay Bồ đề tát đỏa mà chỗ này đề cập đến. Các ngài trú ở đâu? Tam thừa Bồ Tát trú ở thập Pháp giới. Trong thập Pháp giới có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật. Các ngài sẽ ở Tứ thánh Pháp giới trong mười Pháp giới. Pháp thân Bồ Tát thì không còn trụ ở thập Pháp giới nữa, các ngài vượt khỏi nơi đó rồi. Nếu như các ngài không cầu sanh Tây Phương Thế Giới Cực Lạc, những Bồ Tát này đều trụ ở Thế Giới Hoa Tạng. Thế Giới Hoa Tạng là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tứ thánh Pháp giới là cõi Phương Tiện Hữu Dư của Phật Thích Ca. Còn sáu nẻo là cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tôi nói như vậy mọi người sẽ dễ hiểu hơn, sẽ có được một khái niệm rõ ràng hơn.

Hôm nay chúng ta đang ở cõi người, trong sáu nẻo của Phàm Thánh Đồng Cư độ. Những cõi này vì sao lại có sự phân chia nhiều như vậy? Đó là do nghiệp báo không đồng của chúng sanh tạo nên sáu nẻo luân hồi. Do đâu mà có? Từ phân biệt, chấp trước mà có; trần sa phiền não, kiến tư phiền não, từ những thứ này mà có. Tứ thánh Pháp giới là do vô minh phiền não tạo nên; có vô minh phiền não liền có Tứ thánh Pháp giới; có kiến tư phiền não liền có sáu nẻo luân hồi. Vì thế đoạn được kiến tư phiền não, Lục đạo luân hồi liền biến mất, không còn nữa. Giống như nằm mơ vậy, tỉnh mộng rồi cảnh giới sau khi tỉnh mộng là gì? Là Tứ thánh Pháp giới, chính là cõi Phương Tiện Hữu Dư của Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu như phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp thân thì mười Pháp giới liền không còn. Mười Pháp giới vẫn là một giấc mộng; tỉnh mộng rồi, sẽ thấy được thứ gì? Thấy nhất chân Pháp giới, tức là Thế Giới Hoa Tạng. Người niệm Phật thấy Thế Giới Cực Lạc, cõi Cực Lạc rất thù thắng.

Tất cả chư Phật Như Lai ở mười phương, cùng với Lục đạo và mười Pháp giới, đều do A lại da biến hiện ra. Tất cả mọi hiện tượng vật chất là tướng phần của A lại da. Chúng ta khởi tâm động niệm, có thể tư duy, có thể tưởng tượng, đây thuộc về ý thức. Ý thức thứ sáu, và thức thứ bảy; phân biệt của ý thức thứ sáu, chấp trước của thức thứ bảy. Cho nên, chúng là tướng phần và kiến phần của A lại da. Hiện tượng tinh thần là kiến phần, còn hiện tượng vật chất là tướng phần. A lại da là vọng tâm, chứ không phải chân tâm. Hoàn toàn là vọng tâm, không có một thứ nào không phải giả cả. Đại triệt đại ngộ rồi mới có thể tách khỏi vọng tâm, hay còn gọi là chuyển tám thức thành tứ trí. Chuyển thức thành trí rồi, chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí; chuyển mạt na thành bình đẳng tánh trí; chuyển thức thứ sáu thành diệu quang sát trí; chuyển năm thức trước thành thành sở tác trí. Làm được những điều này thì chúng ta ở đâu? Là ở Thế Giới Cực Lạc. Người không cầu vãng sanh về Thế Giới Cực Lạc mà chứng đến cảnh giới này, họ sẽ ở Thế Giới Hoa Tạng.

Giáo dục Phật Đà và giáo dục thế gian không giống nhau. Giáo dục thế gian ra không nổi sáu nẻo luân hồi, còn giáo dục Phật Đà không những có thể xuất sáu nẻo luân hồi mà còn có thể vượt khỏi mười Pháp giới. Chúng ta cũng học được không ít từ những bài trước. Có vài vị đồng học thật sự học rất tốt, tôi nhẩm ra có ít nhất khoảng mười người, hết sức khó được. Tâm chúng ta phải lớn, mắt phải nên nhìn xa một chút, đừng bị những ảo ảnh trước mắt mê hoặc. Nếu đã học Phật rồi, ít nhất cũng phải thoát khỏi sáu nẻo luân hồi, bạn mới được xem là có thành tựu. Đời này của chúng ta có thể làm được điều đó chăng? Câu trả lời khẳng định có thể. Chỉ cần bạn thật sự tin, chân thật phát tâm cầu sanh Tịnh độ. Nếu bạn hỏi: “*Cần phải mất bao lâu thời gian?*”. Đó thuộc về quyết định nơi bạn, không phải người khác có thể quyết định thay bạn được.

Kinh A Di Đà nói rất hay: “**Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, đến hoặc bảy ngày**”. Sáu con số trước là số đếm, còn số bảy ở phía sau là biểu pháp; số bảy đại biểu cho sự viên mãn. Ngày nào bạn niệm thành công rồi, ngày đó gọi là ngày thứ bảy, thông thường có rất nhiều. Chúng ta xem thấy trong “Vãng sanh truyện”, cũng thấy trong “Tịnh độ Thánh hiền lục”, rất nhiều người đều là ba năm thành tựu. Vậy thì ba năm này chính là nghĩa của con số bảy.

Chúng tôi quả thật cũng chính tai nghe được, chính mắt nhìn thấy. Tai nghe, chúng tôi nghe Đàm Hư lão Hòa thượng kể. Ngài ấy có một sư huynh đệ, chính là đồ đệ của lão Hòa thượng Đế Nhàn, người thợ vá nồi. Người này không biết chữ, chưa từng đi học. Sau khi xuất gia, sư phụ của ông, tức là pháp sư Đế Nhàn, chỉ dạy ông một câu “A Di Đà Phật”, nói với ông rằng: “*Cứ thế mà niệm. Niệm mệt thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi thì niệm tiếp, không phân ngày đêm*”. Ưu điểm lớn nhất của thợ vá nồi, chính là “thật thà, nghe lời, thật làm”. Cho nên, ông niệm được ba năm thì biết trước ngày gì, đứng mà vãng sanh. Thật không dễ chút nào, bởi vì sống trong một cái miếu rách nát ở dưới quê, giao thông bất tiện. Một số cư sĩ ở nơi đó phải đến chùa quan tông báo tin, nói chuyện này với lão Hòa thượng Đế Nhàn, mời lão Hòa thượng đến thay ông lo việc hậu sự. Cả đi lẫn về đều là đi bộ vì không có phương tiện đi lại, nên mất hết ba ngày. Thợ vá nồi vãng sanh rồi còn đứng đó ba ngày. Không ít người đứng mà vãng sanh nhưng sau khi vãng sanh còn đứng ba ngày, đại khái chỉ có một mình ông. Đây là sự thật không hề giả.

Hơn 40 năm về trước, làng Tướng Quân Đài Nam có một lão Thái Thái cũng là niệm Phật ba năm, biết trước ngày giờ, cũng là đứng mà đi. Người biết chuyện này rất nhiều, bà đi được hai năm thì tôi mới biết chuyện. Khi tôi dạy học ở Phật Quang Sơn, người làm việc ở Phật Quang Sơn nói với tôi. Ông là láng giềng của bà cụ đã vãng sanh đó, ông chính mắt nhìn thấy, bảo với tôi. Chuyện không hề giả, là thật; khuyên chúng tôi niệm Phật, nên đem câu chuyện này kể cho chúng tôi nghe, cũng như đang dạy chúng tôi một bài học vậy. Tôi là do buổi tối trăng sáng rất đẹp nên mang theo mười mấy đồng học đến bên ao phóng sanh, chúng tôi đang ngồi thảo luận Phật Pháp thì người công nhân này bước đến, nói chuyện với chúng tôi gần một tiếng đồng hồ. Chúng tôi hết sức cảm động, chuyện chẳng giả chút nào.

Thời kỳ tôi đang hoằng pháp ở Mỹ tại Maryland, gặp được tiên sinh Chu Quảng Đại. Cả nhà ông không có tín ngưỡng tôn giáo, nhưng mọi người rất nhân hậu, tốt bụng; họ có mở một tiệm bánh mì. Ông mắc phải căn bệnh rất nặng, là ung thư thời kỳ cuối. Bệnh viện tuyên bố không điều trị cho ông nữa, kêu người nhà mang ông trở về. Họ bảo với mọi người: “*Ông chỉ còn sống không quá một tháng*”. Lúc này, người nhà ông đi cầu thần khấn Phật, xem coi liệu có kỳ tích xuất hiện không! Họ tìm đến chúng tôi, lúc đó hội Phật giáo của chúng tôi thành lập mới được một năm. Hội Phật giáo của chúng tôi thành lập vào năm 1983, sự việc này xảy ra vào năm 1984. Chúng tôi bèn đến xem ông thế nào, quả thật không cách gì có thể hồi phục được. Cho nên, liền khuyên ông niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Ông là người rất có thiện căn, vừa khuyên, ông liền vui vẻ, hoan hỷ, bảo với người nhà: “*Đừng đi tìm thầy cầu thuốc nữa, mọi người niệm Phật tiễn tôi vãng sanh*”. Lúc đó chúng tôi có một hội Phật giáo, là hội Phật giáo hoa phủ; hội Phật giáo của chúng tôi cử đi bốn người, cứ một nhóm là bốn người, chia thành ba tổ; cùng với cả nhà ông niệm Phật ba ngày ba đêm. Ông vãng sanh rồi, ông thật sự đi rồi. Lúc hỏa thiêu còn có xá lợi; chúng tôi nghe chuyện rất là vui mừng. Bạn xem, trên kinh Di Đà nói là ba ngày; niệm được ba ngày ba đêm, không hề có tín ngưỡng tôn giáo, chưa từng tiếp xúc qua Phật Pháp, lúc lâm chung gặp được thiện tri thức giới thiệu Thế Giới Cực Lạc, ông nghe rồi thật sự tin tưởng, thật sự hoan hỷ, thật sự chịu phát tâm. Chúng tôi dẫn dắt ông, bên cạnh ông niệm ba ngày ba đêm. Lời trong kinh Di Đà đúng là thật, không hề giả. Đây là sự việc chúng tôi từng gặp qua.

Tôi ở Cựu Kim Sơn cũng có gặp một vị cư sĩ tại gia ở vùng đó, cụ Cam kể với chúng tôi. Bạn bè tốt của họ đều đang sống ở Mỹ, bình thường rất ít khi qua lại, nhưng cứ một tháng cùng nhau cộng tu một lần. Mọi người tụ họp lại cùng nhau niệm Phật một ngày. Vị Thái Thái này vãng sanh biết trước ngày giờ. Bà trước giờ chưa từng nói với bất kỳ người nào, ra đi vào lúc nửa đêm nhưng đi vào lúc nào thì không ai biết. Đến sáng sớm ngày hôm sau, con trai con dâu mở cửa phòng bà, thấy lão Thái Thái chân xếp bằng, mặc áo chỉnh tề, ngồi ngay ngắn trên giường. Gọi bà, bà không trả lời, nhìn kỹ lại thì thấy bà đi rồi; di chúc còn để trên giường do chính tay bà viết; hiếu phục của con trai, con dâu và cháu nội, bà đều chuẩn bị đâu ra đấy cả rồi, đều xếp hết trên giường. Nhìn từ những chỗ này, chí ít ba tháng trước bà đã biết, nên bà mới có thời gian chuẩn bị. Thật khiến người ta ngưỡng mộ.

Những người này đều chứng minh cho chúng ta, trong khoảng thời gian qua có không ít người vãng sanh, đều là tấm gương tốt cho chúng ta. Hải Hiền lão Hòa thượng chùa Lai Phật ở Nam Dương, vãng sanh vào tháng giêng năm ngoái, mới nửa năm trước, tướng lành hy hữu. Vào đầu năm nay, đồ đệ của Ngài đến Hồng Kông tìm tôi, báo với tôi cái tin này nên tôi mới biết. Họ còn mang theo một bản báo cáo, còn có một chiếc đĩa. Chúng tôi đem nó in thành một quyển sách nhỏ, bộ sách này còn đính kèm một cái đĩa, các vị có thể mang về nhà xem. Vị lão Hòa thượng này là tấm gương người niệm Phật tốt nhất của chúng ta. Bạn học theo cách làm của Ngài, đời này của bạn quyết định vãng sanh. Cho nên, tôi khuyên đồng học đem cái đĩa này, một ngày xem ba lần, một lần mất khoảng một tiếng. Một ngày niệm một vạn tiếng Phật hiệu, một vạn tiếng Phật hiệu mất khoảng hai giờ đồng hồ. Một ngày tu hành năm tiếng, một năm không gián đoạn. Tôi tin bạn chắn chắn sẽ vãng sanh, công phu chân thật thành phiến rồi.

Thế nào gọi là thành phiến? Nghĩa là trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, không có vọng tưởng, không có tạp niệm. Đây gọi là công phu thành phiến. Có được khả năng này, tâm của bạn nếu như chân thành, thanh tịnh, cung kính, bạn còn có thể cảm được A Di Đà Phật hiện thân đến thuyết pháp cho bạn. A Di Đà Phật sẽ nói với bạn: Thọ mạng của bạn còn bao nhiêu; đợi đến khi thọ mạng đến rồi, Ngài sẽ đến tiếp dẫn bạn; bản thân bạn sẽ biết. Nhờ đó càng giúp bạn kiên định tín tâm, kiên định nguyện tâm. Thấy Phật rồi, người vãng sanh thông thường thấy Phật ít nhất ba lần. Khi công phu đã đạt đến một mức độ nhất định, Phật sẽ đến; bạn có cảm, các ngài có ứng; chúng ta cầu Phật, Phật sẽ đến. Đến lần thứ nhất đồng nghĩa thọ ký cho bạn, nói với bạn: “*Con vẫn còn bao nhiêu thọ mạng, đến lúc mạng chung ta sẽ đến đón con*”, Phật đến báo tin này cho bạn. Lần thứ hai gặp mặt, Ngài lại thị hiện, có lẽ là trước lúc vãng sanh, thông thường là khoảng ba tháng hoặc một tháng, hoặc mười mấy ngày gì đó. Lúc này đến là để nói với bạn ngày nào, ấn định chắc chắn thời gian cho bạn. Lần thứ ba chính là lúc Ngài đến tiếp dẫn bạn. Theo lẽ thường, vãng sanh đều có ba lần thấy Phật. Đây chính là lời mà đại thế chí Bồ Tát đã nói trong kinh Lăng Nghiêm: “**Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật**”. Chúng ta thấy Phật ba lần ở cõi này, đây là hiện tiền thấy Phật. Vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc, hoa khai kiến Phật chính là tương lai thấy Phật; hiện tiền hay tương lai, nhất định đều thấy Phật. Chúng ta đừng cầu cái gì khác, chỉ cầu thấy Phật, chỉ cầu vãng sanh. Có nhiều người rất thông minh, dẫu còn thọ mạng, họ cũng không cần, “thọ mạng còn mười năm, mười năm con cũng không cần. Con bây giờ chỉ muốn đi theo Phật thôi”, thông thường Phật đều đồng ý, Phật sẽ đưa bạn đi.

Pháp sư Oánh Kha triều Tống, Ngài thấy Phật. Ngài niệm Phật ba ngày ba đêm, không ngủ không nghỉ, với tâm chân thành, thanh tịnh, cung kính của Ngài. Pháp sư Oánh Kha đã niệm được A Di Đà Phật đến, Phật nói với Ngài: “*Con vẫn còn mười năm thọ mạng, mười năm sau ta sẽ đến tiếp dẫn con*”. Lúc đó, Ngài liền thỉnh cầu với Phật: “*Mười năm tuổi thọ, con không cần; bây giờ con đi ngay với Ngài*”. Phật giao hẹn với Ngài, được rồi, tốt, ba ngày sau ta sẽ đến tiếp dẫn con. Vì sao lúc đó không mang Ngài đi ngay? Ba ngày sau là vì muốn Ngài biểu pháp. Ngài có khoảng thời gian ba ngày để thông báo với mọi người ba ngày sau tôi vãng sanh. Bảo mọi người đến xem Ngài vãng sanh. Đây là sự thật, không hề giả. Hải Hiền lão Hòa thượng 112 tuổi, 20 tuổi xuất gia, không biết chữ. Sư phụ chỉ dạy Ngài một câu “A Di Đà Phật”. Ngài giống y như thợ vá nồi vậy, là người “thật thà, nghe lời, thật làm”. Một câu Phật hiệu, Ngài niệm suốt 92 năm. Tôi tin rằng, chỉ cần ba năm khẳng định Ngài thấy Phật, công phu thành phiến liền thấy Phật. Thời gian 92 năm, Ngài thấy Phật bao nhiêu lần? Tôi ước tính Ngài chí ít thấy Phật không dưới mười lần, không bao giờ ít hơn mười lần. Đại sư viễn công năm đó còn tại thế, một đời thấy Phật bốn lần. Lần cuối cùng là lần Phật đến tiếp dẫn Ngài vãng sanh. Lão Hòa thượng tự mình nói ra: “*Tôi đã mấy lần thỉnh cầu lão Phật gia đưa tôi vãng sanh, nhưng lão Phật gia bảo tôi: Tu hành không tệ, tu khá tốt*”, Ngài muốn tôi “*ở lại thế gian này thêm ít năm, biểu pháp cho mọi người xem*”. Tôi tin tuổi thọ này không phải là thọ mạng vốn có của Ngài, thọ mạng của Ngài cũng chỉ khoảng chừng bảy, tám mươi tuổi thôi; sống đến 112 tuổi vì Ngài có nhiệm vụ của mình; A Di Đà Phật giao nhiệm vụ cho Ngài, muốn Ngài biểu pháp. Bản thân các vị nhìn thấy ắt sẽ hiểu. Người hiện đại chúng ta nhìn thấy hành nghi cả đời của Ngài, thấy được tướng lành phút lâm chung của Ngài, sẽ sanh khởi tín tâm, nguyện tâm đối với Phật Pháp; thật sự tin tưởng, chân thật không thối chuyển. Câu Phật hiệu này, chắc chắn vãng sanh Thế Giới Cực Lạc; sanh đến Thế Giới Cực Lạc nhất định thành Phật. Bồ Tát hóa thân, làm ảnh hưởng chúng để giúp đỡ chúng ta.

Trong phần tự phần của kinh ở phần trước, những đại chúng được liệt kê ra, toàn bộ đều là biểu pháp. Chúng ta ở phần trước đã thấy rồi, Kiều Trần Như đại biểu cho đệ tử bậc nhất. Bạn học pháp môn này, bạn là đệ tử số một của Thích Ca Mâu Ni Phật, là đệ tử số một của A Di Đà Phật, là số một ở Thế Giới Cực Lạc, chứ không có số hai. Chúng ta xem tiếp Chú giải của Niệm lão: “**Gộp lại là ‘đại đạo tâm chúng sanh’, nói gọn là Bồ đề tát đỏa, nghĩa là giác hữu tình**”; kế tiếp nói với chúng ta: “**Chứng ngộ giống như Phật là giác**”, có thể thấy để đạt được chữ “giác” này không phải chuyện dễ, giác liền thành Phật. Chữ “giác” này, người Trung Quốc hay bảo là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, đây được xưng là giác.

“**Chưa hết vô minh nên gọi là hữu tình**”, họ vẫn còn tình cảm. Vì sao? Vì vô minh chưa đoạn; nếu như đoạn được vô minh rồi, thì họ trở thành giác hữu tình. Vô minh chưa đoạn, họ vẫn chưa ra khỏi sáu nẻo, chưa thoát mười Pháp giới. Nếu thoát khỏi sáu nẻo, nhưng chưa ra khỏi mười Pháp giới, cũng gọi là hữu tình, đó là giác hữu tình. Vẫn chưa ra khỏi sáu nẻo luân hồi, đó là mê hữu tình, không phải giác hữu tình. Chúng sanh nơi Lục đạo như chúng ta là chúng sanh hữu tình mê hoặc điên đảo.

“**Giác lại có nghĩa là Phật đạo mình đang mong cầu**”, thứ chúng ta cầu chính là minh tâm kiến tánh, tức là cầu đại triệt đại ngộ. Làm thế nào mới có thể đại triệt đai ngộ? Trên đề kinh nói với chúng ta: “**Thanh tịnh, bình đẳng**” chính là cách để cầu “đại triệt đại ngộ”. *Giác* chính là khai ngộ, *thanh tịnh* là định, *bình đẳng* là đại định. “Định” mà A La Hán chứng được gọi là thanh tịnh, là tâm thanh tịnh. *Đại định* là sở chứng đắc của quyền giáo Bồ Tát, đó chính là bình đẳng. *Bình đẳng* thì cao hơn so với thanh tịnh. Tuy là thanh tịnh, nhưng họ vẫn chưa đạt được “bình đẳng”, *bình đẳng* đương nhiên là có thanh tịnh trong đó rồi. Đây gọi là “Giới-Định-Huệ”, nhân giới được định, nhân định khai huệ. Cho nên, niệm Phật phải biết buông xả. Giới luật không gì khác, Giới luật chủ yếu là dạy chúng ta buông xả, buông bỏ thân kiến, buông bỏ biên kiến; biên kiến chính là đối lập. Buông bỏ thành kiến, thành kiến chính là tự cho mình đúng, chấp chặt vào ý kiến của mình. Muốn người khác phải phục tùng ta, đây là sai lầm.

Đức Phật dạy chúng ta: “**Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức**”. Tình chấp của chúng sanh rất nặng, Bồ Tát có thể hằng thuận chúng sanh, không chấp trước khi cùng chúng sanh chung sống cùng nhau. “Bạn thích cái gì, tôi đều có thể tùy thuận”, đây mới được xem là thành tựu công đức, cái này thuộc về “kiến hoặc”. Cái này mà có thể buông bỏ, liền chứng quả, chứng sơ quả với nhị quả của Tiểu thừa. Vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư; địa vị này xem như cao rồi. Chưa đạt đến cảnh giới này, đều sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Nhưng Thế Giới Cực Lạc không giống với thế giới khác, như vừa nãy chúng ta có nói qua. Thế giới này của chúng ta là do A lại da thức biến hiện ra, còn cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Thế Giới Cực Lạc cũng là pháp tánh độ, cũng là pháp tánh thân, không giống với cõi này. Tuy nó có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm nhưng nó là bình đẳng, nó không bị chướng ngại. Bốn cõi của Thích Ca Mâu Ni Phật có chướng ngại, không thể đứng chung với nhau. Chúng ta không nhìn thấy cõi Thật Báo của Thế Giới Hoa Tạng, thấy không được Tứ thánh Pháp giới, tức cõi Phương Tiện Hữu Dư. Thậm chí đều cùng là Phàm Thánh Đồng Cư độ, nhưng chúng ta không thể nhìn thấy các tầng trời, không thấy được cõi trời, không thấy được quỷ thần; họ có thể thấy chúng ta nhưng chúng ta không thấy được họ.

Thế Giới Cực Lạc, dẫu là sanh đến cõi Phàm Thánh Đồng Cư, hạ hạ phẩm vãng sanh đi chăng nữa, cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát; điều này không thể nghĩ bàn. Hay nói cách khác, chỉ cần sanh đến Thế Giới Cực Lạc, mức đối đãi và sự hưởng thụ của bạn không hề khác biệt so với Pháp thân đại sĩ. Đây là điểm mà mười phương thế giới đều không có, duy chỉ Thế Giới Cực Lạc mới có. Chúng ta mà minh bạch được những đạo lý này, những sự tướng này, càng không thể để luống qua cơ hội lần này được. Lần này nhất định phải đi cho bằng được. Phổ Hiền Bồ Tát ở thế gian này, chúng ta đâu thấy được nhưng đến Thế Giới Cực Lạc liền thấy ngay, thấy được báo thân của Phổ Hiền Bồ Tát. Cho nên, giác là mong cầu Phật đạo, đây là điều chúng ta mong cầu; còn hữu tình là chúng sanh đang được độ hóa. Đối tượng giáo hóa của Phật, Bồ Tát chính là chúng ta.

“**Việc lợi sanh gấp rút**”, phàm phu chúng ta không thấy gấp nhưng Phật, Bồ Tát thì có. Phật, Bồ Tát nóng lòng muốn phổ độ chúng sanh. “**Rộng độ chúng sanh cùng chứng đại giác, nên gọi là giác hữu tình**”, tức là muốn cho các loài chúng sanh hữu tình đều giác ngộ. Hai chữ “Bồ Tát” là được rút gọn xuống mức tối đa vì người Trung Quốc thích sự đơn giản, cho nên đơn giản nó xuống mức thấp nhất. Ngôn ngữ văn tự chú trọng ở chỗ đơn giản nhưng rõ ràng; phải đơn giản, phải trọng yếu, nhưng vẫn rõ ràng minh bạch. Chữ viết, đây là chỗ hay của văn tự, cũng là cái tài diễn đạt ngôn ngữ.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai: “**Vì sao là đại đạo tâm chúng sanh?**”, vân hà tức là có ý gì? Vì sao phải xưng các ngài là đại đạo tâm chúng sanh? Bởi vì các ngài đầy đủ bốn điều lớn lao, có bốn điều lớn. Bốn điều lớn này, đại sư Thanh Lương trong Hoa Nghiêm kinh sớ sao có nói. Phần sau đều là nguyên văn được trích lục từ Hoa Nghiêm kinh sớ sao: “**Thanh Lương Sớ bảo là: Một là đại nguyện**”, vì sao? “**Vì cầu đại Bồ đề**”, chúng ta hôm nay đem cái nguyện này sửa thành “nguyện sanh Tịnh độ”. Như thế có tương đồng với ý nghĩa của đại nguyện này không? Giống nhau cả, vãng sanh Tây Phương Thế Giới Cực Lạc liền chứng đại Bồ đề; đến bên đó coi như thành Phật rồi. Chúng ta ở cõi đời này không thành Phật nổi, phiền não tập khí không đoạn được. Rất nhiều đồng học hỏi tôi, họ biết bản thân mình phiền não tập khí rất nặng, hỏi tôi phải làm sao đây? Tôi nói với họ, cứ học theo Hải Hiền lão Hòa thượng là đoạn được phiền não tập khí. Nhờ niệm Phật đó! Niệm Phật vào lúc nào vậy? Khi phiền não tập khí vừa hiện hành, liền “A Di Đà Phật”, đem phiền não đè xuống, biến phiền não tập khí thành “A Di Đà Phật”, đó gọi là “giác”. Không biết chuyển thành A Di Đà Phật, đó gọi là “mê”, mê thì tạo nghiệp, tạo nghiệp Lục đạo tam đồ. Phải giác ngộ, “giác” chính là một câu “A Di Đà Phật”. A Di Đà Phật là Chánh giác, là phổ giác, là viên mãn giác, cứu cánh giác; chỉ xem bạn có chịu chuyển đổi hay không thôi. Một niệm vừa khởi lên, bất kể là thiện niệm hay ác niệm, lập tức đổi thành A Di Đà Phật thì đúng rồi. Đây chính là cầu đại Bồ đề, gọi là đại nguyện.

Thứ hai là “**hành đại**”, hành là tu hành, “**vì thành tựu hai lợi**”, hai lợi tức là “tự hành, hóa tha”. Dùng cái gì? Cũng là dùng một câu “A Di Đà Phật”. Người khác hỏi cái gì, trả lời đều là “A Di Đà Phật”. Câu câu đều là “A Di Đà Phật”, rót vào tai của họ, khiến nó trở thành chủng tử trong mảnh ruộng bát thức kia. Bạn làm như vậy là đang khuyên người tu Tịnh độ, lợi ích vô biên. Ngày nay, đĩa DVD rất tiện lợi, giá lại vô cùng rẻ. Nếu bạn tu pháp bố thí trước thì nên bố thí đĩa. Đĩa gì là tốt nhất, công đức nhất vậy? Chính là cái đĩa này, tôi xin giới thiệu với mọi người. Cả đời tôi xem qua rất nhiều đĩa, tôi thấy cái đĩa này là tốt nhất. Công đức bạn bố thí cái đĩa này vô lượng vô biên, không gì có thể vượt qua được nó. Vì sao? Vì nó có thể khiến con người lập tức giác ngộ, có thể khiến con người lập tức có được lợi ích. Quyển sách này đối với người niệm Phật mà nói, nó là tổng kết của kinh Vô Lượng Thọ. Toàn tập của kinh Vô Lượng Thọ đều nằm hết trong này. Với việc học kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta cùng nhau học bộ khoa chú này. Phải mất hơn một ngàn giờ, học cái này chỉ mất một tiếng; lợi ích học một tiếng tương đương với chúng ta học trong hơn một ngàn giờ. Bạn đều có được cả rồi, đây là ân huệ mà lão Hòa thượng đã ban cho chúng ta, chúng ta phải biết trân quý. Niệm A Di Đà Phật, bố thí quyển sách này, bố thí cái đĩa này, chính là “hành đại”.

Thứ ba là “**thời đại**”, chúng ta niệm Phật chẳng phải niệm một ngày. Bạn xem, lão Hòa thượng Hải Hiền niệm suốt 92 năm. Ngài 20 tuổi xuất gia, sư phụ chỉ dạy Ngài một câu “A Di Đà Phật”, bảo với Ngài cứ thế mà niệm tiếp tục, Ngài liền niệm một mạch xuyên suốt, ngày đêm đều không ngơi nghỉ. Cái câu ngày đêm không nghỉ này ý là niệm mệt thì nghỉ, cả ngày Ngài đều như vậy. Niệm mệt thì Ngài đi ngủ một lát, ngủ khỏe rồi lại tiếp tục niệm, không phân ngày đêm, lúc nào mệt thì nghỉ lúc đó; lúc nào nghỉ khỏe rồi, lúc đó lại niệm tiếp, niệm suốt 92 năm. Giai đoạn khi Ngài đạt “công phu thành phiến”, “sự nhất tâm bất loạn” với “lý nhất tâm bất loạn”, tôi đã tính dùm cho Ngài. Tuy Ngài không nói, Ngài đạt “công phu thành phiến” có lẽ là ba năm. Vậy ba năm coi như thấy được A Di Đà Phật rồi. Công phu thành phiến nhất định thấy Phật, Phật đến báo tin cho Ngài. Đạt “sự nhất tâm bất loạn” có lẽ khoảng trước sau năm 30 tuổi; còn “lý nhất tâm bất loạn” có lẽ khoảng trước sau năm 40.

“Lý nhất tâm” chính là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, ngang hàng với Lục tổ Lục tổ bên Thiền tông, đồng nghĩa hai Ngài ở cùng một cấp bậc với nhau. Cho nên, bản thân Ngài nói Ngài “*cái gì cũng biết*”, nhưng sư phụ có dặn Ngài: “*Khi con biết được mọi thứ, không được nói ra bất kỳ điều gì*”. Ngài nghe lời, nên cả đời Ngài không nói. “Thiên cơ bất khả lộ” nhưng Ngài biểu hiện trong cuộc sống thường ngày, trong công việc, biểu hiện ngay nơi xử việc, đối người, tiếp vật. Một người thật sự biết cách nhìn, biết cách nghe sẽ nhìn ra được con người Ngài. Người không biết nhìn sẽ nhìn không ra, cũng không thể nghe ra.

Cái này quá tuyệt diệu rồi, 92 năm làm ra tấm gương cho chúng ta xem. Tuổi thọ sau này của Ngài kéo dài đến như vậy, đó là do A Di Đà Phật muốn Ngài biểu pháp, giao nhiệm vụ cho Ngài. Nhiệm vụ biểu pháp viên mãn nên Phật đưa Ngài đi rồi. Viên mãn là sao? Là khi Ngài nhìn thấy quyển sách này. Tên của sách, chỗ tôi cũng có quyển này. Ngài cầm quyển sách này trên tay, quyển “Nếu muốn Phật Pháp hưng, chỉ có Tăng khen Tăng”. Ngài cầm được quyển sách này rồi, hoan hỷ vô cùng. Có lẽ là do A Di Đà Phật nói với Ngài, bao giờ Ngài gặp được quyển sách này, Phật sẽ đến tiếp dẫn Ngài vãng sanh. Cho nên, khi có được quyển sách này Ngài giống như bắt được báu vật vậy, hoan hỷ vô lượng. Ngài mặc trên người chiếc áo cà sa mà Ngài yêu thích nhất, chỉnh tề đường hoàng, rồi cầm lấy quyển sách này, nói với mọi người: “*Mọi người mau mau chụp hình cho tôi*”. Chụp hình xong, coi như biểu pháp viên mãn, ba ngày sau thì Ngài vãng sanh. Cái ý này rất sâu, quyển sách này nói với chúng ta: Nếu muốn Phật Pháp hưng, người xuất gia phải nên tán thán lẫn nhau chứ không được hủy báng; tuyệt đối không được khen mình chê người. Khen mình, chê người là phạm giới trọng của Bồ Tát giới, đáng lý nên Tăng khen Tăng.

Cổ đại đức có nói: “***Thế giới ngày nay không còn người ca ngợi nhau, hầu hết đều là buông lời gièm pha, đều là khen mình, khinh thường người khác***”, cái này sẽ tạo ấn tượng không tốt. Đối với Phật giáo của đại chúng trong xã hội, người xuất gia như các vị còn phỉ báng lẫn nhau như thế. Thôi vậy, tôi không học đâu; khiến cho rất nhiều người bị thối tâm. Không những Phật giáo như vậy, mà tình hình này cũng xuất hiện rất nhiều ở những tôn giáo khác, đây là căn bệnh chung của xã hội thời nay.

Ngài biểu cái pháp này cho chúng ta, nói với chúng ta rằng: Bổn hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư là chân kinh, không hề sai lầm; bản Chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là bản Chú giải chính xác, cũng không hề sai. Chúng ta mười mấy, hai chục năm nay, gần 20 năm y theo cái bổn này tu hành, y theo cái bổn này học tập cũng không hề sai. Ngài làm ra minh chứng cho chúng ta. Đương nhiên càng sâu sắc hơn nữa chính là, Ngài vì chúng ta chứng minh Thế Giới Cực Lạc có thật, A Di Đà Phật cũng có thật. Ngài thấy A Di Đà Phật rất nhiều lần, chắc chắn không hề giả; lão Hòa thượng không bao giờ gạt người. Thật vậy, **thật có Thế Giới Cực Lạc, thật có A Di Đà Phật**. Chân thật y giáo tu hành, A Di Đà Phật sẽ đến gặp bạn, khiến bạn tăng trưởng tín tâm. Cho nên “thời đại” chính là mọi lúc mọi nơi, chúng ta đều khuyên người niệm Phật, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật. Ngoại trừ A Di Đà Phật ra, không để thứ gì khác vào trong đó.

Những năm tháng còn sống trên cõi đời này thì tùy duyên vậy. “**Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức**”, cái gì cũng tốt. Thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, thảy đều tùy thuận không để trong lòng, đây gọi là diệu dụng; để trong tâm liền tạo nghiệp. Hành thiện cảm ba đường thiện, làm ác thì cảm ba đường ác; chỉ cần để trong tâm, nó liền trở thành nghiệp, biến thành nghiệp luân hồi. Lão Hòa thượng 92 năm đã làm ra tấm gương cho chúng ta; trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra thì không còn cái gì khác. Vì thế, Ngài nghĩ đến A Di Đà Phật, A Di Đà Phật liền xuất hiện, thật như người một nhà vậy. Chỉ cần khởi tâm động niệm, A Di Đà Phật liền hiện thân, liền đến ngay.

Thứ tư là “**đức đại, vì đầy đủ các công đức nhất thừa**”, đó là một câu Phật hiệu, một câu “A Di Đà Phật” đầy đủ công đức vô lượng vô biên, vô cùng vô tận. Thế thì vì sao bạn không tu? Ngày ngày muốn tu công đức nhưng không biết tu thế nào. Một câu “A Di Đà Phật” công đức liền đầy đủ rồi, tất cả mọi công đức đều nằm hết trong này. Chúng ta phải hiểu rõ cái lý này; liễu giải chân tướng sự thật, bạn liền phát tâm thật làm. Đây là lời mà đại sư Thanh Lương nói trong “Hoa Nghiêm kinh sớ sao”. Lại xem một bộ kinh lớn như kinh Pháp Hoa, đây là kinh điển chủ tu của tông Thiên Thai. “**Bồ Tát cũng bao gồm**”, tức là hàm chứa cả lục đại được nói trong kinh Pháp Hoa.

Thứ nhất là “**tín đại pháp**”, chữ “đại pháp” này ở trong tông Thiên Thai chính là kinh Pháp Hoa, với Ma Ha Chỉ Quán, đây chính là những bộ chủ tu của họ. Còn với Tịnh độ tông chúng ta, chữ “đại pháp” này chính là kinh Vô Lượng Thọ, với kinh A Di Đà. Kinh Vô Lượng Thọ cùng với tiểu Bổn kinh A Di Đà hoàn toàn tương đồng nhau. Một cái là nói giản lược, một cái là nói tỉ mỉ cặn kẽ, đều là cùng một bộ kinh. Cho nên, kinh Di Đà cũng là đại pháp, mà kinh Vô Lượng Thọ cũng là đại pháp. Bất kể bạn thọ trì bộ nào cũng đều tốt cả, công đức hoàn toàn như nhau, không có khác biệt; chúng ta phải tin điều đó.

Thứ hai là “**giải đại nghĩa**”, không những phải tin mà bạn còn có thể lý giải. Tín tâm từ đâu mà có? Chính là từ lý giải mà có. Bạn lý giải không thấu triệt, không biết công đức câu Phật hiệu này bao lớn, nên xem nhẹ mất rồi, cho rằng có thứ khác công đức còn lớn hơn so với A Di Đà Phật nữa. Hiểu sai rồi! Không biết rằng kinh Vô Lượng Thọ cùng với câu Phật hiệu này, công đức của nó còn vượt hơn hẳn Pháp Hoa với cả Hoa Nghiêm. Quả thật là công đức bậc nhất. Bạn tu y theo kinh Hoa Nghiêm với kinh Pháp Hoa, đời này của bạn chưa chắc có thể thành tựu. Nếu tu không tốt, vẫn là phải tiếp tục xoay vần nơi sáu nẻo luân hồi. Sai rồi! Nếu bạn gặp được Tịnh tông, một khi bạn chân thật nhận thức rõ ràng đối với Thế Giới Cực Lạc, bạn mà hiểu tường tận, minh bạch rồi, bạn sẽ tin sâu, không nghi. Nhất hướng chuyên niệm, cầu sanh Tịnh độ vãng sanh Thế Giới Cực Lạc liền thành Phật. Đến bên đó, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa tự nhiên viên mãn.

Thứ ba là “**phát đại tâm**”, phát tâm cầu sanh Tịnh độ, phát tâm thân cận đức Di Đà. Ta đến Thế Giới Cực Lạc để làm gì? Chính là để học tập với A Di Đà Phật, học tập với chư Phật Như Lai ở mười phương. Người ở Thế Giới Cực Lạc có thể làm được việc đó. Mỗi một người của Thế Giới Cực Lạc đều có thể phân vô lượng vô biên thân, phân thân đến vô lượng vô biên thế giới đi cúng Phật. Cúng Phật là tu phước; đi nghe kinh, nghe kinh là tu huệ, phước huệ song tu. Còn cái thân chính của ta, ở Thế Giới Cực Lạc không hề rời khỏi A Di Đà Phật. Đi là phân thân đi, còn bản thân vẫn ở trong giảng đường của Phật Di Đà, không hề động; chúng ta có cái bản lĩnh này. Cho nên đến Thế Giới Cực Lạc, không cần mất quá nhiều thời gian thì trí huệ, phước đức đều viên mãn, cứu cánh viên mãn. Bạn có năng lực đến mười phương thế giới, độ cho tất cả chúng sanh có duyên với bạn. Bạn có khả năng này, vì sao lại không đi chứ?

Thứ tư là “**hướng đến đại quả**”, *đại quả* chính là thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm có nói: “**Diệu giác Như Lai cao hơn Đẳng giác**”, đây gọi là đại quả; thứ năm là “**tu đại hạnh**”; thứ sáu là “**chứng đại đạo**”, vô thượng Bồ đề, đây là đại đạo; chính là “A nậu Đa la Tam miệu Tam Bồ đề” được nói trên kinh, dịch sang ý nghĩa Trung Quốc là “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Hoa Nghiêm nói đến lục đại, đại sư Thanh Lương thì nói tứ đại nhưng nội dung hoàn toàn giống nhau. Cho nên, đầy đủ những cái “đại” được nói ở trên.

“**Nên gọi là đại đạo tâm chúng sanh**”, đây là giải thích cụ thể cho chúng ta về ý nghĩa của từ “Bồ Tát”. Bồ Tát không phải thần cũng không phải tiên, vì thế đồng học học Phật nhất định phải biết. Có một số người, đặc biệt là những người học khoa học với triết học, họ xem kinh Phật, nói với chúng tôi: “*Phật giáo không phải tôn giáo, Phật giáo là vô thần luận*”. Phật giáo thừa nhận có thần nhưng không hề nói thần sáng tạo vũ trụ, cũng không nói thế giới này là do thần tạo nên. “Người là thần tạo ra”, không có cách nói này, thật sự không có chuyện đó. Vô thần luận chính là mang cái ý này. Phật giáo thừa nhận có Lục đạo, có chư thiên, có quỷ thần. Nhưng địa vị của họ cũng giống như chúng ta vậy, đều thuộc về chúng sanh hữu tình; phiền não tập khí vẫn chưa đoạn sạch, vẫn ở trong vòng sáu nẻo luân hồi. Sáu nẻo luân hồi là sự việc như thế nào vậy? Nói khó nghe một chút nhưng đây là chân tướng sự thật, nó là oan oan tương báo, chẳng ngừng chẳng dứt. Người sáu nẻo chuyên làm cái chuyện này. Bạn mà thật hiểu rõ ràng, minh bạch rồi, cõi này không thể ở được.

Hải Hiền lão Hòa thượng là chúng sanh sáu nẻo ư? Đúng vậy, giống như chúng ta vậy. 92 năm, một câu Phật hiệu đã thay đổi Ngài, Ngài từ phàm phu biến thành Phật. Đây là điều mà chúng ta nên chú ý đến, phải thể hội được. Chúng ta không thể có tuổi thọ dài như Ngài; thọ mạng của Ngài dài như vậy là do A Di Đà Phật gia trì, vì muốn Ngài biểu pháp. Chưa thấy được quyển sách này, Ngài không thể rời khỏi nơi đây. Sau cùng Ngài biểu cái pháp này, chính là để chứng minh cho người tu Tịnh tông chúng ta. Chúng ta không hề đi sai đường, con đường chúng ta đi chính là Bồ đề khang trang đại đạo, là đạo thành Phật. Kiên định tín tâm với nguyện tâm, chắc chắn đi đến cùng. Chúng ta cũng giống như Ngài vậy, chắc chắn vãng sanh bất thối thành Phật. Lúc chúng ta vãng sanh sẽ nhìn thấy Ngài ở bên cạnh A Di Đà Phật, cùng đến tiếp dẫn chúng ta. Bạn thấy Phật rồi, cũng thấy được lão pháp sư; còn có một số đồng học từng cùng học với chúng ta, những người chúng ta quen biết, những người chúng ta nghe tên nhưng chưa thấy mặt, chỉ nghe tên mà thôi. Lúc vãng sanh, họ thảy đều đến nghênh đón. Chúng ta đến Thế Giới Cực Lạc không bao giờ cảm thấy cô quạnh trống trải, vì chư thượng thiện nhân đều cùng câu hội một chỗ; nơi đó không có oan gia đối đầu, mà là nơi chư thượng thiện nhân cùng câu hội một chỗ. Chân thật gọi là Cực Lạc, đến nơi đó trí huệ viên mãn, thần thông rộng lớn. Những gì chúng ta nghĩ đến đều đạt được, mà chúng ta không nghĩ đến cũng đạt được, thật quá tuyệt diệu rồi!

Phần sau lại giới thiệu cho chúng ta Phổ Hiền Bồ Tát: “**Phổ Hiền còn gọi là Biến Cát**”, *biến* là phổ biến, *cát* là cát tường. Biến Pháp giới hư không giới, Ngài đã sớm thành Phật rồi nhưng hiện thân Bồ Tát để giúp cho Thích Ca mau ni Phật, giúp cho A Di Đà Phật phổ độ tất cả chúng sanh. Ngài xuất hiện với thân phận là Đẳng giác Bồ Tát. Trong “Thanh Lương Sớ” nói: Phổ Hiền Bồ Tát có ba loại, thứ nhất là “**vị tiền**” (chỉ phát tâm Phổ Hiền), vẫn chưa tu hạnh Phổ Hiền nhưng đã phát tâm rồi. Tâm Phổ Hiền là gì? Là “***mười đại nguyện vương, lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng***”. Phát tâm nhưng chưa đi làm, thật đã có cái tâm ấy rồi, đây gọi là “vị tiền”. Nếu như bạn chân thật đi làm “tu hạnh Phổ Hiền” thật tu, đây chân thật là Phổ Hiền Bồ Tát. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều không được khuyết. Tịnh độ không yêu cầu tu hạnh Phổ Hiền nhưng Tịnh độ khuyến khích chúng ta, vì sao? Vì nó quá khó rồi. “Lễ kính chư Phật” có thể làm được không? Làm không được. Lễ kính chư Phật mang ý nghĩa gì? Tức là mắt nhìn thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, đó gọi là “lễ kính chư Phật”. Chỉ mỗi mình ta là phàm phu; trừ ta ra, mọi người đều là Phật. Trên kinh Hoa Nghiêm có nói: “**Tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật**”, ta xem tất cả chúng sanh, ai nấy đều là Phật nên ta lễ kính đối với họ, cung kính họ. Ai có thể làm được việc đó? Người thật tu hạnh Phổ Hiền làm được, người ấy nhất định đắc sanh Tịnh độ, vì sao? Tây Phương Thế Giới Cực Lạc là thị hiện của pháp môn Phổ Hiền. Mỗi một người ở Thế Giới Cực Lạc quả thật nhìn thấy tất cả chúng sanh đều là Phật. Vì sao? Vì họ nhìn từ tự tánh chứ không nhìn từ trên tướng. Nhìn từ trên tánh thì viên mãn, là Phật thật. Từ trên tướng mà nhìn, họ là phàm phu mê hoặc điên đảo. Không thể bởi vì họ mê hoặc điên đảo nên ta xem thường họ, thế coi như sai rồi. Thấy chúng sanh như thế nào vậy? Thấy họ giống như một người say rượu vậy, nhưng là người tốt. Lúc bình thường họ là người tốt, chỉ là bây giờ họ uống say thôi, mê rồi nên ăn nói hồ đồ; đợi họ tỉnh rượu, họ sẽ khôi phục lại bình thường. Phải dùng cái ví dụ này để nhìn nhận họ.

Hạnh Phổ Hiền khó, Phổ Hiền gọi là đại hạnh; tu đại hạnh, chứng đại quả. Trong truyền thống văn hóa Trung Quốc, lão tổ tông không hề đơn giản. Phật giáo chưa truyền đến Trung Quốc, lão tổ tông đã dạy chúng ta cái ý này; lão tổ tông cho chúng ta khái niệm “***nhân tánh vốn thiện***”; còn viết câu này thành câu đầu tiên trong “Tam tự kinh”, “Tam tự kinh” là sách giáo khoa dành cho nhi đồng. Quyển đầu tiên là quyển nhập môn, câu này được viết thành câu đầu tiên: “***Nhân chi sơ, tánh vốn thiện***”. Vốn thiện là sao? Vốn thiện chính là Phật, chính là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Hay nói cách khác, bổn tánh vốn thiện, cùng với câu “**Tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật**” mà Thế Tôn đã nói trong kinh Hoa Nghiêm, đều là cùng một nghĩa; cách nói tuy khác nhưng hoàn toàn nói về cùng một việc. Đây là sự thật, không hề giả. Chúng ta mê hoặc điên đảo, thấy cái này phê bình, thấy cái kia thì chỉ trích, thảy đều là tạo nghiệp. Ngày ngày tạo nghiệp nhưng chính mình lại chẳng hề hay biết, hữu ý hay vô ý toàn là tạo nghiệp, đều cho rằng bản thân mình ghê ghớm lắm, coi thường người khác.

Hai chữ “**lễ kính**” này, đây là dành cho chư Phật, chúng ta làm thế nào đều giác ngộ được? “Tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật”, ta lễ kính đối với hết thảy chúng sanh, phải có cái thái độ lễ kính như đối với chư Phật vậy. Thế thì đúng rồi! Thấy hết thảy mọi người, chúng ta thấy Phật là đảnh lễ ba lễ, thấy tất cả mọi người thậm chí còn cúi đầu kính cẩn. Về lý tuy khác nhưng sự cung kính thì hoàn toàn giống nhau, đều khom mình một cách cung kính. Cổ nhân Trung Quốc bất luận gặp nhau vào lúc nào đều là khom mình 90 độ, nhất định không có chuyện hủy báng.

Bạn xem, câu thứ hai nói là “**xưng tán Như Lai**”, đây chính là Tăng khen Tăng. “***Gia hòa vạn sự hưng***”, người một nhà khen ngợi lẫn nhau, nhà đó liền hưng vượng. Một doanh nghiệp mà ông chủ với nhân viên ca ngợi lẫn nhau, doanh nghiệp đó nhất định phát đạt. Xã hội cũng như vậy, quốc gia cũng như vậy, mà cả thế giới này cũng như vậy. Toàn bộ thế giới, giữa các nước đều tán thán nhau, thế giới sẽ hài hòa; thế thì làm sao có chuyện xung đột được! Nhân dân hạnh phúc, thảy đều phải tán thán lẫn nhau; không được phép hủy báng, hủy báng là đang tạo nghiệp địa ngục. Bạn chẳng qua là ghen ghét một người, nhưng bạn nào biết sự oán hận với hủy báng đó của bạn đã gây ảnh hướng lớn đối với mọi người, đặc biệt là đối với cha mẹ, tôn trưởng, lão sư, với Tam Bảo. Nếu như bạn hủy báng, người khác nghe thấy bèn mất đi lòng cung kính. Vì sao tâm cung kính đó của họ không còn nữa? Là bởi do bạn mà ra; bạn nói xem, nhất là đối với một người dẫn đầu.

Truyền thống văn hóa Trung Quốc suy đến ngày nay, đầu dây mối nhợ là do ai gây ra vậy? Chính là Từ Hy thái hậu. Từ Hy thái hậu không có lòng cung kính, tự mình xưng là lão Phật gia; đem Phật, Bồ Tát, Thánh hiền, Cổ thánh Tiên hiền đều đẩy xuống dưới, còn bà ta thì cao cao tại thượng. Khiến cho đất nước hiện thời, cái gọi là phần tử tri thức, thời đó nói là người đọc sách, tín tâm đối với truyền thống văn hóa ngày càng mờ nhạt. Đến khi Mãn Thanh mất nước, gần như tín tâm đối với văn hóa truyền thống Trung Quốc đã bị lung lay. Giờ Từ Hy đang ở địa ngục Vô Gián; lúc nào mới có thể ra khỏi, chẳng ai biết được. Trung Quốc đến lúc nào lại trở về với thời kỳ thái bình thịnh thế, có thể lúc đó bà ta sẽ được thoát ra. Chỉ cần có người đối với truyền thống văn hóa, đối với Cổ thánh Tiên hiền có sự hoài nghi, nghi ngờ đối với tổ tông, thì bà ta đừng hòng ra khỏi địa ngục, đó là tự làm tự chịu. Phụ thể của bà ta có đến tìm tôi, bây giờ hối hận thì cũng chẳng ích gì. Xin tôi giúp đỡ, tôi chỉ có thể lập bài vị cho bà. Trong phòng ghi hình của tôi, có để bài vị của bà, thật là đáng thương! Bao đời tích công lũy đức mới ngồi được ở bảo tòa của đế vương, thời gian tại vị chẳng làm việc tốt, sau cùng dẫn tới việc nhà tan người vong. Nước mất rồi, triều thanh vong quốc, bản thân chết đi đọa vào địa ngục do không biết cung kính. Cho nên, cung kính là hạnh Phổ Hiền Bồ Tát tu. Không phải Bồ Tát bình thường, Bồ Tát thông thường đạt không đến cảnh giới này.

Chúng ta nếu muốn tu tiêu nghiệp chướng, lễ kính với xưng tán, nghiệp chướng liền tiêu. Trong mười nguyện, chỉ cần tu hai nguyện, nghiệp chướng của chúng ta vô thủy kiếp đến nay liền có thể tiêu trừ, còn tiêu rất nhanh. Không được tiếp tục phê bình, không được hủy báng. Tự mình phải khiêm hư, tôn trọng người khác. Khiêm cung mới có thể tích đức, mới có thể tích công lũy đức; ngạo mạn, tự cho mình là đúng, công đức toàn bộ mất sạch. Cổ nhân có một câu nói, trong nhà Phật nói rằng, các bậc đại đức dạy rằng: “***Nhất niệm sân tâm khởi, bá vạn chướng môn khai***”, chướng ngại liền ùa về, một niệm cao ngạo công đức gì cũng đều mất hết.

“**Vị trung Phổ Hiền**”, Phổ Hiền là Đẳng giác Bồ Tát. Hay nói cách khác, từ sơ phát tâm đến khi chứng đắc Bồ Tát ở địa vị Sơ tín Đại thừa, bạn tu hạnh Phổ Hiền được gọi là vị tiền Bồ Tát. Phải biết rằng, chúng ta chưa chứng đến địa vị Sơ tín, chưa chứng địa vị Sơ tín thì không được tính. Là sao? Là coi như chưa tu. Khi thật sự chứng đắc quả vị Sơ tín rồi, tu hạnh Phổ Hiền. Mãi cho đến Thập địa, tổng cộng 50 vị thứ, gồm: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa. Đó đều thuộc về “vị tiền”, “vị trung” thì sao? Đó là Đẳng giác. Còn “vị hậu” thì sao? “**vị hậu**” tức là sau khi thành Phật, mới dùng thân phận Bồ Tát Phổ Hiền để giúp đỡ cho chư Phật Như Lai, giáo hóa chúng sanh, đó gọi là “vị hậu”. Vì thế, vị hậu “***đắc quả nhưng chẳng xả nhân hạnh, tức là đã thành Phật nhưng chẳng bỏ hạnh khi còn tu nhân***”, cái này gọi là “vị hậu”. “Vị hậu” không định là hiện thân gì, cho dù thị hiện thành Sơ tín, nhị tín hay tam tín đi chăng nữa thì vẫn là “vị hậu Phổ Hiền”, đó là Phật tái lai thị hiện. Trong kinh Hoa Nghiêm nói về ba loại lớn, rất nhiều người là vị hậu Phổ Hiền nhưng chúng ta không biết. Chúng ta hãy thử ngẫm lại thử xem, Hải Hiền Bồ Tát dường như rất giống một vị “vị hậu Phổ Hiền”. Đến vì chúng ta mà biểu pháp, đến để làm ra tấm gương này cho chúng ta xem, Ngài không phải người thường. Người bình thường nếu như có thể chiếu theo phương pháp của Ngài mà học, nhất định một đời đắc sanh Tịnh độ. Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền, bạn cứ tỉ mỉ xem xét chiếc đĩa này, chúng ta sẽ thấy mười đại nguyện vương đều trọn vẹn đầy đủ, chân thật không thể nghĩ bàn. Hạnh Phổ Hiền của Ngài là từ trong cuộc sống thường ngày, trong công việc, ở nơi xử việc, đối người, tiếp vật.

Thanh Lương Sớ giải thích chữ “Phổ Hiền” như sau: “**Quả không gì chẳng cùng tận là phổ**”, quả chính là tự tánh, tức minh tâm kiến tánh; kiến tánh một cách triệt để, một cách viên mãn, cứu cánh kiến tánh rồi. Đây gọi là “**quả chẳng gì không cùng tận**”, đây là ý nghĩa của từ “phổ”.

“**Chẳng xả nhân địa là hiền**”, cái ý này là chỉ cho vị hậu Phổ Hiền.

“**Do Như Lai hóa hiện**”, Như Lai là nói từ trên tánh, chư Phật là nói từ trên tướng. Cho nên, câu đầu tiên bảo là “lễ kính chư Phật”, câu thứ hai là “xưng tán Như Lai”, không hề nói là chư Phật. Chư Phật với Như Lai là hai nghĩa khác nhau, chư Phật là nhìn từ trên tướng nhưng Như Lai là nhìn từ trên tánh, chứ không phải trên tướng.

Tương ưng với tánh đức thì xưng tán, không tương ưng với tánh đức thì không xưng tán; cho nên nó có sự phân biệt một chút. Nói từ trên tướng, bất kể bạn là gì đi chăng nữa, chúng ta thảy đều được xưng là chư Phật, đều phải lễ kính, nhưng xưng tán có sức ảnh hưởng. Nếu như họ bất thiện, họ làm ra những điều toàn là “tham, sân, si” mà ta cũng xưng tán họ, khiến người khác cũng tạo “tham, sân, si”, thế thì có tội rồi. Cho nên, đi ngược với tánh đức thì không xưng tán, không nói gì hết, không để trong tâm. Nếu như tương ưng với tánh đức, với Tam quy, năm giới, mười thiện, tương ưng với những điều này thì chúng ta xưng tán; không tương ưng thì không xưng tán. Đây chính là chỗ khác nhau giữa “**lễ kính**” với “**xưng tán**”, cái này không thể không biết. “Lễ kính”, dẫu họ là một kẻ ác nhân. Ác là hành vi hiện tại của họ thôi nhưng bổn tánh của họ vốn thiện, bổn tánh không bao giờ ác, chúng ta lễ kính là lễ bổn tánh. “Xưng tán” là từ sở tu, xét trên hành nghiệp của họ. Họ là thiện tâm, thiện hành, thiện nhân thiện quả thì chúng ta xưng tán; bất thiện thì không xưng tán; đây có sự khác biệt.

Còn sự “**cúng dường**” là bình đẳng. Người này ác nghiệp đa đoan, gặp phải cảnh khốn cùng đói khát không có gì lót dạ, chúng ta nên cúng dường cho họ. Vì thế, cúng dường, phải “quảng tu cúng dường”, người hiền kẻ ác gặp phải lúc cần giúp, chúng ta đều nên cúng dường cho họ; cúng dường một cách bình đẳng, không phân thiện ác; những điều này chúng ta phải hiểu.

“**Sám hối nghiệp chướng**”: Người hiện thời, có một số người không thấu hiểu đối với Phật Pháp, cho rằng cầu siêu độ có thể giải quyết được vấn đề. Làm pháp sự cầu siêu độ nếu như không chân thật sám hối, không cách gì tiêu trừ nghiệp nổi. Vì sao làm biết bao pháp hội, thậm chí còn đề xướng Phật thất; mười thất, một trăm thất làm xong rồi nghiệp chướng vẫn chưa thể tiêu trừ, nguyên nhân do đâu? Do không có sám hối. Chân thật sám hối, lợi ích liền đạt được. Chuyện này các vị từ trong đĩa mà thấy, lão Hòa thượng không có nghiệp chướng, bởi vì trong tâm của Ngài chỉ có một câu “A Di Đà Phật”. Ngoại trừ “A Di Đà Phật” ra, không hề có tạp niệm, không có vọng tưởng nên Ngài không có nghiệp chướng. Vì thế, Ngài có cảm ứng không thể nghĩ bàn. Ngài nói, lúc 20 tuổi Ngài có trồng bí đao, bị em họ ăn trộm mất, Ngài cũng không biết ai lấy nên Ngài nguyền rủa người ta: “*Ai mà lấy trộm bí của tôi, cầu cho người đó lở loét, bệnh tật*”, em họ của Ngài thật sự bị lở loét sanh bệnh. Vì vậy, dì của Ngài bèn đến tìm Ngài: “*Con đừng niệm nữa, em con thật sự lở loét đau đớn lắm rồi, không chi khỏi được*”, Ngài vừa nghe cũng sợ hết hồn. Ngài cho rằng, niệm thì niệm thế thôi chứ đành cho qua vậy, ai ngờ lại thành sự thật thế này. Ngài vội vàng sửa lại suy nghĩ: “*Xin khiến cho đệ đệ mau khỏe lại, xin cho đệ ấy mau chóng khỏe lại*”. Thế là hai, ba ngày sau, em họ Ngài khỏe lại thật. Nhờ đó, Ngài mới biết niệm lực không thể nghĩ bàn. Về sau, cả đời không dám trù rủa ai nữa. Vì sao? Vì Ngài niệm rất linh chứ không phải không linh, mà là linh thật. Vì sao? Vì Ngài dùng chân tâm, dùng tâm thanh tịnh.

Hôm nay chúng ta rủa người khác, vì sao không linh? Cầu cũng không linh, dẫu thiện hay ác đều không linh. Đó là do tâm chúng ta ô nhiễm quá nặng, vọng tưởng tạp niệm vô lượng vô biên. Ngay cả danh hiệu Phật cũng chẳng dễ gì vào đầu nổi, trong tâm không có Phật. Bản thân chúng ta hãy nghiêm túc rà soát thử là biết ngay thôi. Nghĩ thử xem, cả ngày từ sớm đến tối, lúc nào thì trong tâm mình có Phật? Bài công khóa sớm tối, trong tâm có Phật, vậy có mấy niệm là Phật? Công khóa sớm tối, niệm A Di Đà Phật là dùng cái tâm gì, tâm vọng tưởng hay tâm tạp niệm?. Những tâm này cứ đan xen cùng với Phật hiệu, nó không thanh tịnh, cho nên niệm Phật không đạt được lợi ích. Nguyên nhân chính ngay chỗ này, không phải Phật không linh, là do chúng ta dùng sai tâm rồi.

Hôm nay thời gian đến rồi, lần sau chúng ta sẽ giảng tiếp phần này. Chú giải của Niệm lão hoàn toàn lấy từ kinh điển, cho nên Chú giải của Ngài là tập giải. Ngài đã dùng 83 bộ kinh luận và 110 loại trước tác của Tổ sư đại đức để chú giải cho bộ kinh này. Vì vậy, cái giải này gọi là tập giải; còn chú là tập chú, không phải ý kiến riêng của Ngài. Ngày nay dùng cách này là có trí huệ; tránh chuyện người khác phê bình, nói “anh lấy tư cách gì mà chú giải kinh điển”, “đây không phải chú của tôi, là trên kinh giải thích như vậy”. Cổ đại đức giải thích như thế, mọi người sẽ không còn lời nào nói được nữa. Ở vào cái thời đại này, đố kỵ chướng ngại vô cùng nghiêm trọng, vì vậy nhất định phải biết cách né tránh, phải hạ thấp thái độ của mình hết mức có thể. Ta có suy nghĩ này, xem coi liệu người xưa có hay không? Có, thì dùng của người xưa, đừng dùng ý của riêng ta; đó chính là thời đại trước mắt. Học Phật như pháp, chân thật tương ứng với hoàn cảnh trước mắt; tránh việc người khác gây nghiệp, khiến cho người ta nhìn thấy sanh lòng hoan hỷ, không khởi đố kỵ chướng ngại.

Cho nên, lão Hòa thượng kiến tánh rồi, cái gì cũng biết nhưng không nói, đó là chỗ cao minh của Ngài. Cảnh giới của Ngài có người hiểu được, không phải không có. Có Ngài, có một số đồng tham đạo hữu, những đồng tham đạo hữu đó thường sống cùng Ngài, nên đều biết; nên trong thời kỳ loạn lạc đều bình an mà qua ngày, không có bất kỳ chướng ngại nào. Trong hoàn cảnh gì đều có thể nhẫn được; thành tựu nhẫn nhục Ba la mật.

Tốt rồi, hôm nay chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**